



Chủ nhiệm: HT. Thích Nguyên Trí
Trị sự: ĐĐ. Thích Huệ Cảnh
Thư ký: ĐĐ. Thích Đồng Thiện
Thủ quỹ: Ni sư Thích Diệu Tánh
Chủ bút: Vĩnh Hào

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: Tâm Quang

Hình bìa: Valiunic (Pixabay.com)

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo/Phát hành:

(714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email: baivochanhphap@gmail.com.

Trân trọng cảm ơn.

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ◆ THƯ TÒA SOẠN, trang 2
- ◆ TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI (Diệu Âm lược dịch), trang 4
- ◆ NỘI DUNG KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA, t.t. (HT. Thích Thắng Hoan), trang 9
- ◆ TRỞ LẠI DENVER SAU 10 NĂM (thơ ĐNT Tín Nghĩa), trang 10
- ◆ BA PHÁP QUẢN HOA NGHIÊM (Nguyễn Thế Đăng), trang 11
- ◆ CUỘC THƠ, GIỮA NGÀN KHƠI XA... (thơ Tâm Nhiên), trang 14
- ◆ QUẢ BÁO XUA ĐUÔI CHÚNG TĂNG (Quảng Tánh), trang 15
- ◆ NHỮNG BÀ MẸ CỦA CHÚNG TA (Thị Giới), trang 16
- ◆ PHÁT GIÁO: TÔN GIÁO CHO NGƯỜI KHÔNG THÍCH TÔN GIÁO? (Trần Trọng Hiếu dịch), trang 20
- ◆ CUỘC CHIẾN HAI BÀN TAY (TN Như Thủy), trang 24
- ◆ THE BRIDGE – CÂY CẦU (thơ Octavio Paz – Pháp Hoan dịch), trang 26
- ◆ VAI TRÒ CỦA NI GIỚI ĐỐI VỚI PGVN TẠI HOA KỲ (TN Giới Châu), trang 27
- ◆ NGƯỜI ÁO LAM (Huỳnh Kim Quang), trang 29
- ◆ HÃY TỰ MÌNH THẤP ĐƯỢC LÊN MÀ ĐI – Câu chuyện dưới cờ (Thị Nguyên Nguyễn Đình Khôi), trang 32
- ◆ CHIỀU VÀNG (thơ Bạch Xuân Phê), tr. 32
- ◆ TỰ THẮNG MÌNH LÀ CHIẾN CÔNG OANH LIỆT NHẤT – Phật Pháp Thứ Năm (Nhóm Áo Lam), trang 33
- ◆ THIÊN PHÁI TÁO ĐỘNG TÔI VIỆT NAM, t.t. (Nguyễn Lang), trang 34
- ◆ NGHĨ VỀ AN TỬ HÌNH (Nguyễn Giác), trang 38
- ◆ TU TÂM (thơ Chúc Hiền), trang 39
- ◆ LỜI CŨ ẮN TÌNH XƯA (Tuệ Như), tr. 40
- ◆ VỀ Đâu KHI GIÔNG BÃO (TN Huệ Trần), trang 42
- ◆ STORY OF A FISHERMAN NAMED ARIYA (Daw Mya Tin), trang 43
- ◆ NGÀY GẶP PHỤ VƯƠNG (thơ TM Ngô Tăng Giáo), trang 46
- ◆ TINH TẤN MAGAZINE RA MẮT: TRUYỀN ĐẠT LỜI PHẬT DẠY (Binh Sa), trang 47
- ◆ NGHE NHƯ TIẾNG GỌI (thơ Tánh Thiện), trang 48
- ◆ NHẬN THỨC CHÂN THẬT (Nguyễn Minh), trang 49
- ◆ ÁO GIÁC NÀNG, HOÁT NHIÊN, XẢ BỎ (thơ Phù Du), trang 53
- ◆ TÀN MẠN VỀ ĂN CHAY (Đồng Thiện), trang 54
- ◆ AN LẠC LÂM (thơ Tiểu Lục Thân Phong), trang 55
- ◆ TRUYỀN NGÀN TRĂM LINH TÂM CHỦ (Steven N.), trang 56
- ◆ NẤU CHAY: CHÁO NĂM TRĂM (Nahangamthuc.com), trang 57
- ◆ HÃY LÀ MỘT BỆNH NHÂN SÁNG SUỐT (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 58
- ◆ HỒ TRƯỜNG TRĂNG VÂN XANH (thơ Hoàng Xuân Sơn), trang 59
- ◆ TRƯỜNG BÒ ĐỀ (Tiểu Lục Thân Phong), trang 60
- ◆ CỐT NHỤC TÌNH THÂM (thơ TN Giới Định), trang 61
- ◆ CỬA TUY ĐẤT CÁT LÒNG CON KÍNH THÀNH (Truyện cổ Phật giáo), tr. 62
- ◆ MƯA PHÁP ĐẤT TÂM (thơ Chân Minh Trí), trang 63
- ◆ KỶ NIỆM 10 NĂM ĐLHT THÍCH HUỆYÊN QUANG VIÊN TỊCH (Binh Sa), trang 64
- ◆ HẠ CA (thơ Hiền Nguyễn), trang 67
- ◆ LÃO HÁT RONG TRÊN BỜ BIỂN CANGH ĐẶC KHU (Đạt giả Dương Thanh Lương), trang 68
- ◆ LÀN ĐÀU HỌP MẶT GIỚI TRẺ PHẬT GIÁO TẠI QUẬN CAM (Việt Báo), trang 72
- ◆ QUỐC TÔ HÙNG VƯƠNG (thơ Diệu Viên), trang 64
- ◆ BỤI ĐƯỜNG – chương 8, t.t. (Vĩnh Hào), trang 75



Báo Chánh Pháp số 82, tháng 09 năm 2018, do Chùa Quang Thiện (California) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý tự và chư phật tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

GIÓ MỚI ĐẦU THU

Những ngày cuối hạ oi bức, không làn gió thoáng. Cây cối trơ ra như những tượng đá trong vườn thần chết. Mọi thứ như dừng đứng để chờ đợi một phép lạ. Tuần trước, rừng ở quận hạt lân cận bị cháy suốt mấy ngày khiến bầu trời mù mịt khói đen, nắng không xuyên qua được, chỉ ửng lên cả một vùng trời màu vàng nghệ lạ thường. Nay thì trời trong không một gợn mây. Bầy quạ đen lại tranh nhau miếng mồi nào đó, kêu quang quác đầu hè. Rồi im. Bầy chim sẻ đi đâu mất dạng gần một tháng hè gay gắt nắng. Bất chợt, có con bướm cánh nâu lạc vào khu vườn nhỏ. Và gió từ đâu rung nhẹ những nhánh ngọc lan đang lác đác khai hoa, thoảng đưa hương ngát hiện nhà. Phép lạ đã đến. Gió đầu thu.

Dục vọng là một bản năng, đến với chúng ta từ khi chào đời, và được nuôi dưỡng theo ngày tháng với sự khích lệ (nhẹ nhàng hay mạnh mẽ, vô tình hay cố ý) của gia đình, học đường, xã hội. Dục vọng, biểu hiện rõ rệt qua cảm giác và tư tưởng, luôn có đối tượng của nó. Đối tượng có khi chỉ là cái bánh, viên kẹo, đem lại cảm giác vui thích nho nhỏ; có khi là món quà sinh nhật hay quà Tết với áo quần mới; có khi là bằng cấp, việc làm có lương cao; có khi là nữ trang, hột xoàn của ngày đính hôn, ngày cưới; có khi là sắc đẹp, tài năng, nhà cửa, tài sản, v.v... và hơn thế nữa, là danh vọng cao sang, quyền bính tốt bụng trong xã hội, quốc gia. Dục vọng không bao giờ thỏa mãn với đối tượng mà nó nhắm đến. Nó luôn nhàm chán, và muốn vượt qua đối tượng, mưu tìm một đối tượng khác cao hơn, mang cảm giác mạnh hơn. Và tiến trình mưu cầu sẽ là con đường dài truân chuyên, khổ ải xuyên qua cuộc đời trăm năm (có khi là nhiều đời kiếp khác ở tương lai), không biết đâu là chỗ dừng lại.

Tiền nghi vật chất càng tăng trưởng, dục vọng càng được thúc đẩy cho những cuộc săn lùng mới, đầy kích thích và thú vị. Thế giới vì vậy, càng lúc càng trở nên hỗn loạn, bất an, bất toàn.

Thảng hoặc một lúc nào đó, gã cùng tử mệt mỏi, dừng chân, không muốn tìm kiếm nữa; khát vọng trong hân vẫn thúc đẩy một cuộc kiếm tìm ở cung bậc cao hơn, nhẹ nhàng, thánh thiện hơn, chẳng hạn một đời sống xả ly, tiết dục, giảm thiểu nhu cầu vật chất. Nhưng đó cũng chỉ là mặt ngoài, là vỏ bọc của một quả cầu lửa—trái đất—mà hân đang đứng bên trên một cách bình an mỗi ngày. Nếp sống xả kỷ và sự tuân thủ giới luật, vẫn chỉ là hình thức, không thể dập tắt được sự âm ỉ hay hừng hực của lửa dục.

Theo triết lý nhà Phật, vấn đề là phải nhận chân được căn nguyên của dục vọng, chứ không phải là tìm cách dập tắt nó hoặc dẹp bỏ những đối tượng. Một khi nhìn ra được nó một cách rõ ràng, chân xác, nó sẽ không còn sai xử chúng ta truy tìm, chạy đuổi theo những đối tượng, ảo tượng.

Căn nguyên của dục vọng là gì?

Khi một người chỉ biết vợ vét, tích lũy, dành dụm của cải tài sản, không biết ban phát hiến tặng một tí gì cho đời: hân đang bị cột trói bởi một chủ nhân.

Khi một người luôn tự cao, tự đại, tự tôn, kiêu kỳ, ngạo mạn, nghĩ mình là hàng thượng đẳng, nghĩ mình là trung tâm, mọi người phải tuân phục: hân đang bị cầm đầu bởi một chủ nhân.

Khi một người luôn tự ái, nóng giận, hận thù và thường xuyên bị tác động bởi những tiếng khen-chê: hân đang bị điều khiển bởi một chủ nhân.

Khi một người luôn cho mình là bậc trí tuệ, sáng suốt không ai bằng, chỉ có mình mới có khả năng giải quyết được vấn đề của cuộc đời: hân đang bị bịt mắt bởi một chủ nhân.

Chủ nhân của hẳn là ai?

Con chó được người hàng xóm dắt đi dạo, ngang qua nhà người khác, chỗ mớm sữa người chủ nhà.

Con quạ giành được miếng ăn, hăm hờ mổ, nhai ngấu nghiến, rồi bay lên đậu trên nóc nhà, ngoái cổ nhìn qua nhìn lại; kêu lên một tiếng khô khan, ý chừng đã thỏa mãn.

Báo chí nói rừng bị cháy lan suốt cả tuần là do một người bệnh hoang tưởng nổi lửa đốt. Hàng chục ngàn người được lệnh chuẩn bị di tản. Hàng trăm ngôi nhà bị cháy, hàng trăm ngàn mẫu rừng bị thiêu rụi. Nhưng ngôi nhà của người bệnh này an toàn, không hề hấn gì.

Ban trưa, bầy chim sẻ bồng từ đâu quay về, lũng sục thức ăn khắp vườn sau, không thấy gì, réo nhau bay đi, để lại một sân ngập nắng.

Con bướm cánh nâu nhẹ nhàng nhip cánh, nhớn nhỡ, vờn trên những nụ hoa thơm ngát.

Có phép lạ nào đâu! Gió đầu thu hôm nay không giống gió đầu thu năm trước, nhưng cũng là gió, không gì mới; chỉ là sự lặp lại của một vận hành thời tiết.

Con người trong thế giới hiện đại cũng chẳng làm nên phép lạ gì, chẳng làm thêm trò gì mới trong cuộc mộng nhân sinh ngoài việc sáng chế và phát triển những tiện nghi đời thường, sao cho thỏa mãn những thị hiếu tham lam của mọi người. Đối tượng thì có mới, có đổi thay, nhưng bản chất của dục vọng chưa hề thay đổi.

Không chuồn chuồn bay, nhưng biết, *gió heo may đã về* (*), rồi sẽ có lá vàng rụng khắp nơi cho một mùa thu mới.

(*) Lời của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn trong bài "Nhìn những mùa thu đi."



TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

CANADA: Số lượng bò rừng gia tăng sau khi Phật tử quản lý Công viên Buffaloland

Mùa xuân này Công viên Buffaloland ở Milltown Cross, Đảo Hoàng tử Edward (PEI), đã chào đón sự ra đời của 5 con bê cho đàn bò rừng tại đây, nâng tổng số lượng của đàn lên 56 con.

Buffaloland được sở hữu và điều hành bởi Tổ chức Quốc tế Anh Trắng, một tổ chức Phật giáo. Tổ chức này nắm quyền quản lý công viên cách đây 4 năm, khi đó chỉ có 38 con bò rừng lang thang trên đồng cỏ rộng 40 héc-ta.

Trước đó, công viên do chính quyền tỉnh bang PEI trông nom và đàn bò rừng đã bị thải loại hàng năm để kiểm soát số lượng. Nhưng do Tổ chức Anh Trắng không có đức tin tôn giáo về việc sát sanh, nên số lượng của đàn thú này hiện nay được quản lý bằng cách thiến những con bò đực trẻ.

Công viên Buffaloland miễn phí cho công chúng, vì vậy thực phẩm, tiền lương và các hóa đơn thú y được trả tiền thông qua các khoản đóng góp chủ yếu đến từ Phật tử trên khắp thế giới.

(Lion's Roar - July 23, 2018)



*Bò rừng tại Công viên Buffaloland ở PEI, Canada
Photo: Murray Foubister*

ẤN ĐỘ: Đức Đạt lai Lạt ma ca ngợi Phật tử và tín đồ Hồi giáo tại Zankar cam kết hòa hợp tôn giáo

Dharamshala, Ấn Độ - Ngày 23-7-2018, mối liên kết giữa tín đồ Hồi giáo và Phật giáo tại khu vực Phật tử chiếm đa số Zankar có thể đang trên đường hồi phục, khi các vị đại diện từ 2 tín ngưỡng này cam kết hòa hợp liên tôn giáo với sự hiện diện của vị lãnh đạo Tây Tạng Đức Đạt lai Lạt ma.

Phật tử và tín đồ Hồi giáo khu vực Zankar đã trình một lá thư lên Đức Đạt lai Lạt ma, cam kết sẽ tiến lên từ 6 năm căng thẳng đối lập tôn giáo đã qua, và thúc đẩy tình hữu nghị liên tôn giáo giữa 2 cộng đồng vốn đã từng chứng kiến những xung đột trong quá khứ. Đức Đạt lai Lạt ma, vị lãnh đạo Tây Tạng 83 tuổi, người luôn bảo vệ sự hòa hợp tôn giáo như một trong những cam kết của ngài, đã đánh giá cao nỗ lực của cả hai nhóm tín ngưỡng này.

(Phayul - July 24, 2018)



*Đức Đạt lai Lạt ma hội kiến đại diện Phật tử và tín đồ Hồi giáo khu vực Zankar
Photo: TibetNet*

HOA KỲ: Triển lãm thư pháp Phật giáo 'Thần chú Chuyển động'

New York, Hoa Kỳ - Từ ngày 13-9 đến 08-11-2018,

triển lãm 'Thần chú Chuyển động' sẽ được tổ chức tại Trung tâm Văn hóa của Đức Đạt lai Lạt ma ở thành phố New York.

Cuộc triển lãm này trình bày một loạt các tác phẩm tinh tế được sáng tác gần đây bởi nhà thư pháp bậc thầy Jamyang Dorjee Chakrishar.

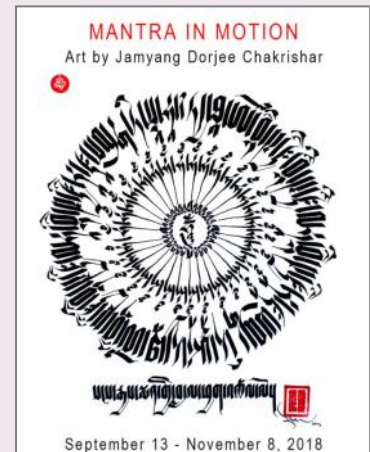
Chủ đề chính của bộ sưu tập này là Phật Dược sư, và Jamyang khám phá nhiều con đường khác nhau dựng lên bản chất chữa bệnh phi thường và quý giá của Đức Phật Dược sư Tịnh Độ Đông phương.

Jamyang Dorjee Chakrishar làm việc với tổ chức Bảo tồn Văn hóa và Nghệ thuật Tây Tạng, một tổ chức phi chính phủ quốc tế chuyên bảo tồn di sản văn hóa sống của Tây Tạng, và giữ kỷ lục thế giới về việc tạo ra cuộn thư pháp dài nhất.

Các tác phẩm nghệ thuật thư pháp của Jamyang thường được dùng làm công cụ thiền định, đã được trưng bày trên toàn thế giới và được năm trong các bộ sưu tập riêng của Đức Đạt lai Lạt ma, đại sư Lodi Gyari Rinpoche, diễn viên Richard Gere, Lạt ma Zopa Rinpoche và những người khác.

(tibethouse.us - July 25, 2018)

Poster của triển lãm 'Thần chú Chuyển động' Photo: tibethouse.us



ẤN ĐỘ: Tòa án Tối cao Patna ra lệnh công bố Bồ đề Đạo tràng là một khu vực không-có-nhựa

Ngày 23-7-2018, Tòa án Tối cao Patna của bang Bihar đã chỉ thị chính quyền Quận Gaya công bố Bồ đề Đạo tràng là một khu vực không có nhựa. Tòa yêu cầu chính quyền Bihar hành động chống lại ô nhiễm do túi polythene gây ra, sau khi các báo cáo tin tức đại phượng cho thấy mức độ ô nhiễm nhựa tại Hồ Muchalinda.

Hồ Muchalinda được đặt theo tên xà vương tên là Mucalinda, là con rắn đã bảo vệ Đức Phật khỏi cơn bão. Hồ này nằm bên phải của Chùa Đại Giác và giữa hồ có bức tượng mô tả câu chuyện nói trên.

Gần đây, các báo cáo tin tức địa phương đang thu hút sự chú ý đối với việc ô nhiễm nhựa tại Hồ Muchalinda. Hầu hết các sản phẩm nhựa được du khách đưa vào bên trong khu Chùa Đại Giác cuối cùng đều bị ném xuống nước, dẫn đến sự ô nhiễm vốn đang đe dọa hồ này.

(Buddhistdoor Global – July 27, 2018)



Hồ Mucalinda và tượng Đức Phật. Photo: somewhereindhamma.blogspot.com

THÁI LAN: Sinh nhật thứ 66 của Vua Thái Lan được tổ chức với nghi lễ Phật giáo

Ngày 28-7-2018, Quốc vương Thái Lan đã bước sang tuổi 66 và nhiều địa phương đã vinh danh ông bằng cách thực hiện những nghi lễ Phật giáo.

Vào sáng sớm, tại một sân

trống gần Hoàng cung, Thủ tướng Thái Lan Prayut Chan-ocha đã dẫn đầu 3,500 quan chức chính phủ và các thành viên của công chúng trong việc cúng dường phẩm vật cho 670 tu sĩ Phật giáo đến từ khắp thủ đô Bangkok.

Trên khắp đất nước Thái Lan, mọi người lũ lượt đến các chùa để cầu nguyện và cúng dường vật phẩm cho các nhà sư mặc áo vàng, màu sắc biểu thị lòng trung thành với chế độ quân chủ.

Cúng dường phẩm vật là một thực hành điển hình ở Thái Lan, nơi phần lớn dân số là Phật tử. Nó biểu thị một sự khởi đầu tốt đẹp của năm tuổi mới cho những người ăn mừng sinh nhật của mình.

sbs.com.au – July 28, 2018)



*Vua Thái Lan Maha Vajiralongkorn
Photo: Google*

NHẬT BẢN: Đình chùa Myohoin ở Kyoto thay đổi vị trí của 2 tượng Thần Gió và Thần Sấm

Lần đầu tiên trong khoảng 80 năm, một sự thay đổi lớn đã được thực hiện để sắp xếp 2 tượng Thần Gió (Fujjin) và Thần Sấm (Raijin), và 28 tượng Phật khác tại đình Sanjusangendo của chùa Myohoin ở Kyoto.

Ngày 31-7-2018, ngôi đình đã công bố sự sắp xếp mới của 2 pho tượng là bảo vật quốc gia này.

Cho đến gần đây, tượng Thần Gió được tôn trí ở bên trái, và tượng Thần Sấm bên phải. Vì không có lý do rõ ràng cho sự sắp xếp này, đình chùa đã quyết định thay đổi nó về lại bản gốc – dựa

trên các bức tranh lịch sử và các tài liệu nguồn khác.

Người ta tin rằng 2 tượng nói trên là mô hình dành cho họa sĩ nổi tiếng Tawaraya Sotatsu, một họa sĩ nổi tiếng vào những năm đầu của thời Edo (1603-1867), khi ông vẽ bức "Bình phong Thần Gió và Thần Sấm". Do đó, đình Sanjusangendo đã chuyển vị trí của các tượng lại thành Thần Sấm bên trái và Thần Gió bên phải, để phù hợp với tác phẩm nghệ thuật của họa sĩ Tawaraya.

(Yomiuri Shimbun – August 1, 2018)



*Tượng Thần Sấm với những chiếc trống bao quanh (bên trái), và Thần Gió mang túi không khí (bên phải)
Photo: Yomiuri Shimbun*

ANH QUỐC: Phật tử tại Kendal kỷ niệm 30 năm cuốn sách Giới thiệu Phật giáo

Nhóm Phật giáo Nam Tông của thị trấn Kendal, hạt Cumbria, đã tham gia một khóa tu để kỷ niệm 30 năm kể từ khi xuất bản một cuốn sách cùng viết bởi Jacquetta Gomes, một trong những giáo viên của nhóm.

Cuốn 'Giới thiệu Phật giáo' do Hội Phật giáo Luân Đôn xuất bản vào năm 1988 để đi cùng khóa học Giới thiệu Phật giáo của hội, với sự tham gia giảng dạy của bà Gomes từ nhóm Kendal.

Sách này kể từ khi xuất bản đã vươn xa đến tận Tích Lan, Mã Lai, Đài Loan và Hoa Kỳ. Sách hiện có sẵn trên các

trang mạng bao gồm Google Books, và Access to Insight (của Phật giáo Nam Tông).

Khóa tu kỳ niệm sự kiện này được dẫn dắt bởi hòa thượng Pidiville Piyatissa, sư trưởng chùa Ketumati ở Manchester.

(The Westmoreland Gazette – August 1, 2018)



*Cuốn 'Giới thiệu Phật giáo'
Photo: The Westmoreland Gazette*

THÁI LAN: Đội bóng đá thiếu niên 'Lợn rừng' kết thúc 9-ngày tu tập làm sa di Phật giáo

Ngày 31-7-2018, đội bóng 'Lợn rừng' đã hoàn thành 9 ngày tu tập như những sa di tại chùa Wat Phra That Doi Wao ở huyện Mae Sai của tỉnh Chiang Rai.

Các cầu thủ thiếu niên-sa di này đã tham gia một nghi lễ để rời chùa vào lúc 9.20 am.

Ekkapol Chantawong, huấn luyện viên của đội, vẫn ở lại chùa do anh đã quyết định tiếp tục tu tập trong suốt 3 tháng An cư Kiết hạ.

Đội bóng đã chọn việc tu tập để làm công đức cho Sĩ quan Hải quân Saman Kunan, người đã thiệt mạng trong hàng động trên đường quay về trong công tác cung cấp bình dưỡng khí cho đội 'Lợn Rừng'.

(The Nation – August 4, 2018)

Các cầu thủ 'Lợn rừng' rời chùa trong khi huấn luyện viên của đội (bên phải) vẫn ở lại tu tập

Photo: The Nation



AFGHANISTAN: Hoãn lại kế hoạch phục chế một trong 2 tượng Đại Phật Bamiyan

Một hội đồng chính phủ Afghanistan đã hoãn lại kế hoạch phục chế một trong 2 tượng Đại Phật Bamiyan bị Taliban phá hủy vào năm 2001.

Hội đồng các chuyên gia này đã đưa ra quyết định trên, sau khi nghiên cứu 4 kế hoạch phục hồi do các nhóm từ Nhật Bản, Đức và Ý đệ trình.

Các đề xuất của các nhóm từ Đức và Ý là sử dụng không chỉ những mảnh vụn, mà còn dùng cả vật liệu bằng đá cẩm thạch để xây dựng lại bức tượng cao 38 mét này.

Tại một cuộc họp vào ngày 29-7-2018, các chuyên gia đã quyết định rằng các phương pháp như vậy có thể làm giảm giá trị Di sản Thế giới UNESCO của bức tượng.

Nhóm người Nhật thì đề nghị bảo tồn tình trạng hiện tại của bức tượng bị phá hủy và xây một tượng đài của Đức Phật tại một địa điểm khác. Nhưng các thành viên của hội đồng cho biết họ chỉ chấp thuận ý tưởng bảo tồn địa điểm hiện tại của nhóm này.

(tipitaka.net – August 5, 2018)



Một địa điểm phế tích tượng Đại Phật Bamiyan, Afghanistan Photo: NHK



ẤN ĐỘ: Tu viện Phật giáo Tnagyd Gompa ở vùng Hy Mã Lạp Sơn chuẩn bị cho mùa đông

Lahaul-Spiti, Hiamchal Pradesh (Ấn Độ) – Nằm ở độ cao khoảng 5,500 mét, tu viện Phật giáo Tnagyd Gompa là nơi mà tuyết có thể khiến các nhà sư bị cách ly hoàn toàn trong 7 tháng của một năm.

Chư tăng và cư dân của ngôi làng Komik gần đó, nơi được cho là cao nhất châu Á, đã tích cực chuẩn bị sẵn sàng cho mùa đông, tích trữ thức ăn và nhiên liệu, sấy rau củ và cầu nguyện.

Hiện nay việc tổ chức lễ hội và chào đón một lượng nhỏ khách du lịch gan dạ do 20 tầng sĩ cư trú tại tu viện đảm trách – nhưng khi tuyết đến thì chỉ còn khoảng một chục sư ở lại.

Cuộc sống tại tu viện Tnagyd Gompa hơn 500 năm tuổi ở khu Komik và các làng mạc xung quanh đang bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu.

Trong khi người dân địa phương muốn có thêm khách du lịch và cơ sở hạ tầng tốt hơn – nhất là các cơ sở y tế – họ cũng đang hy vọng những người có quyền lực có thể tiến bộ trong việc chống lại biến đổi khí hậu.

(AFP – August 7, 2018)



Tu viện Phật giáo Tnagyd Gompa



Chư tăng và dân làng Komik tích cực chuẩn bị sẵn sàng cho mùa đông—Photos: Xavier Galiana

ÂU CHÂU: Lạt ma Garchen Rinpoche hoàng pháp tại 5 nước châu Âu

Từ ngày 31-7 đến 8-9-2018, Lạt ma Garchen Rinpoche, một trong những Lạt ma cao cấp nhất của dòng truyền thừa Phật giáo Tây Tạng Drikung Kagyu, đã đến thủ đô Moscow của Nga để chủ trì một khóa tu Vajrakilaya (Kim Cang Phổ Ba). Sau đó ngài tiếp tục chương trình giảng pháp của mình tại Hungary, Ukraine, Ba Lan và Áo.

Sinh năm 1936 tại miền đông Tây Tạng, Lạt ma Garchen Rinpoche học đạo pháp từ một số vị Lạt ma được tôn kính nhất của dòng truyền thừa Drikung. Năm 19 tuổi, ngài theo học khóa tu 3-năm, nhưng không thể hoàn thành việc này do cuộc cách mạng văn hóa Trung Quốc tại Tây Tạng. Sau đó ngài bị giam cầm trong 20 năm sau khi ngài đấu tranh để bảo vệ Tây Tạng và bảo tồn Phật pháp. Ngài được phóng thích vào năm 1979 và cống hiến đời mình cho việc truyền bá Phật pháp trên khắp thế giới. Hiện nay Lạt ma Garchen Rinpoche có các trung tâm tại Á châu, Âu châu, Bắc Mỹ và Nam Mỹ.

(Buddhistdoor Global - August 15, 2018)



Lạt ma Garchen Rinpoche chủ trì một khóa tu Vajrakilaya tại Moscow, Nga
Photos:facebook.com

TÍCH LAN: Chính phủ đương nhiệm đã chi 2.5 tỉ Rupees cho việc bảo tồn các di tích khảo cổ và Phật giáo

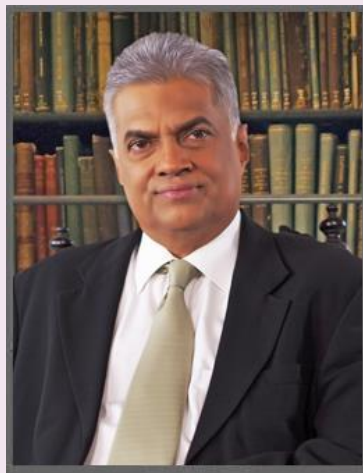
Anuradhapura, Tích Lan - Ngày 14-8-2018, Thủ tướng Tích Lan Ranil Wickremesinghe là vị khách chính đã phát biểu khai mạc chương trình quốc gia về bảo tồn và phát triển cộng đồng Đại Tịnh xá Anuradhapura.

Thủ tướng cho biết chính phủ hiện nay đã chi 2.5 tỉ Rupees cho việc bảo tồn các di tích khảo cổ và Phật giáo trong 3 năm kể từ năm 2015.

Đến thành phố Anuradhapura, Thủ tướng đã viếng chùa Đại Bồ đề và thăm Hòa thượng Tiến sĩ Atamasthanadhipathi Pallegama Siri Nayaka Thera, sư trưởng Đại Tịnh xá Anuradhapura kiêm trụ trì chùa Đại Bồ đề.

Thủ tướng đã tham gia việc khánh thành ao số 17 đã được cải tạo của dự án Đại Tịnh xá và khánh thành bức tường đá của chùa Đại Bồ đề. Ông cũng khởi động công trình tái thiết tòa nhà mái đồng Lovamahapaya Prasadaya .

(Colombo Page - August 15, 2018)



Thủ tướng Tích Lan Ranil Wickremesinghe
Photo: Google

ANH QUỐC: Cảnh sát Luân Đôn trao trả tượng Phật bị đánh cắp cho Ấn Độ

Trong một sự kiện đặc biệt để kỷ niệm 72 năm Ngày Độc lập của Ấn Độ, một tượng Đức Phật thế kỷ thứ 12 bị đánh cắp từ Ấn Độ cách đây 57 năm đã được Sở Cảnh sát Thành phố Luân Đôn trao trả cho ông YK Sinha, Cao Ủy Ấn Độ.

Tượng Phật bằng vàng dát bạc này là một trong số 14 tượng bị đánh cắp vào năm 1961 từ bảo tàng của Ban Khảo sát Khảo cổ Ấn Độ (ASI) ở Nalanda, bang Bihar.

Tượng Phật nói trên đã được phát hiện bởi ông Vijay Kumar, cộng tác viên của Dự án Niềm tự hào Ấn Độ, và Lynda Albertson, Giám đốc điều hành Hiệp hội nghiên cứu Tội phạm Nghệ thuật (ARCA) tại một cuộc đấu giá ở Luân Đôn.

Ông Kumar sau đó đã liên lạc với Cao ủy Ấn Độ cũng như Cảnh sát Thành phố Luân Đôn để tiến hành việc điều tra và thu hồi pho tượng Phật bị đánh cắp này.

(Pen News - August 16, 2018)



Tượng Phật bị đánh cắp (ảnh trên) được Anh Quốc trao trả cho Cao Ủy Ấn Độ (ảnh dưới)
Photos: The Guardian & ANI





THÁI LAN: Hoạt động bảo vệ môi trường của các "tu sĩ - sinh thái" Phật giáo

Do hậu quả của việc phá rừng và các dự án xây đập lan rộng, Thái Lan thường xuyên bị lũ lụt và hạn hán. Nhưng một số nhà sư Phật giáo đang tích cực hoạt động để bảo vệ môi trường bằng cách kết hợp các đạo lý Phật giáo với ý thức môi trường, tư vấn cho các quan chức chính phủ về vấn đề môi trường, và triển khai các dự án phát triển bền vững – chẳng hạn như lắp đặt các tấm pin mặt trời tại các Phật tự và giúp dân làng xây nhà bằng đất và những vật liệu tự nhiên khác thân thiện với môi trường.

Các hoạt động về môi trường và bảo tồn của chư tăng ở miền bắc Thái Lan cũng lan rộng qua việc làm lễ truyền giới cho cây. Việc truyền giới cho cây, được áp dụng từ tu tập Phật giáo truyền thống, là một thực hành phổ biến ở nhiều quốc gia mà Phật giáo chiếm đa số để tìm cách làm giảm nạn phá

rừng và thiết lập các khu bảo tồn động vật hoang dã. Cây được truyền giới và bọc trong vải áo cà sa biểu tượng của chư tăng Phật giáo Nam tông, làm cho chúng trở thành thiêng liêng và do đó bảo vệ chúng khỏi bị tổn hại, phá hủy và đốn hạ.

(Buddhistdoor Global - August 17, 2018)

TÍCH LAN: Mutukumara, chủ tịch hiệp hội Thanh niên Phật giáo Tích Lan, nhận Giải thưởng Hòa bình Phật giáo Toàn cầu

Ratnasiri Mutukumara, chủ tịch hiệp hội Thanh niên Phật giáo Tích Lan và là giám đốc Trung tâm Nghiên cứu

Phật giáo Quốc tế Nemsiri Mutukumara, gần đây đã nhận 'Giải thưởng Hòa bình Phật giáo 2018' trong lễ trao giải tại Hội trường Câu lạc bộ Phụ nữ Quốc tế ở Chittagong, Bangladesh.

Giải thưởng đã được trao cho ông Mutukumara để ghi nhận những đóng góp của ông cho sự truyền bá Phật giáo trên toàn thế giới và sự cống hiến của ông với tư cách là một nhà lãnh đạo Phật giáo trong suốt 4 thập kỷ qua.

(Lakehouse Daily News - August 17, 2018)

Ông Mutukumara nhận Giải thưởng Hòa bình Phật giáo Toàn cầu Photo: Lakehouse Daily News



Chư tăng Thái Lan và một cây rừng được truyền giới Photo: humanlife.asia



NỘI DUNG KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

HT. Thích Thắng Hoan

(trích từ tác phẩm YẾU CHỈ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA)

(tiếp theo)

21.- PHẨM NHƯ LAI THẦN LỰC:

Thần Lực của Như Lai cũng tức là Vô Tác Diệu Lực của Diệu Pháp. Tất cả Pháp của Phật nói đều hàm chứa một năng lực phi thường được gọi là thần lực. Như Kinh Diệu Pháp Liên Hoa trong đó cũng ẩn chứa những năng lực mầu nhiệm, những bí yếu phi phàm được gọi là Thần Lực của Như Lai. Thần Lực của Như Lai được gọi tắt là Thần Lực Như Lai. Thần Lực Như Lai là hiện sức thần thông lớn, nào bày tướng lưỡi rộng dài đến trời Phạm Thế, nào tắt cả lỗ chân lông phóng ra vô lượng vô số tia sáng đủ màu sắc và soi khắp thế giới trong vô lượng cõi, nào tiếng tăng hăng, tiếng khảy móng tay đều vang động khắp các cõi Phật trong mười phương. Nhờ Thần Lực Như Lai, chúng sanh nơi các thế giới trong mười phương thấy được cõi Ta Bà và thấy được đức Phật Thích Ca cùng đức Phật Đa Bảo đều ngồi trên tòa sư tử trong Bảo Tháp v.v...

Đức Phật Thích Ca thể hiện Thần Lực Như Lai nhằm mục đích phó chúc Kinh Diệu Pháp Liên Hoa cho các hàng Cự Trụ Bồ Tát từng địa dững xuất để thọ trì. Cự Trụ Bồ Tát từng địa dững xuất hiện hữu từ nơi Tâm Địa không phải các vị Bồ Tát hiện hữu từ nơi Đạo Tràng Linh Thứu. Đức Phật Thích Ca phó chúc cho các vị Bồ Tát hiện hữu từ nơi Đạo Tràng Linh Thứu được gọi là Đạo Tràng Phó Chúc, còn các vị Cự Trụ Bồ Tát từng địa dững xuất thì khác hơn, phải dùng Thần Lực Như Lai mới có thể phó chúc. Đức Phật Thích Ca dùng Thần Lực Như Lai để phó chúc cho các vị Bồ Tát nói trên được gọi là Thần Lực Phó Chúc. Ngoài ra đức Phật còn muốn các hàng Bồ Tát khác và các bậc Thánh Chúng trong mười phương đặt trọn đức tin kiên cố vào sự mầu nhiệm của Kinh Diệu Pháp Liên Hoa bằng cách khiến cho họ thấy tận mắt sự biểu hiện của Thần Lực Như Lai. Điều đó được ghi lại trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa: "Thần lực của các đức Phật vô lượng vô biên



bất khả tư nghì như thế; nếu ta dùng thần lực đó trong vô lượng vô biên trăm nghìn muôn ức vô số kiếp, vì để chúc lụy mà nói công đức của kinh này vẫn chẳng hết được." Giá trị sự thể hiện sức thần thông lớn của Thần Lực Như Lai nói trên bao gồm ý nghĩa biểu tượng sau đây:

1/- Hiện tượng lưỡi rộng dài đến trời Phạm Thế do sức thần thông của Thần Lực Như Lai mà Pháp Thân Thường Trụ đức Phật Thích Ca thể hiện được tiêu biểu cho hai ý nghĩa:

a/- Căn cứ nơi Phẩm 11 Hiện Bảo Tháp, Pháp Thân Thường Trụ của Phật Thích Ca trong Bảo Tháp đã to lớn vô lượng thì lẽ tất nhiên tướng lưỡi của Phật cũng phải rộng dài vô biên. Theo như trong kinh, tướng lưỡi của ngài hiện ra rộng dài đến trời Phạm Thế là lẽ dĩ nhiên đúng như thật không có

chi lạ và cũng không trở ngại cho đức tin. Tướng lưỡi rộng dài của Phật Thích Ca thể hiện qua Thần Lực Như Lai thì cũng tương tự như hình tướng con người chiếu hiện qua năng lực điện tử. Thần Lực Như Lai thể hiện tướng lưỡi rộng dài đến Trời Phạm Thế cũng giống như năng lực điện tử chiếu tỏa hình tướng con người hiện khắp năm châu bốn biển, nghĩa là hình tướng con người có thể thâm vào trong một hạt điện thật nhỏ và cũng có thể chiếu đại hình tướng đó thật to lớn vô cùng. Diệu dụng của Pháp Thân Thường Trụ đức Phật Thích Ca qua thần lực Như Lai thì phi thường bất khả tư nghì.

b/- Tướng lưỡi rộng dài còn có ý nghĩa khác là biểu tượng cho tiếng Pháp Âm của Phật chuyển pháp luân đi khắp mười phương và lan rộng đến trời Phạm Thế. Trường hợp này cũng tương tự như tiếng nói của con người được phát thanh qua đài và tiếng nói đó được truyền đi khắp các quốc gia trên thế giới. Pháp Âm của Phật phát thanh qua Thần Lực Như Lai thì mọi loài chúng sanh trong mười phương, đều có thể nghe biết theo nghiệp riêng của mình, cũng như ngôn ngữ loài người được phát thanh ra nhiều thứ tiếng trên thế giới và bất cứ người nước nào, đều có thể nghe được cả qua ngôn ngữ của họ.

2/- Hiện tượng tắt cả lỗ chân lông phóng ra

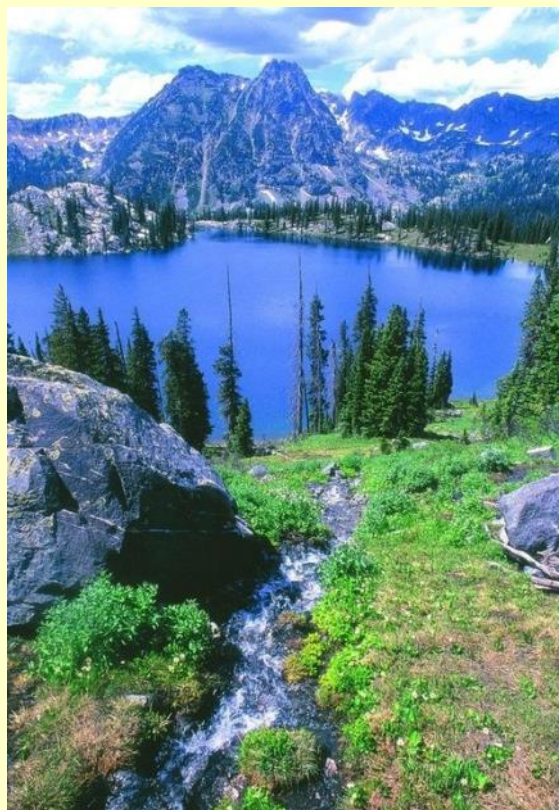
vô lượng vô số tia sáng đủ màu sắc soi khắp mười phương, là biểu tượng cho diệu dụng không thể nghĩ bàn của Thần Lực Như Lai. Hiện tượng này cũng như nơi mỗi chân lông của thân thể con người luôn luôn chiếu tỏa một năng lực đa phương thường gọi là Từ Trường hay Nhơn Điện (Magnetic field) để thân thể con người đứng vững trong trời đất không bị nghiêng ngã. Năng lực này của con người chiếu tỏa đều bị ngăn ngại và bị hạn chế bởi thân thể vật chất cũng như bị ô nhiễm bởi chất liệu phiền não trong tâm thức, thành thử phát triển không được lan rộng khắp không gian, giống như thân thể bằng tâm linh thanh tịnh của chư Phật. Pháp Thân Thường Trú chân thật của Phật Thích Ca xây dựng bằng tâm linh thanh tịnh và to lớn vô lượng cho nên Thần Lực nơi Pháp Thân của ngài phóng ra vô lượng vô số tia sáng đủ màu sắc, soi khắp mười phương một cách tự tại không bị ngăn ngại và không bị hạn chế bởi vô số trần lao phiền não.

3/- Hiện tượng tăng hăng và khảy móng tay vang đến khắp cõi nước của các đức Phật trong mười phương điều đó chứng tỏ Pháp Thân Thường Trú của ngài to lớn vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn. Bản tâm của Phật càng thanh tịnh chừng nào thì tiếng động tăng hăng và tiếng khảy móng tay của ngài vang động càng mạnh chừng nấy, cũng như Pháp Thân của Phật càng to lớn chừng nào thì tiếng tăng hăng và tiếng khảy móng tay của ngài vang động càng lan xa chừng nấy.

4/- Hiện tượng các cõi nước, trong mười phương đều thông đạt một cách tự tại qua Thần Lực Như Lai và hiện tượng chúng sanh trong mười phương đều nhìn thấy đức Phật Thích Ca, đức Phật Đa Bảo cùng vô số chư Phật, chư Bồ Tát v.v... trong mỗi góc cạnh hình tướng nơi cõi Ta Bà qua Thần Lực Như Lai cũng không khác nào chúng ta nhìn thấy các quốc gia trên thế giới qua đài truyền hình phổ biến.

Tóm lại, đức Phật Thích Ca muốn sau khi diệt độ, Kinh Diệu Pháp Liên Hoa phải được lưu truyền mãi mãi về sau nơi cõi Ta Bà nhằm cứu độ chúng sanh sớm thành đạo quả, liền phát huy Thần Lực Như Lai để phổ chúc cho các vị Cứu Trụ Bồ Tát từng địa đứng xuất có bốn phận thọ trì, đọc tụng, giảng giải, biên chép để phổ biến khắp nơi. Đức Phật Thích Ca trao truyền nhiệm vụ cho các vị Cứu Trụ Bồ Tát từng địa đứng xuất bằng Thần Lực Phổ Chúc và đồng thời xây dựng đức tin kiên cố cho các hàng Bồ Tát khác, các thánh chúng trong mười phương tin tưởng vào sự mẫu nhiệm của Kinh Diệu Pháp Liên Hoa bằng cách khiến họ nhìn thấy tận mắt diệu dụng của Thần Lực Như Lai mà chính ngài biểu hiện. Họ một khi có đức tin thì mới thọ trì, nhờ thọ trì nên được chứng đắc và khi được chứng đắc thì chừng đó mới hoàn toàn được thành Phật. Đây là nguyên tắc xây dựng Khai Thị Ngộ Nhập tri kiến của Phật nơi Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

(còn tiếp)



TRỞ LẠI DENVER SAU 10 NĂM

*Mười năm mới trở lại Đen-Vơ (Denver),
Quang cảnh đổi thay đã khác xưa,
Xe cộ đua chen xuôi với ngược,
Phi trường náo nhiệt đón cùng đưa.
Khách mua chủ bán cười toe toét,
Kẻ đứng người ngồi nói vu vơ.
Trở lại lần này tâm xao xuyến,
Không còn gặp lại cố nhân xưa. (*)*

ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA

Mậu tuất Mạnh hạ – June 10th, 2018

(*) Cố nhân xưa:

- 1.- Hòa thượng Thích Trí Chơn cùng chúng tôi chứng minh Đại lễ Khánh thành chùa Quang Minh của Ni trưởng Thích Nữ Giới Châu; Ngài đã quây gót đăng trình về Phật cảnh.
- 2.- Người bạn vong niên Lê Lạp, cùng chung trường Bồ Đề Hữu Ngạn; tính đến bây giờ là 45 năm, đầu năm mới này gọi thăm nhau nay đã ra người thiên cổ.

BA PHÁP QUÁN HOA NGHIÊM

Nguyễn Thế Đăng

Kinh *Hoa Nghiêm* chỉ dạy về pháp giới vô ngại, cho nên, ngoài những pháp quán có trong những kinh khác, đặc trưng của kinh *Hoa Nghiêm* là nói về ba pháp quán vô ngại.

Trong bài này, các tử Lý và Sự được sử dụng theo truyền thống của *Hoa Nghiêm* tông. Lý là bản thể, là tánh, là tánh Không, là quang minh, là Chân Như, là cái toàn thể, là chân lý tuyệt đối... Sự là hiện tượng, là tướng, là các sắc, là "ảnh hiện," là sự vật, là cái phần tử, là chân lý quy ước, tương đối...

Thể giới của Sự là thể giới chúng ta đang trải nghiệm đây, là những sự vật khác biệt nhau, ngăn cách nhau, cứng đặc, có tự tánh, không thể dung thông nhau. Sở dĩ có thể giới sự mà người bình thường chúng ta thấy là sanh tử bởi vì cái tướng hư vọng, cho mọi sự là có thật, có bản thể riêng biệt, cứng đặc không thể dung thông. Đây cũng chính là một sự quán tưởng, quán tưởng sai lầm do vô minh, mà *Duy Thức* tông gọi là "thức biến."

Thể giới sai lầm, hư huyền ấy cần được giải tan để chúng ta có thể thấy và sống trong thể giới chân thực. Và vì chân thực, không hư giả mà không có khổ đau. Để thoát khỏi thể giới hư giả ấy, kinh *Hoa Nghiêm* có ba pháp quán tưởng, từ thấp đến cao.

I. BA PHÁP QUÁN:

1. Quán Lý vô ngại

Để thấy Lý hay tánh Không, chúng ta cần đưa tất cả các sự hay các sắc tướng về nơi bản tánh của chúng là tánh Không. Tánh Không vẫn luôn luôn như vậy từ vô thủy đến vô chung, nó là nền tảng của tất cả các pháp.

- Quán các sự tướng là vô tự tánh, đó là đưa sự về lý, đưa tướng về tánh.

- Quán sự sanh trong tánh Không, hiện hữu trong tánh Không và tiêu tan trong tánh Không.

- Khi quán sự tướng là duyên sanh, vô tự tánh, đó là đưa sự tướng trở lại tánh Không.

Kinh nói: "*Đại Bồ-tát quán các duyên khởi, biết là vô ngã, vô nhân, vô thọ mạng, tự tánh*

Không, chẳng có tác giả, không có thọ giả, liền được môn Không giải thoát hiện tiền.

Quán 12 nhân duyên đều là tự tánh tịch diệt, rất ráo giải thoát, không có chút tướng sanh, liền được môn Vô tướng giải thoát hiện tiền.

Nhập Không, Vô tướng rồi, không có mong muốn nào, chỉ trừ đại bi làm đầu giáo hóa chúng sanh, liền được môn Vô nguyện giải thoát hiện tiền" (Phẩm Thập địa, thứ 26).

Khi đưa được các sự tướng về thể tánh hay nền tảng của chúng thì bấy giờ tánh Không hay Lý vô ngại liền hiện tiền. Khi ấy, tánh Không được thấy một cách trực tiếp.

Một thí dụ là tấm gương và các bóng trong gương. Khi đưa các bóng trở về nền tảng của chúng là tấm gương bằng cách nhìn thấy các bóng là không thật, vô tự tánh, có duyên sanh là duyên sanh trên nền tảng tấm gương, khi ấy chúng ta thấy tấm gương. Tấm gương ấy là tánh Không và quang minh.

Không, Vô tướng, Vô nguyện tức là tánh Không. Tánh Không này là chung cho cả ba thừa: Thanh văn thừa, Độc giác thừa và Bồ-tát thừa; kinh *Đại Bát-nhã* nói như vậy. Trong *Thanh tịnh đạo luận*, một bộ luận căn bản của Nguyên thủy, ngài Buddhaghosa nói đến ba giải thoát môn Không, Vô tướng, Vô nguyện trong phần cuối. Ba giải thoát môn ấy chính là Niết-bàn.

Sự khác biệt có thể thấy giữa Bồ-tát thừa và Thanh văn thừa là câu kinh ở trên, "*chỉ trừ đại bi làm đầu giáo hóa chúng sanh.*" Đại thừa đạt Không, Vô tướng, Vô nguyện, nhưng vì nguyện giáo hóa tất cả chúng sanh, nên lấy đại bi làm đầu. Một trong những khác biệt là đại bi. Nói cách khác, Trí huệ của Đại thừa luôn luôn đi chung với Đại bi.

2. Quán Lý Sự vô ngại

Nếu trong pháp quán Lý vô ngại, sự được làm cho ẩn đi, che khuất, để lý hiển bày trọn vẹn thì ở pháp quán Lý Sự vô ngại, sự vẫn được giữ nguyên. Chính nơi sự người ta thấy lý,



nơi sắc tướng người ta thấy tánh Không. Nơi sự có lý và nơi lý có sự, do đó được gọi là sự vô ngại của lý và sự, của sắc và Không. Sự vô ngại này còn được gọi là tương tức tương nhập, tương dung tương nhiếp.

Chân lý tuyệt đối có trong tất cả các chân lý tương đối: lý tương tức tương nhập với sự.

"Thân Như Lai ở khắp tất cả chỗ, khắp tất cả chúng sanh, khắp tất cả pháp, khắp tất cả quốc độ, chẳng phải đến chẳng phải chẳng đến" (Phẩm Như Lai xuất hiện, thứ 37).

Quang minh Như Lai cũng như vậy:

*Hiện khắp trong tâm của trời người
Chư Phật hiện thân cũng như vậy
Tất cả mười phương đều khắp cả
Thân Phật vô số chẳng kể được
Cũng chẳng phân thân, chẳng phân biệt*

(Phẩm Như Lai xuất hiện, thứ 37)

Và chân lý tương đối tương dung tương nhiếp chân lý tuyệt đối: Sự tương dung tương nhiếp Lý:

*Thân Phật phóng quang minh
Đầy khắp cả mười phương
Trong mỗi mỗi vi trần
Quang minh đều đầy đủ.*

(Phẩm Như Lai hiện tướng, thứ 2).

Khi lý ở trong sự, tánh ở trong tướng thì trong một sự ấy có tất cả lý, tất cả tánh, vì lý hay tánh là cái toàn thể không thể phân chia. Nói cách khác, khi cái toàn thể nhập vào cái phần tử, cái phần tử ấy dung chứa cái toàn thể mà không chật, không phải nở rộng ra, vì cái toàn thể này là tánh Không.

Khi sự nhiếp lấy lý, tướng nhiếp tánh, thì một tướng ấy chứa tất cả tánh. Khi cái phần tử nhiếp cái toàn thể thì nhiếp tất cả cái toàn thể mà không chật hẹp, không phải nở lớn thêm, vì cái phần tử, cái sự này là tánh Không.

Quán thấy cái vô hạn nằm trong mỗi cái hữu hạn, mà nhỏ nhất là mỗi vi trần, và cái hữu hạn nhỏ nhất là mỗi vi trần chứa đựng tất cả cái vô hạn. Đó là pháp quán Lý Sự vô ngại.

Thông thường tâm chúng ta không được vô ngại tự do vì tâm bị trói buộc trong những sự tướng hữu hạn, trong những khái niệm hữu hạn. Tâm thức bị phần mảnh trong những sự tướng và khái niệm thì đó là tâm phân biệt tạo nên sanh tử. Pháp quán Lý Sự vô ngại phá tan mọi giới hạn của hình tướng và khái niệm để tâm thức được tự do. Sự phân biệt, chia cắt biến mất, chân lý tương đối tức là chân lý tuyệt đối, sanh tử phân biệt tức là Niết-bàn vô phân biệt.

Sự tương nhiếp tương nhập này chính là giải thoát.

Chúng ta lấy thêm một thí dụ về quán thời gian:

*Vô lượng vô số kiếp
Hiểu đó tức một niệm
Biết niệm cũng vô niệm
Như vậy thấy thể gian.*

(Phẩm Phổ Hiền hạnh, thứ 36).

Vô số kiếp vào trong một niệm, một niệm nhiếp vô số kiếp. Sở dĩ có sự vô ngại như vậy vì vô số kiếp và một niệm đều là vô niệm, đều là tánh Không.

3. Quán Sự Sự vô ngại

Khi một sự nhiếp lý, một tướng nhiếp tánh thì lý hay tánh nằm trong một sự. Bởi vì lý hay tánh chứa tất cả các sự hay các hiện tượng nên một sự nhiếp lý thì đồng thời nhiếp tất cả sự. Tất cả sự nằm trong một sự và một sự nhập vào tất cả sự. Đây là sự sự vô ngại hay tướng tướng vô ngại

*Ở trong một vi trần
Đều thấy các thế giới
Như ở một vi trần
Tất cả trần cũng vậy.
Thế giới đều vào trong
Bất tư nghì như vậy
Trong mỗi trần đều có
Mười phương ba đời pháp.
Cõi loài đều vô lượng
Đều hay phân biệt hết
Trong mỗi trần đều có
Vô lượng những cõi Phật*

*Tất cả các thế giới
Đều vào trong một cõi
Thế giới chẳng là một
Lại cũng không tạp loạn.*

(Phẩm Phổ Hiền hạnh, thứ 36).

Sự nhiếp và nhập này là khắp cả, nên được gọi là Phổ:

"Chư Phật tử! Đại Bồ-tát trụ trong mười trí này thì được mười thứ phổ nhập:

Một là tất cả thế giới vào một lỗ chân lông, một lỗ chân lông vào tất cả thế giới.

Hai là tất cả thân chúng sanh vào một thân, một thân vào tất cả thân chúng sanh.

Ba là tất cả kiếp vào một niệm, một niệm vào tất cả kiếp.

Bốn là tất cả Phật pháp vào một pháp, một pháp vào tất cả pháp...

Tám là tất cả tướng vào một tướng, một tướng vào tất cả tướng..."

(Phẩm Phổ Hiền hạnh, thứ 36).

Quán Sự Sự vô ngại là nơi một sự phản chiếu, ảnh hiện tất cả sự, nơi một tướng phản chiếu tất cả tướng. Một làn sóng phản chiếu tất cả các làn sóng khác và mỗi làn sóng được phản chiếu lại phản chiếu tất cả các làn sóng khác. Một bóng phản chiếu tất cả các bóng và mỗi bóng được phản chiếu lại phản chiếu tất cả các bóng khác. Một phần chiếu trong tất cả và mỗi cái một trong tất cả này lại phản chiếu tất cả. Sự phản chiếu, ảnh hiện của tất cả nhân lên với tất cả như vậy được gọi là trùng trùng vô tận.

Với pháp quán Sự Sự vô ngại, tâm thức trở nên nhu nhuyễn, dễ điều khiển đến mức vô ngại. Nó mở rộng đến cái lớn nhất và đi vào cái nhỏ nhất (vi trần, niệm). Tâm thức phát huy mọi khả năng của nó để thành tựu sự vô



ngại vốn có của nó. Với một tâm vô ngại, người ta có thể thấy và sống pháp giới sự sự vô ngại.

II. Công dụng của Quán

Thế gian sanh tử với đủ thứ sắc tướng khác biệt nhau, ngăn ngại nhau, thật ra chỉ là tướng, do phân biệt mà thành:

*Chúng sanh đều riêng khác
Hình loại chẳng phải một
Thấu rõ đều là tướng
Tất cả không chân thật.
Các chúng sanh mười phương
Đều bị tướng che ngăn
Nếu bỏ thấy điên đảo
Bèn diệt tướng thế gian.*
(Phẩm Thập Nhẫn, thứ 29).

Thế gian sanh tử chỉ là giả danh, do tâm phân biệt mà có:

*Tất cả chúng sanh giới
Đều ở trong ba thời
Những chúng sanh ba thời
Đều ở trong năm uẩn.
Nghiệp là gốc của uẩn
Tâm là gốc của nghiệp
Tâm đó dường như huyền
Thế gian cũng như vậy.*

...
*Thế nào là thế gian
Thế nào phi thế gian
Thế gian, phi thế gian
Chỉ là tên sai khác,
Ba thời và năm uẩn
Gọi đó là thế gian
Nó diệt là phi thế
Như vậy chỉ giả danh.
Phân biệt các uẩn này*

*Tánh nó vốn không tịch
Vì không nên chẳng diệt
Đây là nghĩa vô sanh.*

(Phẩm Dạ-ma cung kệ tán, thứ 20).

Thế giới sanh tử chỉ là thế giới của danh tướng, mà danh tướng là do tướng phân biệt:

"Danh tướng đều là tướng phân biệt" (Phẩm Thập hồi hướng, thứ 25).

Giả danh, giả tướng do tướng như huyền đã chia cắt thực tại thành những thế giới phân mảnh gọi là sanh tử. Sanh tử chính là các giả danh và giả tướng được cho là có tự tánh nên hoàn toàn khác biệt nhau, ngăn ngại nhau, xung đột nhau.

Pháp giới chính là tâm ("Toàn cả ba cõi chỉ là Nhất tâm" Phẩm Thập địa). Ba pháp quán vô ngại xóa tan những biên giới chia cắt, ngăn ngại giả tạo này trả lại cho thực thể 'tâm-pháp giới' sự vô phân biệt, vô ngại vốn có. Tất cả pháp là Không, quang minh và như huyền nên chúng vô ngại, đó là sự tự do vốn có của pháp giới:

*Ví như mười phương cõi
Tất cả những địa chủng
Tự tánh vốn không có
Không chỗ nào chẳng khắp.
Thân Phật cũng như vậy
Cùng khắp các thế giới
Những sắc tướng sai khác
Không dùng, không chỗ đến
Chỉ vì do các nghiệp
Nói tên là chúng sanh
Mà có được các nghiệp.
Tánh nghiệp vốn không tịch
Chỗ y chỉ chúng sanh
Khắp làm các hình sắc
Cùng lại không chỗ đến*

...
*Nếu thấy được thân Phật
Thanh tịnh như Pháp tánh
Với tất cả Phật pháp
Người này không nghi lầm.
Nếu thấy tất cả pháp
Bản tánh như Niết-bàn
Đây là thấy Như Lai
Rốt ráo vô sở trụ.*

(Phẩm Dạ-ma cung kệ tán, thứ 20).

Ba pháp quán khiến tâm không còn cứng đờng mà linh hoạt, mềm dẻo và vô ngại. Tâm vô ngại ở hai chiều kích, rộng lớn bao la của vũ trụ và vi tế nhỏ nhiệm của vi trần, sát-na; và tâm ấy kinh nghiệm pháp giới ở cả hai chiều kích này. Tâm vô ngại thì chứng nghiệm pháp giới vô ngại, vì tâm và pháp giới là một.

Tâm càng lúc càng đạt đến bản tánh của nó là tánh Không, quang minh và diệu dụng của nó là biến hiện như huyền. Khi ấy, tâm sanh tử và thế giới sanh tử trở thành pháp giới. Pháp giới là sự phô diễn, biểu lộ của tánh Không, quang minh và như huyền ở cấp độ vĩ mô cũng như vi mô.

CUỘC THƠ

Thi ca là một con đường
Bước đi cùng tuyết về phương thăm lòng
Có gì độc đáo vô song
Mà nghe kỳ lạ qua dòng ngũ ngôn

Máu xương thấm cuộc sinh tồn
Sâu vui cuối biển đầu non bốn bề
Vì yêu em khắp sơn khê
Ta phiêu du mãi chưa về nơi đâu

Mây còn bay trắng nhiệm màu
Thì ta cũng lượn trước sau nhẹ vờ
Cười theo hào phóng rong chơi
Chẳng gì trôi buộc giữa đời tự do

GIỮA NGÀN KHƠI XA

Về đây mây hải đảo nhòa
Xa xăm nghìn dặm thấy ra muôn trùng
Thắm xanh ánh mắt viên dung
Đại dương nằm gọn giữa vùng tâm tư

Về đây trăng chiếu diệu từ
Tan đi vạn kiếp bụi hư huyền rồi
Ý nào chưa nói trên môi
Đã vang sóng vỗ thành lời thơ bay

Về đây biển núi sum vầy
Quyện hòa điệu thở ở ngay bây giờ
Ngôi yên giản dị đơn sơ
Nghe hồn tịch mịch bên bờ nhân sinh.

LÒNG NHƯ NƯỚC

Giữa hồn vang mãi tiếng thơ
Hoài ngân nga vọng từng giờ phút trôi
Sóng xô vỗ dưới chân đời
Biển xanh cát trắng chẳng phai pha gì

Mỗi ngày trên mỗi bước đi
Bông tênh lên xuống đều tùy thuận qua
Đến đâu cũng nhẹ huyền hòa
Như sương khói quyện lời ca hát này

Trùng trùng muôn dặm đó đây
Vẫn luôn thể hiện diễn bày pháp không
Không là chi hết xuôi dòng
Nguồn vi diệu ấy chảy trong veo thường.

HOA ĐÓM GIỮA HƯ KHÔNG

Hồn độn tồn sinh buồn thảm thiết
Chuyện đời máu lệ xót xa thay!
Túy khách cuồng nhân hoài trần trở
Vẫn thoát chưa ra cõi mộng này

Rồi bỗng hốt nhiên liền thấu thị
Vỡ bùng tan hết những đa mang
Nguồn tâm sâu thăm nguyên sơ hiện
Chuyển hóa làm mê thấy rõ rang

Buông xuống niềm đau từ vạn kiếp
Là xả nghìn thu dứt mật mừng
Nghiệp mệnh điều linh trầm thống hờ
Trút sạch trong lòng nhẹ thung dung

Mới hay điên đảo vô minh nợ
Chỉ vì chấp thật cái ta thôi
Cái ta huyền hóa như hoa đóm
Ổ lên một tiếng dội vang trời.

TRÀ THƠ

Sớm tinh mơ lặng trầm ngời độc âm
Rót giọt sương đây ly gió muôn trùng
Trộn lẫn nắng nghìn thu trong một cốc
Trà thi ca ta thưởng thức vài chung

Chiều nguyên vẹn nghe đày hồn sâu lắng
Chén trà xanh thanh đạm khói vờn hương
Hương vị đó có trời cao biển rộng
Quyện hòa nhau mâu nhiệm quá diệu thường

Một tách trà chứa càn khôn vũ trụ
Đủ tương phùng cả sông suối ngàn khơi
Mời em nhẹ nhẹ nhàng cùng ta uống
Chung trà thơ vô lượng nghĩa không lời.

thơ TÂM NHIÊN



QUẢ BÁO XUA ĐUỔI CHÚNG TĂNG

Quảng Tánh

Trong các Phật sự thì hộ trì Tăng chúng có đủ thuận duyên tu học, tiến bộ tâm linh là cực kỳ khó khăn.

Vị Tăng chủ sự phải vừa có tâm lại vừa có tầm, vừa thông việc đạo (giới-định-tuệ) lại thạo việc đời (giao tế, vận động, xây dựng...) thì mới có thể hộ trì Tăng chúng hiệu quả và lâu bền. Nếu làm tròn phận sự của mình, phước đức vị ấy thật vô lượng. Ngược lại, nếu làm sai, phi Pháp, phi Luật thì vị ấy cũng chịu quả báo nặng nề.

Đoạn kinh dưới đây thật sự khiến ta chạnh lòng. Vị Tăng làm Ma-ma-đế (theo chú giải, tức vị viện chủ-trụ trì hoặc vị hóa chủ-tri sự lo việc nuôi chúng) đã vì vô minh tham ái nghiệp lực che lấp tâm trí nên lớn tiếng xua đuổi chúng Tăng. Phước đức của chúng Tăng cực kỳ vĩ đại, bất cứ ai nếu vô cơ khởi ác tâm, xúc phạm Tăng bảo sẽ suy giảm và cạn kiệt phước đức, dẫn đến đọa lạc.

"Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vê... [cho đến] Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói, ở giữa đường thấy một chúng sanh, thân to lớn, lưỡi rộng dài, bị các cây đinh sắt nóng đóng vào lưỡi, đi trong hư không, bị đau đớn bức bách, khóc kêu gào... [cho đến] Phật bảo các Tỷ-kheo:

Chúng sanh này, thời quá khứ, ở nước Xá-vê, xuất gia làm Tỷ-kheo trong pháp Phật Ca-diếp, làm Ma-ma-đế quở trách các Tỷ-kheo rằng: 'Này các Trưởng lão, các ông nên đi khỏi chỗ này, ở đây đạu bạc không thể cung cấp được. Mỗi người tùy ý tìm nơi sung túc, đầy đủ cơm áo, giường chiếu thuốc men, chữa bệnh, chắc có thể đầy đủ không thiếu'. Các Tỷ-kheo ở trước đó đều bỏ đi, còn khách Tăng nghe thế cũng không đến. Do tội ấy cho nên bị đọa vào địa ngục, chịu khổ vô lượng. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải mang cái thân này, tiếp tục chịu khổ.

Này các Tỷ-kheo, như những gì Đại Mục-kiền-liên đã thấy là chân thật không sai. Các ông phải nên ghi nhớ.

Phật nói kinh này xong, các Tỷ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành."

(Kinh Tập A-hàm, kinh số 532)

Luận về việc hộ Tăng, nuôi chúng có nhiều điểm cần bàn để có nhận thức và hành động đúng Chánh pháp. Trước hết, không ai phủ nhận tài đức cũng như sự cống hiến hết mình

của các vị trụ trì, tri sự cho Tăng chúng. Tuy vậy, trong tương quan duyên khởi thì mỗi vị Tăng cũng có phước đức riêng của họ, nhiều vị Tăng hợp lại càng tạo ra phước đức lớn hơn. Khi phước đức đủ đầy thì thập phương trời người sẽ vân tập hộ trì.

Thành ra, nói là nuôi chúng mà không nuôi, hộ Tăng mà không hộ mới đích thực hộ Tăng. Tất cả là nhân duyên! Đủ nhân đủ duyên thì việc thành. Nhìn vào các trường hạ an cư tập trung chúng ta sẽ thấy rõ điều đó. Nơi nào mà chư Tăng (Ni) tựu về an cư thì sự hộ trì của Phật tử trở nên mạnh mẽ hơn, mọi thứ đều đầy đủ. Khi chư Tăng (Ni) mãn hạ trở về trụ xứ thì sự hộ trì an cư sẽ không còn nữa. Thế mới biết cái lý-sự của pháp duyên sinh: Cái này có vì cái kia có, cái này không vì cái kia không, cái này sinh vì cái kia sinh, cái này diệt vì cái kia diệt.

Dĩ nhiên, Tăng chúng thày đều mang ơn đùm bọc của các vị tri sự, trụ trì. Nhưng nếu chư vị ấy không nhận ra cái lý duyên sinh kia, cứ nghĩ mình là người ban ơn cho đại chúng và có cái quyền phát huy tự ngã, nói năng và hành xử phi Pháp thì đại họa, mất hết phước đức. Họa lớn đến nỗi sau khi mãn hạn thọ báo địa ngục, tái sinh làm ngựa quỳ "thân to lớn, lưỡi rộng dài, bị các cây đinh sắt nóng đóng vào lưỡi, đi trong hư không, bị đau đớn bức bách, khóc kêu gào." Đây là bài học lớn cho những người hộ Tăng, nuôi chúng ở các chùa viện, nhất là những vị chức sắc của hạ trường, tụ điểm an cư tập trung đồng đạo Tăng Ni trong hiện tại.



NHỮNG BÀ MẸ CỦA CHÚNG TA

Thị Giới

Mẹ là sinh ra, nuôi dưỡng, tự thành và thương yêu. Mỗi người chúng ta đều có nhiều bà Mẹ: Mẹ Đẻ, Mẹ Đất, Mẹ Trí Tuệ, kể thêm còn có những bà Mẹ như Mẹ Tổ Quốc, Mẹ Chúng Sinh v.v... mà bao trùm tất cả là Mẹ Từ Bi.

Mẹ Từ Bi bao trùm trong hạnh của các Bà Mẹ và là nền tảng cho Tánh Mẹ (Motherhood). Nếu không có Từ Bi, sẽ không có những người Mẹ, không có sự Đản sanh của đức Phật, không có sự nuôi dưỡng của Đất, không có Trí tuệ phương tiện của Bồ tát cứu độ chúng sanh...

Ở đây, người viết xin đề cập đến ba bà Mẹ: Mẹ Đẻ, Mẹ Đất và Mẹ Trí Tuệ.

MẸ ĐẸ

Ấn đức của Mẹ Đẻ hầu như mọi người đều biết và ghi nhận, được mọi nền văn hóa đã ca tụng không hết lời. Trong Phật Giáo, chúng ta thấy sự đề cao tình mẹ trong nền văn hóa cổ của Ấn Độ tiếp tục được tôn trọng. Tình mẹ được Đức Phật dùng làm khí cụ giảng dạy giáo pháp của Ngài trong nhiều trường hợp. Trong kinh điển nguyên thủy, việc tu tập đức Từ của người tu sĩ Phật Giáo được diễn tả như sau:

Giống như người mẹ trong khổ nạn của cuộc đời,

Thương yêu và bảo vệ con trai duy nhất của mình.

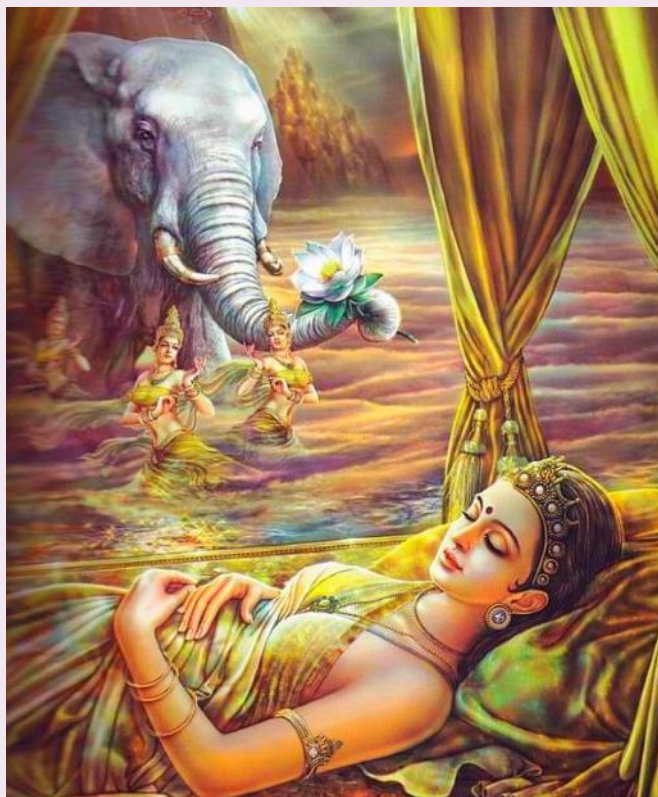
Cũng vậy, vị Tỳ Kheo tu tập tình thương rộng lớn

Đối với tất cả chúng sinh...

Vì tình mẹ-con là tình thương không điều kiện và vô hạn nên đời sống của người Mẹ cũng thường gắn liền với người con có thể trong nhiều kiếp. Như Hoàng hậu Maya đã làm Mẹ của tiền thân đức Phật trong nhiều kiếp, và trong lần tái sinh cuối cùng của Ngài, theo những giai thoại được ghi lại, dù thác sanh vào cung trời Đao lợi bảy ngày sau khi Thái tử chào đời, bà vẫn theo dõi Ngài cho đến khi Ngài nhập Niết Bàn.

Trong Kinh Ma Ha Ma Da (*), khi Phật nhập Niết Bàn, thánh mẫu Maya tử cung trời Đao lợi đến viếng, nói một bài kệ có đoạn như sau:

*"Ta từ vô lượng kiếp
Cùng Ngài làm mẹ con
Nay Ngài thành Chánh Giác
Duyên này mới dứt hẳn..."*



Theo Kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân, Lộc Nữ, là tiền thân của hoàng hậu Maya, sau khi kết hôn với vua nước Ba La Nại, sinh được một bông sen năm trăm cánh với năm trăm vị hoàng tử trên đó. Khi trưởng thành, vì chán ghét sự vô thường của thế gian nên năm trăm vị hoàng tử xin vua và hoàng hậu được xuất gia tu hành.

Sau khi xuất gia, các hoàng tử đều chứng quả Bích Chi Phật. Chứng quả xong, các vị hoàng tử vì cha mẹ, hiện các thứ thần biến, rồi nhập Niết Bàn. Hoàng hậu thấu các thân cốt, xây năm trăm tháp, ngày ngày thắp hương, trôi nhạc để cúng dường. Hoàng hậu buồn lòng tự nhủ: *"Ta tuy sinh năm trăm hoàng tử mà không có một người nào phát tâm Bồ Đề."* Bà lập thệ nguyện: *"Ta cúng dường năm trăm Phật Bích Chi, gồm xây năm trăm tháp, cúng dường xá lợi, công đức xin hồi hướng cho tất cả chúng sanh, khiến ta đời sau, thà sinh một con mà phát tâm Bồ Đề, hiện thế xuất gia, chứng được Nhất Thiết Trí, còn hơn sinh nhiều con mà*

không phát tâm Bồ Đề."

Đó là nhân duyên nhiều đời thánh mẫu Maya làm Mẹ của đức Phật.

Và trong lần tái sinh cuối cùng để chứng Vô Thượng Bồ Đề của Phật, dù những giai thoại sau đây là thật hay tưởng tượng, chúng cũng nói lên tính chất vĩnh cửu và sâu đậm của tình mẹ con, cũng như sự kết nối không rời giữa con và mẹ. Đó là Tánh Mẹ.

Có ba giai thoại như sau:

Khi hay tin đức Phật kiệt sức vì tu khổ hạnh có thể lìa đời, từ cung Trời Đao Lợi, bà Maya lập tức đến bờ sông Nairanjana (Ni Liên Thuyền). Bà thốt lên: *Con ơi, khi ta sinh con ra trong vườn Lâm Tỳ Ni, như một con sư tử, không sợ hãi, con bước đi bảy bước, nhìn bốn phương, nói những lời tốt đẹp: "Đây là lần tái sinh cuối cùng của ta." Những lời này giờ đây sẽ không bao giờ thành tựu. Những lời tiên tri của A Tư Đà rằng con sẽ giác ngộ sẽ không là sự thật. Tất cả ta thấy chỉ là sự vô thường của chết...*

Biết là mẹ mình, Bồ tát Tất Đạt Đa trả lời: *Trái đất này có thể vỡ nát; mặt trời mặt trăng có thể rơi rụng, nhưng con sẽ không chết. Con sẽ chứng Phật Quả không lâu.* (Theo Lalitavistara Sutra)

Lần thứ hai thánh mẫu Maya gặp đức Phật là sau khi đức Phật chứng Vô Thượng Giác, ngài vào cung trời Đao Lợi để thuyết Pháp. Câu chuyện được kể như sau: Đức Phật đến cung trời Đao Lợi an cư và giáo hóa trong ba tháng. Một hôm, Ngài ngồi dưới gốc cây ba-lợi-chất-đa với nhiều đệ tử vây quanh. Lúc đó, ngài bảo Văn Thù Sư lợi đem một bài kệ đến Maha Maya và mời thánh mẫu đến nơi đức Phật để đánh lễ

Ba Ngôi Báu. Nghe những lời từ con trai, sữa chảy ròng từ hai ngực của bà. Quá cảm xúc, bà trả lời rằng nếu người đó thực sự là Tất Đạt Đa con trai của bà, sữa của bà sẽ trực tiếp đến miệng của người đó. Và thật kỳ diệu, những giọt sữa như những bông sen trắng bay đến rơi vào miệng của đức Phật từ xa. Thánh mẫu vô cùng hân hoan, ba ngàn đại thiên thể giới chấn động, muôn loài hoa đẹp nở rộ, muôn loài trái cây đồng chín. Thánh mẫu nói với ngài Văn Thù rằng bà chưa từng trải qua niềm vui lớn như vậy từ khi kết làm mẹ con với đức Phật, rồi cùng ngài Văn Thù đến chỗ Phật. Đức Phật thấy Thánh mẫu đến, *"lòng tràn đầy hân hoan, tôn kính. Toàn thân Ngài dao động như tướng rung động của núi chúa Tu di và bốn biển lớn."*

Mẹ và con đoàn viên, theo lời Phật, thánh mẫu Maya quy y Tam Bảo để cuối cùng chứng quả Tu đà hoàn ngay tại đó. (Theo Kinh Ma Ha Ma Da. *)

Và lần thứ ba thánh mẫu Maya gia gặp Phật là khi Ngài nhập Niết Bàn. Câu chuyện được kể trong Kinh Ma Ha Ma Da đại khái như sau: Khi tin đức Phật viên tịch, được tôn giả A Na Luật báo tin, thánh mẫu Maya từ cung trời Đao Lợi lập tức đến bên quan tài, bà ngất liệm vì xúc động. Tỉnh lại, bà nhìn thấy y, bát và tích trượng của Phật, bà buồn bã chạm vào và khóc lóc thảm thiết làm cho đại chúng càng thêm buồn. Khi đó, nấp quan tài tự động mở, đức Phật ngồi dậy với ngàn hào quang chiếu sáng mười phương, chắp tay hướng về thánh mẫu nói: *"Mẹ từ xa đã đến cõi Diêm-phù-đề này. Các pháp hành là như thế, xin Mẹ đừng buồn khổ khóc lóc!"* Rồi Ngài nói bài kệ như sau:



"Trong tất cả ruộng phước
Ruộng phước Phật hơn hết
Trong tất cả người nữ
Ngọc nữ báu hơn hết
Hôm nay Mẹ của con
Không một ai sánh bằng
Đã sinh ra ba đời
Phật, Pháp và Tăng bảo
Con từ kim quan này
Xin hoan hỷ tán thán
Để báo ân sinh thành
Tỏ bày lòng hiếu thảo
Chư Phật tuy diệt độ
Pháp, Tăng bảo vẫn còn
Xin Mẹ đừng đau buồn
Quán các pháp vô thường."

Đức Phật nói bài kệ xong, thánh mẫu Ma-Ha Maya cảm thấy được an ủi, dung nhan dần xinh tươi trở lại. Tôn giả A Nan thấy đức Phật đã ngồi dậy, lại nghe Ngài nói kệ, nghẹn ngào chày nước mắt, ngài cố gắng kềm chế, chấp tay bạch Phật:

"Nếu sau này mọi người hỏi con rằng: Lúc đức Thế Tôn nhập niết-bàn, Ngài có nói điều gì không, thì con nên trả lời như thế nào?"

Đức Phật bảo tôn giả A Nan:

Thầy nên trả lời như vậy: Sau khi đức Thế Tôn nhập niết-bàn, thánh mẫu Ma Ha Ma Đa từ trên cõi trời Đao-lợi hạ giáng xuống chỗ kim quan. Lúc đó, đức Thế Tôn vì các chúng sanh bất hiếu trong đời sau, mà từ kim quan đã ngồi dậy trong tư thế mạnh mẽ như sư tử chúa chấp tay hướng về đức thánh mẫu và nói bài kệ như trên."

Trải qua bao nhiêu kiếp sống làm mẹ nuôi dưỡng xác thân tứ đại của đức Phật với bầu sữa của mình, bà giờ đây đã cắt đứt vũng viên sợi dây trói buộc.

Điều đó có nghĩa là chấm dứt rốt ráo sau cùng mối quan hệ mẹ-con, để thành tựu một mối quan hệ bao la và sâu thẳm hơn.

Từ những giai thoại trên, chúng ta có thể hình dung được ý nghĩa của Tánh Mẹ. Tánh Mẹ hiện diện trong nhiều tôn giáo để làm thăng hoa con người. Khi nghĩ về Mẹ là nghĩ về tình thương bao trùm không gian và thời gian. Khi ở trong Mẹ là ở trong tình thương của toàn bộ không gian và thời gian. Tánh Mẹ nâng đỡ trong trong mỗi ý niệm, hiện diện trong mỗi tế bào của chúng ta. Tánh Mẹ bao trùm, kết nối. Tánh Mẹ là vô ngã.

Trong Kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân, đức Phật dạy: "Cha mẹ, chúng Tăng là hai thứ ruộng phước của tất cả chúng sanh, là điều quý của cõi Nhân, Thiên, Niết Bàn giải thoát cũng do đó mà thành tựu vậy."

MẸ ĐẤT

Như đã nói, Mẹ là sinh ra, nuôi dưỡng, tự thành và thương yêu. Mẹ Đất đã sinh ra, nuôi dưỡng, tự thành và thương yêu chúng ta, cùng mọi loài trên trên thế gian.

Encyclopaedia Britannica viết về Mẹ Đất:

"Bà đơn giản chỉ là một bà mẹ; không có gì phân cách khỏi bà. Mọi thứ đến từ bà, trở về với bà, và là bà...."

Dr. Kevin Danaher viết:

"Mẹ Đất luôn luôn thực hành hạnh phúc nhiều và độ lượng: bà ban cho chúng ta oxy để thở, ban sự tươi đẹp của thiên nhiên cho tâm hồn của chúng ta, ban cho chúng ta nước và thực phẩm. Đổi lại, bà chỉ yêu cầu chúng ta một việc: Đừng làm bản tổ ấm của các người, hoặc là các người phải trả giá.

Trở thành một người mẹ là dẫn thân vào việc tạo ra một đời sống mới. Đó là một trong những hành động cao cả nhất của sự sáng tạo." (It's Time for Matriotism : Love of Mother Earth)

Thầy Thích Nhất Hạnh viết về Mẹ Đất:

Chúng ta thường gọi hành tinh của chúng ta là Mẹ Đất. Xem Đất như mẹ giúp chúng ta nhận ra chân tánh của đất. Đất không phải là một người, nhưng đất thật sự là một bà mẹ sản sinh ra hàng triệu loài, trong đó có loài người.

Mẹ Đất của chúng ta đã đem đến cho chúng ta đời sống và tạo mọi điều kiện cho chúng ta sống còn. Qua bao nhiêu quảng thời gian dài, bà đã phát triển một môi trường mà từ đó con người có thể xuất hiện và phát triển. Bà tạo ra một bầu khí quyển che chở, với không khí cho chúng ta thở được, thực phẩm dồi dào cho chúng ta ăn, nước trong lành cho chúng ta uống. Bà không ngừng nuôi dưỡng và bảo vệ chúng ta. Chúng ta có thể coi bà như mẹ của chúng ta và mẹ của mọi chúng sanh.

Chúng ta là một đứa con của Đất và hành tinh của chúng ta là một bà mẹ vô cùng độ lượng ôm ấp chúng ta và bảo vệ chúng ta với mọi thứ chúng ta cần.

Và một ngày kia khi chúng ta không còn hiện hữu trong hình tướng này, chúng ta trở về với Đất, mẹ chúng ta, chỉ là chuyển hóa để chúng ta có thể xuất hiện trở lại trong một hình tướng khác trong tương lai.

Nhưng đừng nghĩ rằng Mẹ Đất ở bên ngoài bạn. Nhìn sâu, bạn có thể thấy Mẹ Đất ở bên trong bạn, cũng giống như người mẹ máu thịt sinh ra bạn cũng ở ngay bên trong bạn. Bà hiện diện trong mỗi tế bào của bạn. (Buddha Nature and Our Relationship With Mother Earth.)

Và Bà Mẹ lớn đó - Mẹ Đất - cũng đã là vị làm chúng cho sự giác ngộ của đức Phật.

Khi sắp giác ngộ, đức Phật sắp thành bị Ma vương quấy phá để lung lạc, nhưng Ngài không



lay động. Ma Vương nói rằng sự giác ngộ phải là của Ma Vương. Đám lính Ma vương reo hò: *"Tôi làm chứng cho điều này!"* Ma Vương thách đức Phật sắp thành: *"Ai sẽ làm chứng cho ông?"*

Đức Phật sắp thành lấy tay phải chạm vào mặt đất, Đất gầm lên: *"Tôi làm chứng cho ngài!"* Theo đó, Ma Vương biến mất.

Mẹ Đất đã làm chứng cho Đức Phật và Mẹ Đất chắc chắn cũng đã chứng kiến và làm chứng cho sự xuất hiện của những bậc thánh nhân, hiền giả đi vào trong cõi đời này để cùng Mẹ Đất làm phong nhiêu cho đời sống trên thế gian này. Và chắc chắn Mẹ Đất cũng đã và đang theo dõi và chứng kiến những bước chân của chúng ta trên thế gian này. Mẹ Đất biết rằng sinh ra làm người không phải là chuyện nhỏ, những đứa con của Mẹ Đất có những trách nhiệm trên vai, trách nhiệm của một con người có lương tri và trí tuệ.

Trách nhiệm đó là nuôi dưỡng, chữa lành, tạo sự hòa điệu cho sự sống của toàn thể anh em trong lòng của Mẹ Đất. Và do đó, chắc chắn Mẹ Đất cũng rất đau đớn khi có những đứa con hung hăng phá hoại môi trường sống.

MẸ TRÍ TUỆ

Bát Nhã Ba La Mật Đa được gọi là Mẹ, Bà Mẹ Lớn như được gọi trong Phật giáo Tây tạng, của chư Phật, chư Bồ tát. Bà cũng được đề cập đến bằng nhiều tên khác nhau và được coi là hiện thân của Trí tuệ Siêu vượt. Đi trên đường giải thoát của đức Bổn sư, chúng ta cũng là những đứa con sẽ sinh của Bà Mẹ Trí Tuệ này.

Bà Mẹ này là Tánh Không nhưng không phải là hư vô, đã thể hiện ra Tướng Không để chúng ta, những người con, có thể tiếp cận. Tâm Kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa là bản Kinh nhỏ để thực hành nên không cần đề cập đến Tướng Không mà đề cập đến Tướng Không. Tướng, không phải Tánh, là Lý đi vào Sự, để chúng ta có thể tiếp cận, sống trong đó, ở trong đó, hàm chứa cái đó trong chúng ta.

Vì Từ bi, Bà Mẹ Tánh Không này cũng hiện ra trong hình tướng tương đối để chúng ta, những người con, tích tập công đức. Nữ thành tựu giả Machik Labdron (khoảng 1055-1150 CE), cũng là một vị Thầy lớn trong Phật Giáo Tây tạng, viết: *"Bà Mẹ Nguyên thủy, Yum Chemo (Bát Nhã Ba La Mật Đa), là tánh chất cơ bản của mọi hiện tượng, tánh không, chân như, vượt khỏi hai sự ngăn che. Bà là thực thể thuần túy của trường tánh không, của trí tuệ quán chiếu vô ngã. Bà là tử cung sinh ra tất cả chư Phật trong ba đời. Tuy nhiên, để ban cho chúng sanh cơ hội tích tập công đức, bà hiện thân như một đôi tượng để tôn kính."* (Jérôme Edou, Machig Labdron and the Foundations of Chöd).

Bà Mẹ đó cũng đi vào trong năm Ba La Mật để dẫn chúng ta bước vững trên Con Đường. Bồ thí, Giữ giới, Nhẫn, Tinh tấn, Thiền định sẽ không thể thành tựu nếu không được Trí tuệ

Ba la mật dẫn đạo. Trí tuệ Ba la mật tự thành và giữ gìn năm Ba la mật kia trên con đường Bồ tát, chuyển hóa các pháp thể gian còn trong vòng chấp ngã vào cánh cửa vô ngã.

Bồ thí, Giữ giới, Nhẫn, Tinh tấn, Thiền định nếu không nương trên Trí tuệ Ba la mật sẽ không thể chuyển hóa tận căn cơ để sản sinh một vị Bồ tát đi thênh thang trong thế gian, vị Bồ tát rộng không, không tự tánh, hoàn toàn trong trẻo thanh tịnh trong hành hoạt, để cứu độ và giải thoát tất cả chúng sanh.

Theo Kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa, công đức của Trí tuệ Ba la mật không thể suy lường, phát khởi và cung cấp năng lượng công đức vô tận của vô ngã, tạo sức mạnh cho toàn bộ tâm và hạnh của Bồ tát trên con đường giải thoát tất cả chúng sanh, đưa tất cả chúng sanh vào biển phúc lạc của Phật tánh.

Trí tuệ đó đi vào trong năm lãnh vực tư duy và thực hành chuyển hóa chúng thành vô ngã trong hành trình cứu độ đó. Vì vậy nói rằng Trí tuệ Ba la mật là chỉ đạo, làm cho năm Ba la mật kia trở nên hoàn hảo.

Nói về sự hiện hữu của chúng ta trong thế gian này, như sóng sinh ra từ nước, như mây sinh ra từ bầu trời, chúng ta và mọi pháp sinh ra từ Bát nhã.

Thân và tâm của chúng ta sinh ra từ Bát nhã Ba la mật, là con của Bát nhã Ba la mật. Cũng như sóng không bao giờ tách rời nước, chúng ta chưa từng tách rời khỏi Bà Mẹ Trí Tuệ. Chúng ta và Mẹ Trí Tuệ luôn luôn ở trong nhau, là Một với nhau. Và cũng vì lý do này, chúng ta và tất cả chúng sanh khác cũng luôn luôn ở trong nhau, là Một với nhau. Và khi nhận ra điều này, chúng ta sẽ không còn là một đứa con hoang, sống bám víu và cô đơn trong lang thang vô định.

Tóm lại, Mẹ Đẻ, Mẹ Đất, Mẹ Trí Tuệ đều là những Bà Mẹ lớn của chúng ta, những Bà Mẹ sinh ra, nuôi dưỡng và thành tựu cho chúng ta. Tuy mức độ nuôi dưỡng và thành tựu khác nhau, Tánh Mẹ chỉ là một, là Từ bi, bao dung, vô ngã, và không bao giờ tách lìa chúng ta. Mẹ luôn luôn ở trong chúng ta và chúng ta cũng luôn luôn ở trong Mẹ. Biết mình luôn luôn ở trong Mẹ và Mẹ luôn luôn ở trong mình là bước khởi đầu cho mọi phước đức, công đức trên con đường kết nối và vô ngã, con đường của người Phật tử phải đi trên đó.

Lúc đó chúng ta cũng biết rằng mình với tất cả chúng sanh chỉ là Một, ở trong nhau và cùng ở trong Lòng của Mẹ, là cùng bọc, là trăm con cùng một trứng.

Thị Giới

(Văn Hóa Phật Giáo)

(*) Kinh Ma Ha Ma Da do Cư sĩ Hạnh Cơ dịch.

PHẬT GIÁO: TÔN GIÁO CHO NGƯỜI KHÔNG THÍCH TÔN GIÁO?

MELVIN MCLEOD

Trần Trọng Hiếu chuyên ngữ

Cách đây không lâu, hầu hết người dân Hoa Kỳ đều có cho riêng mình một tôn giáo. Bạn được sinh ra với một tôn giáo, sống với tôn giáo đó và chết đi với tôn giáo đó.

Ngoại trừ một số ít những người dám suy nghĩ khác đi, bắt đầu từ khoảng những năm 50 của thế kỷ trước thì đây vẫn đang là một thực tế ở nhiều nơi trên thế giới. Đó là cách chúng ta liên hệ với tôn giáo, vốn có lịch sử từ hàng ngàn năm trước đây và cho tới bây giờ. Ngày nay, số lượng đáng kể và ngày càng gia tăng người dân Hoa Kỳ không đồng nhất bản thân mình như là tín đồ của bất kỳ một tôn giáo nào.

Theo *Báo cáo Nghiên cứu Pew*, 20% dân số Hoa Kỳ, tức 1/5 dân số trưởng thành mô tả bản thân mình là không tôn giáo. Con số này tăng lên từ mức 15% cách đây năm năm, và tỷ lệ này tăng cao hơn ở những người trẻ hơn, chiếm khoảng 72% dân số trẻ.

Có nhiều lý do khiến người ta không mặn mà với những tôn giáo có tổ chức, trong đó có sự kéo dài nhằm chần của các buổi kinh cầu - ngoài một đời sống vật chất dư dật, đa số lại khát khao điều gì đó có ý nghĩa sâu sắc, hạnh phúc hơn và cho điều mà họ mô tả là "tâm linh."

Bên cạnh 1/3 dân số mô tả bản thân là người vô thần, khoảng 30 triệu người Hoa Kỳ vẫn duy trì một hình thức và sự thực hành tâm linh nào đó mặc dù họ không cảm thấy thật sự thoải mái như ở nhà khi thực hiện các sinh hoạt tôn giáo ở nhà thờ, thánh đường. Đây là một đặc điểm nhân khẩu học phổ biến đang phát triển rất nhanh ở Hoa Kỳ. Nhìn chung, họ là những người có học thức, tự do và cởi mở, với ý thức sâu sắc về sự kết nối với vũ trụ và niềm tin rằng có điều gì đó ý nghĩa hơn, lớn lao hơn trong cuộc sống so với những gì biểu hiện trên bề mặt.

Có phải Phật giáo là "tôn giáo dành cho những người không thích tôn giáo"?

Phật giáo là tôn giáo duy nhất trên thế giới không có đấng sáng thế. Điều này làm thay đổi mọi thứ. Cũng giống như các tôn

giáo khác, Phật giáo mô tả hiện thực phi vật chất, tâm linh và chỉ rõ điều gì xảy ra sau khi chúng ta chết đi. Nhưng đồng thời, Phật giáo thực tế và có giá trị ứng dụng: Phật giáo nói về chúng ta, về tâm chúng ta và về sự khổ đau của chúng ta.

Phật giáo nói về con người một cách đầy đủ, sâu sắc. Tín đồ Phật giáo là những con người tâm linh nhưng không giáo điều, ý thức được bản thân mình là phi vật chất vì họ biết được giá trị của sự hiện hữu và tinh thức.

Phật giáo được thực hành bởi con người với nhiều mức độ vì thế khác nhau. Chúng ta tìm đến đạo Phật bằng đúng hành trạng của mình, nên chắc chắn sẽ có cái tôi đi theo cùng. Không vấn đề gì cả - đó chính là sự "làm việc" cơ bản trên con đường tu tập. Mấu chốt là chúng ta đi đến đâu từ khởi điểm đó.

Ngoài ra, Phật giáo hướng đến đời sống tĩnh lặng. Sự tu tập hướng đến sự định tĩnh cho cá nhân người thực hành hơn là trong tương quan với những người khác cùng tôn giáo với mình. Sự thực hành này giúp mở rộng tình thương và sự tỉnh giác.

Phật giáo liên quan đến sự nhận thức, giác ngộ và trải nghiệm; không có sức mạnh của một tổ chức hay một thần thánh nào cả. Chính điều này làm cho Phật giáo đặc biệt phù hợp với những người mong muốn đời sống tâm linh đích thực chứ không phải muốn có một tôn giáo.

Dưới đây là mười lý do cho thấy Phật giáo là tôn giáo của những người không thích tôn giáo, theo Melvin McLeod:

1- Không có đấng sáng thế trong Phật giáo

Các trường phái Phật học khác nhau có quan điểm dị biệt về Đức Phật. Một số nói rằng Ngài là một con người bình thường và đã khám phá ra con đường giác ngộ; số khác lại cho rằng Ngài vốn dĩ đã là một bậc Giác ngộ nhưng thực hành con đường tu tập để chỉ dẫn cho con người cách thành tựu sự tu tập đó.

Nhưng có một điều chắc chắn: Đức

Phật không phải là đấng sáng thế, không phải thần thánh. Cấu trúc sinh học của Ngài thuần nhất là một con người, bất kỳ ai trong chúng ta cũng có thể đi theo con đường của Ngài và sự giác ngộ của chúng ta cũng sẽ giống hệt như của Ngài.

Vũ trụ dưới nhãn quan Phật giáo vô cùng to lớn với hằng hà chúng sanh với tâm, thân, kết cấu và các cảnh giới khác nhau. Một số rất thông tuệ và giác ngộ, số khác thì thô thiển và mờ mịt hơn. Tuy nhiên, đây chỉ là những sự đa dạng vô tận trên thực tế mà chúng ta đang trải nghiệm được. Nó có thể rộng lớn và cao sâu hơn, đằng sau những khái niệm, có thể khác với cách nghĩ của chúng ta nhưng dù thực tế thế nào thì nó cũng như thế. Không có bất cứ gì và bất kỳ ai nằm bên ngoài đó cả.

2- Phật giáo là về sự tốt đẹp nền tảng cho bản thân mỗi người

Phật giáo không nói đến sự cứu rỗi, sự trở thành một ai đó khác hay đi đến một nơi nào khác. Bởi vì cả bạn và thế giới, về cơ bản là tốt đẹp. Cùng với những thăng trầm của nó, thế giới bên trong của chúng ta hoạt động. Nó làm ấm chúng ta, nó trưởng dưỡng chúng ta, nó mang lại cho chúng ta những sắc màu, thanh âm và những sự xúc chạm. Chúng ta không phải đấu tranh để chống lại thế giới của chúng ta. Thế giới này không thiên vị và cũng không chống báng chúng ta mà là một thế giới sống động, đơn giản của những trải nghiệm mà chúng ta thâm nhập vào, quan tâm tới, thường thức và gần gũi.

Trong Phật giáo, tự nhiên tánh của chúng ta được gọi bằng nhiều cách khác nhau như Phật tánh, tự tánh Phật,... hay chỉ đơn giản là Phật - sự giác ngộ nền tảng. Chúng ta không thể gia cố, đồng nhất hay khái niệm hóa nó theo bất cứ cách nào. Chúng ta hay suy nghĩ rằng mình không sở hữu cái tâm của mình. Nó không ở bên trong chúng ta, không ở bên ngoài chúng ta, nó ở ngoài sự nắm bắt của tâm thế gian. Nó trống rỗng về hình thức nhưng mọi thứ chúng ta trải nghiệm chính là sự biểu hiện của nó. Nó không là gì nhưng là nguồn gốc của mọi thứ - làm thế nào chúng ta bao bọc được cái tâm của mình? Tất cả những gì bạn có thể làm là nhìn thẳng vào nó, thư giãn và buông bỏ.

3- Vấn đề là khổ đau, câu trả lời là sự tinh thức!

Phật giáo tồn tại để chỉ ra một sự thật: khổ đau. Đức Phật gọi sự thật về khổ đau là "khổ đế" vì nhận diện được khổ đau của chúng ta là nơi bắt đầu và gợi mở của con đường tâm linh.

Thánh đế thứ hai là nguyên nhân của sự khổ. Ở phương Tây, người theo Phật giáo gọi đây là cái ngã. Đó chỉ là một từ nhỏ bé nhưng chứa đựng tất cả những điều bất ổn của thế



Năm nhân viên của một công ty công nghệ cao đang ngồi thiền trong giờ nghỉ tại vườn hoa ngoài trời

giới. Theo Đức Phật, tất cả khổ đau, lớn hay nhỏ, đều bắt đầu từ tri kiến sai lầm trong cái tôi cứng nhắc, phân biệt và liên tục để chúng ta duy trì sự sống còn của mình trên cuộc đời.

Cảm giác giống như chúng ta đang bị mắc kẹt một cách vô vọng trong sự bất an của cái "tôi và bọn họ" do mình tạo ra nhưng lại không thể tỉnh thoát khỏi nó. Và chân lý thứ ba, sự đoạn trừ đau khổ. Chúng ta làm điều này bằng cách nhận diện sự vô minh của mình, sự sai lầm trong tri kiến về cái "tôi" này.

Sau cùng, Đức Phật nói rằng có một con đường cụ thể mà chúng ta có thể đi đến đó; về cơ bản gồm có giới luật, sự nỗ lực, thiền tập và trí tuệ. Đây là Tứ Thánh đế, chân lý của con đường tu tập.

4- Để làm được điều đó, hãy "làm việc" với tâm của bạn

Theo Đức Phật, nguyên nhân của khổ đau là vô minh, giải pháp chính là sự tỉnh thức và con đường tu tập là sống một cách chánh niệm, hành thiền và tu dưỡng để có trí tuệ. Thật sự có một nơi mà tất cả mọi thứ diễn ra: trong tâm của chúng ta. Tâm là nguồn gốc của cả đau khổ và hỷ lạc của chúng ta. Thiền tập - thuần tâm, làm chuyển biến chúng ta từ người này thành người khác. Thiền tập là trị liệu cơ bản của Phật

giáo cho con người và những bậc xuất chúng đặc biệt.

Con đường thiền tập của Phật giáo bắt đầu với sự thực hành định tĩnh cái tâm hoang dại của chúng ta. Một khi tâm được tập trung đủ để nhìn một cách không bị phân tán vào thực tại, chúng ta phát triển được sự hiểu biết sâu sắc trong trải nghiệm của mình vốn luôn bị chi phối bởi vô thường, khổ, vô ngã và cái không.

Chúng ta phát triển lòng bị mắc một cách tự nhiên cho mình, cho tất cả chúng sanh khổ đau và sự hiểu biết sâu sắc cho phép chúng ta giúp đỡ họ một cách thiện xảo. Sau cùng, chúng ta trải nghiệm chính bản thân mình và thế giới của chúng ta đối với những gì chúng ta đã từng là từ vô thủy, đang là trong hiện tại và sẽ luôn là - không có gì ngoại trừ sự giác ngộ, một sự hoàn hảo vĩ đại và toàn diện.

5- Không ai có thể làm điều đó thay bạn, nhưng bạn có thể làm được!

Trong Phật giáo, không có người cứu thế. Không có một ai khác sẽ làm điều đó cho chúng ta, không nơi nào chúng ta có thể ẩn náu để được an toàn. Chúng ta phải đối diện sự thật một cách thẳng thắn và phải tự mình làm điều đó. Thậm chí khi quy y Phật, những gì mà Phật tử đang thực sự nương tựa vào chính là vào sự thật rằng không có chỗ nương tựa. Không đi tìm kiếm sự bảo hộ chính là sự bảo hộ duy nhất.

Vì thế, chính chúng ta phải làm điều đó, tự thân. Và chúng ta có thể làm được. Là con người, chúng ta có các tài nguyên cần thiết: trí thông minh, sức mạnh, một trái tim yêu thương và các phương pháp hiệu quả được thực chứng. Vì thế, chúng ta có thể đánh thức được niềm tin và phục hồi, cải đổi sự khủng hoảng và oán đối của mình.

Nhưng dù không ai có thể làm điều đó cho chúng ta, sự giúp đỡ và hướng dẫn luôn sẵn có. Có những vị thầy đã tiến xa trên con đường ấy sẽ mang đến cho chúng ta sự hướng dẫn và niềm cảm hứng. Họ cho chúng ta thấy đó là điều khả dĩ. Những hành giả chung đường sẽ khuyến tấn chúng ta nhưng không bao giờ cho phép chúng ta "trưng dụng" họ như những chiếc nạng đỡ. Những lời dạy của Đức Phật cho chúng ta trí tuệ mà Ngài đã tự mình thành tựu cách đây 2.600 năm. Chúng ta có thể thẳng tiến đến tài nguyên này.

6- Có thực tại tâm linh chứ không phải thực tại phi vật chất!

Một số người mô tả Phật giáo là một tôn giáo khoa học và chặt chẽ, giúp chúng ta có cuộc sống tốt đẹp hơn, yêu thương hơn mà không hề gây ra sự đối lập nào với thế giới quan hiện đại của chúng ta. Điều này hoàn toàn đúng, nhiều người theo đạo Phật thực hành mỗi ngày thật tốt đẹp ngay trong đời sống hiện đại mà không cần đến bất



kỳ niềm tin ngoại lai nào và có được những lợi ích trông thấy.

Phật giáo xác quyết rằng có một thực tại phi vật chất. Các tôn giáo khác cũng nói như vậy; sự khác biệt là trong Phật giáo, thực tại tâm linh không phải là đáng sáng thế. Mà đó chính là cái tâm.

Bạn có thể tự mình thâm nhập bằng những sự quán tưởng: Tâm của tôi có được tạo thành từ vật liệu nào hay tâm tôi có là gì khác không? Tâm của tôi có các đặc trưng như suy nghĩ, cảm xúc, những sự đồng nhất hay nó là không gian bên trong mà những thứ này khởi sanh lên? Tâm của tôi có thường xuyên thay đổi hay nó liên tiến? Nó là một thứ hay nhiều thứ? Đây là ranh giới của tâm của tôi? Nó rộng hay nhỏ? Có phải nó ở bên trong tôi quan sát ra thế giới vật chất bên ngoài? Hay sự tri nhận hoặc trải nghiệm của tôi về chúng đều là tâm?...

7- Nhưng bạn không cần phải tìm điều gì đó để tin vào!

Không có trí tuệ được trao gửi trong Phật giáo, không có bất cứ gì chúng ta phải chấp nhận một cách thuần túy trên nền tảng sức mạnh tâm linh của một người khác.

Ngài Dalai Lama đã từng nói, Phật giáo phải từ bỏ bất cứ niềm tin nào mà khoa học hiện đại bác bỏ. Đức Phật đã nói: "Hãy là ngọn đuốc của chính mình," và nói với các môn đồ của mình rằng họ phải kiểm chứng mọi thứ mà Ngài nói bằng chính trải nghiệm của họ.

Cải ngã của con người hiện đại chúng ta rất hăm hở tận dụng lời khuyên này. Chúng ta không nên chấp nhận những gì người khác nói ở mức độ bề nổi, không có nghĩa rằng chúng ta chỉ nên chấp nhận những gì chúng ta nói với chính bản thân mình. Chúng ta phải kiểm chứng những lời dạy của Đức Phật bằng sự trải nghiệm trực tiếp cuộc sống của mình, chứ không phải đối nghịch lại với những lập trường của bản thân.

Và trong khi khoa học hiện đại có thể đồng tình hay bác bỏ những niềm tin cũ kỹ về chiêm tinh học hay sinh lý người, nó vẫn không thể đo lường hay kiểm chứng được tính phi vật chất. Phật giáo đề cao sự tư duy hợp lý và tìm kiếm không phải để đối lập nó ngay bên trong bối cảnh của nó.

Cuối cùng, chỉ có tự thân mỗi người lèo

lái một mình trên con đường tâm linh mà thôi. Trong khi duy trì sự tự tôn và phán xét, chúng ta phải chấp nhận sự hướng dẫn hay thậm chí là sự dẫn dắt của những người đã tiến xa trên con đường tu tập này. Trong một xã hội đề cao cá nhân và tính thứ cấp trong quan hệ thầy-trò, thật sự là một thử thách để tìm kiếm một con đường trung dung giữa quá nhiều cái ngã và cái không đủ.

8- Phật giáo mang đến một tài sản gồm các phương tiện thiện xảo cho nhiều nhu cầu khác nhau

Phật giáo mang tính thực tế cao vì liên quan tới bất cứ điều gì giúp làm giảm khổ đau. Chúng sanh là vô hạn vô biên. Các bất ổn và các trạng thái tâm của chúng sanh cũng vậy. Phật giáo mang đến một tài sản gồm những phương tiện thiện xảo cho những nhu cầu khác nhau.

Những lời dạy của Đức Phật là nhu hòa, nhưng cũng có thể dữ dội. Chúng ta cần đối diện với cách mà chúng ta gây ra đau khổ cho chính mình và cho người khác.

Hành giả thiền Phật giáo đã nghiên cứu tâm hàng ngàn năm qua. Thời đó, họ đã kiểm chứng và thực chứng nhiều kỹ thuật để thuần dưỡng tâm, làm vơi bớt khổ đau và khám phá ra chúng ta là ai và cái gì là thực (và không thực). Có nhiều phương pháp hành thiền để an tâm và tập trung tâm, định tĩnh để cởi mở trái tim và những phương pháp mang đến sự dễ chịu và uyển chuyển cho thân. Có thể nói rằng, Phật giáo là khoa học về tâm phát triển nhất trên thế giới.

Ngày nay, con người muốn khám phá Phật giáo đều dễ dàng có được những nguồn tài nguyên. Lần đầu tiên trong lịch sử, tất cả các trường học và truyền thống Phật giáo tựu trung ở một nơi. Sẵn có sách, những vị thầy xuất sắc (nhiều người hiện giờ là người Hoa Kỳ), các trung tâm, cộng đồng thực hành, văn hóa phẩm Phật giáo,...

Tất cả những thứ này đều có sẵn để bạn khám phá theo nhu cầu và con đường của riêng mình. Bạn có thể hành thiền ở nhà, đến một trường thiền và cùng thực hành với người khác. Bạn có thể đọc một quyển sách, tham gia các lớp học, nghe các bài thuyết giảng của một vị thầy, bất cứ cách nào hiệu quả với bạn.

9- Phật giáo rất cởi mở!

Những người theo Phật giáo phương Tây nhìn chung tự do hơn, về mặt xã hội lẫn chính trị. Dù rằng đây có thể do một dị biệt của lịch sử hay một sự phản ánh tự nhiên của lời Phật dạy, các cộng đồng Phật giáo đều rộng mở với sự đa dạng và chống lại sự phân biệt sắc tộc, giới tính.

Tất nhiên, Phật tử là những con người tỉnh lặng nhưng vẫn là một phần của xã hội vì thế nó cũng là một hoạt động diễn tiến.

10- Phật giáo giúp ích cho con người

Không thể nhìn thấy hay đo lường những trải nghiệm chủ quan, vì thế chúng ta không thể đánh giá một cách trực tiếp tác dụng của Phật giáo đối với tâm và con tim của người khác. Nhưng chúng ta có thể nhìn thấy cách họ hành động và ứng xử với người khác. Chúng ta có thể nghe thấy những điều họ nói về sự trải nghiệm nội tại của mình.

Điều chúng ta nhận thấy là Phật giáo thật sự hữu ích. Phật giáo đang giúp cho con người tỉnh thức hơn, biết quan tâm hơn và thiện xảo hơn. Tất cả những gì bạn phải làm là gặp gỡ ai đó đang hành thiền để biết rõ điều đó. Hàng trăm ngàn người Hoa Kỳ chia sẻ rằng, một sự thực hành Phật giáo nhỏ nhoi cũng làm cho đời sống của họ tốt đẹp hơn - họ trở nên điềm tĩnh hơn, hạnh phúc hơn và không diễn tiến xấu khi các cảm xúc mạnh mẽ khởi lên. Họ tử tế hơn với bản thân và người khác.

Nhưng điều vô cùng quan trọng là không nên tự tạo áp lực cho chính mình với những sự kỳ vọng phi thực tế. Sự thay đổi đến rất chậm. Bạn sẽ nhận thấy điều này khi bạn gặp một hành giả thiền Phật giáo, thậm chí với người đã hành thiền một thời gian dài. Đừng kỳ vọng sự hoàn hảo. Chúng ta đang làm việc với những cấu trúc của sự vô minh, tham và sân đã phát triển từ đời trước hoặc thậm chí lâu dài hơn nữa. Sự thay đổi đến chậm đối với hầu hết chúng ta. Nhưng nó sẽ đến. Nếu bạn kiên định với nó, đó là điều chắc chắn.

Đây không phải một sự nỗ lực cải đạo. Không cần làm điều này. Nhưng những người nghĩ về bản thân mình là những người tâm linh nhưng không phải tôn giáo có thể tìm thấy nhiều điều mà Phật giáo có thể giúp ích trên con đường của cá nhân họ cho dù họ định nghĩa thế nào về Phật giáo.

Kết thúc bài viết, tác giả chia sẻ rằng: Khi tôi lần đầu tiên tiếp xúc với đạo Phật, điều làm tôi kinh ngạc là Phật giáo vô cùng chánh trực. Tôi thấy Phật giáo không cố gắng để lôi kéo tôi bằng việc nói với tôi điều tôi muốn được nghe. Phật giáo luôn nói về sự thật. Đôi khi sự thật dịu hòa, làm dịu dàng con tim chúng ta và làm chúng ta rưng rưng nước mắt. Đôi khi nó dữ dội, buộc chúng ta phải đối diện với các vấn đề của mình và xé tan những sự ảo tưởng dễ duôi. Nhưng đạo Phật luôn thiện xảo, luôn mang đến điều chúng ta cần. Chúng ta tự do có được điều mình ước muốn.

(theo *Lion's Roar: Are You Spiritual But Not Religious? 10 Reasons Why Buddhism Will Enrich Your Path*)

(Nguồn: Thư Viện Hoa Sen)

Cuộc Chiến Hai Bàn Tay

THÍCH NỮ NHƯ THỦY

Xưa có anh chàng con nhà giàu đẹp trai học giỏi, nhưng chỉ có cái tật cố chấp cùng mình. Một hôm, dùng búa đóng đinh lơ đễnh thế nào mà bàn tay trái của anh nện phải tay mặt một cái đau điếng. Từ đó, anh đâm ra ác cảm cố chấp đối với bàn tay trái. Luôn luôn anh rắp tâm tìm dịp trả thù.

Bữa nọ, tay trái đóng cửa vô ý làm kẹt bàn tay phải đau điếng. Anh chàng liền nổi giận lôi đình, mở một cuộc chiến sống chết giữa hai bàn tay.

Kết cuộc người ta không rõ bàn tay nào thắng trận, chỉ biết thân nhân anh phải chở anh vào nhà thương để bó bột hai cánh tay và chữa bệnh tâm thần.

Em thân mến!

Không có câu chuyện nào vô duyên và vô lý bằng câu chuyện trên đây cả. Trên thực tế, ta không bao giờ thấy có một trận thư hùng giữa hai bàn tay.

Thế mà trong mỗi con người chúng ta, giây phút nào lại vắng bóng những cuộc chiến đằng dai giữa những vọng niệm thiện và ác.

Cũng như anh chàng trên, hàng tu sĩ chúng ta, ai cũng dành nhiều cảm tình, sẵn sàng khoan dung đối với những tư tưởng thiện và ngược lại, chúng ta rất bức bối, đầy thù hận, ác ý với những vọng niệm xấu ác của chính mình.

Em đã từng nghe nói đến Phật tính chân tâm, nhưng chưa bao giờ em biết cái thực thể ấy nằm ở đâu, trong ngõ ngách nào. Ta không thể tin nó ở bên ta trên xác thân vô thường sinh diệt này và chỉ có một lối cuối cùng là tìm nó nơi tâm mình mà thôi.

Nhưng hỡi ơi! Khi nhìn lại bản tâm của mình em sẽ thấy không biết cơ man nào là những vọng tưởng thiện ác đua nhau trình diễn, chúng sinh diệt loạn động liên miên. Vì đã được trui rèn từ thuở nhỏ, lúc nào ta cũng có khuynh hướng thiên về chân, thiện, mỹ và ghét

cay ghét đặng những gì ngược lại. Do đó, mà trong ta, lúc nào cũng có những cuộc chiến dai dẳng giữa hai thế lực đối nghịch nhau. Phe nào thắng thì ta cũng mệt nhoài, vì cả hai đều là những vọng niệm của mình cả.

Em thân mến!

Nếu em thấy rằng mình còn sức để mở thêm một cuộc đọ sức giữa hai bàn tay nữa thì xin em cứ tiếp tục! Bằng ngược lại, em đã mệt nhoài, nằm không xong mà thả cũng chẳng ra, thì tôi xin đề nghị, chúng ta hãy thử một lần nhìn thẳng vào những vọng niệm sinh diệt ấy, bất kể nó là thiện hay ác, ta vẫn nhìn nó bằng một thái độ từ hòa như nhìn hai bàn tay của mình không thiên trọng các nào hết... thì cái gì sẽ xảy ra? Khi anh chàng trên khi không còn thù nghịch bàn tay trái nữa... thì... anh ta sẽ được ra khỏi nhà thương điên và tùy tiện sử dụng hai bàn tay. Chỗ này người xưa bảo: "Lượng sống nào cũng là nước cả" hay "Mỗi vọng niệm là một hóa thân Phật vậy."

Em có thấy thế không?

(trích từ *Hư Hư Lục*)



thơ

CÂY CẦU

*Giữa hiện tại và hiện tại,
giữa sự tồn tại của anh và của em,
cây cầu ngôn ngữ.*

*Đi vào nó
em đi vào chính mình:
thế giới nối liền
như vòng tròn khép kín.*

*Từ bờ này đến bờ kia,
luôn hiện hữu
một cơ thể uốn cong:
một chiếc cầu vồng.*

Dưới những vòm cung anh sẽ ngủ.

THE BRIDGE

*Between now and now,
between I am and you are,
the word bridge.*

*Entering it
you enter yourself:
the world connects
and closes like a ring.*

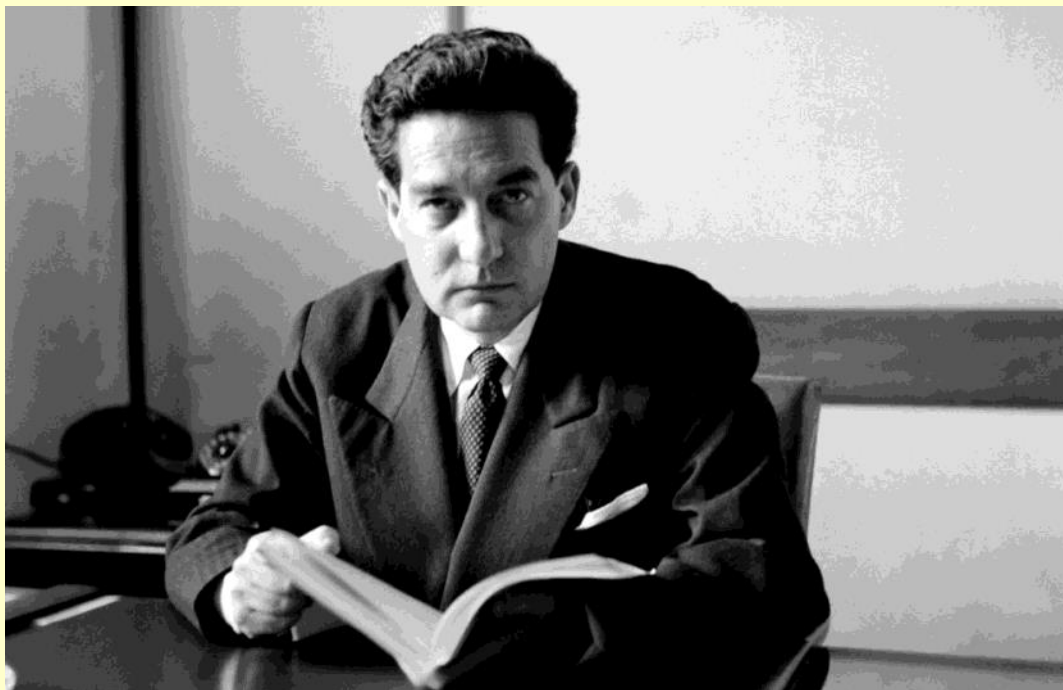
*From one bank to another,
there is always
a body stretched:
a rainbow.*

I'll sleep beneath its arches.

PHÁP HOAN

(dịch từ bản dịch tiếng Anh)

OCTAVIO PAZ



OCTAVIO PAZ, NOBEL PRIZE IN LITERATURE 1990
(1914—1998)

VAI TRÒ NI GIỚI ĐỐI VỚI PHẬT GIÁO VIỆT NAM TẠI HOA KỲ

Thích Nữ Giới Châu

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Kính bạch Hoà Thượng Phó Chủ Tịch Nội Vụ Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN HK
Kính bạch Chư Tôn HT, TT, ĐĐ Tăng Ni
Kính thưa Quý thiện nam tín nữ Phật tử,
và đặc biệt Giới Trẻ Phật Giáo hiện diện hôm nay:

Trong buổi nói chuyện hôm nay, chúng con rất hân hạnh được đứng trước Đại hội gồm Chư Tăng Ni và Phật tử trẻ, nói lên tiếng nói của một thành viên Ni trong Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ.

Trước hết, chúng con xin trình bày ý kiến riêng tư của chúng con, và kính mong Chư Ni trẻ cùng chúng con nói lên tiếng nói của chính mình, để chị em chúng ta hiểu nhau, thông cảm nhau, để rồi chúng ta cùng ngồi lại với nhau bằng tình thương và sự tôn kính trong tinh thần lục hoà của pháp lữ. Làm được như vậy, chư Ni chúng ta có thể đoàn kết, bảo bọc và giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau đóng góp và xây dựng ngôi nhà Phật Pháp, làm lợi ích và tạo niềm tin cho đồng bào Phật tử trong cộng đồng Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ.

Trước hết chư Ni chúng ta cần ý thức sự mạng cao cả của người xuất gia. Đó là chí nguyện, "trên cầu Phật đạo, dưới cứu độ chúng sanh." Tổ Quy Sơn dạy, "*Người xuất gia phải nối tiếp và làm rạng rỡ cho được giòng giống của thánh tăng, nhiếp phục được quần ma, bảo đảm được bốn ân và cứu độ cho ba cõi*" (1). Muốn làm được như thế, chư Ni chúng ta hãy ngồi lại với nhau trong tinh thần hoà hợp thanh tịnh, cùng nhau tu tập Giới Định Tuệ. Cố gắng dụng công tu tập miên mật, mới tạo được năng lực mạnh mẽ của tâm linh, từ đó, chúng ta mới có khả năng hộ trì chánh pháp, và làm nơi nương tựa cho thế gian còn nhiều đau khổ.

Mỗi cá nhân của chư Ni tự phát khởi tâm lòng phụng sự Đạo Pháp. Nếu chúng ta không có sự hoà hợp đoàn kết trên tinh thần cộng đồng Tăng già Phật Giáo, không phát tâm chung lo Phật sự, không quan tâm những việc chung trong Phật Giáo, thì chúng ta đã tự tách rời chúng ta, tự sống biệt lập và nghĩ rằng mình có tự do. Đó là điều sai lầm! Điều gì đã làm chúng ta tách rời cộng đồng Tăng già? Có phải Ngã và Ngã sở chăng? Do đó, chúng ta



nên quán chiếu sâu sắc một chút nữa, để nhìn rõ tương lai Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ như thế nào nếu chúng ta không có tinh thần phụng sự Phật Pháp?

Chúng tôi hy vọng rằng, dù hoàn cảnh khó khăn hay thiếu thốn, chư Ni cố gắng sống chung, làm việc chung, tu tập chung, và học tập chung. Chúng ta tự ép mình vào khuôn khổ thiên gia, thì chúng ta không bị rời rạc. Chư Ni thử nghĩ có buồn không, khi chúng ta đến đây không có thầy tổ, huynh đệ, hoặc tông môn pháp phái. Nếu chúng ta không đoàn kết hoà hợp, thì đời sống tu tập của chúng ta sẽ như thế nào? và tương lai Phật Giáo Việt Nam sẽ như thế nào?

Khi chư Ni chúng ta đã ý thức được vai và trò trách nhiệm của Ni Giới trong cộng đồng Phật Giáo Việt Nam, chúng ta cần trang bị cho mình những điều cần nên có, để có đủ khả năng tiếp cận với đời.

Thứ nhất, chúng ta đang sinh sống tại Hoa Kỳ, ngôn ngữ khác biệt là một chướng ngại to lớn. Nếu chúng ta không có khả năng đọc, nghe và nói chuyện bằng tiếng Anh, chúng ta không thể truyền trao Phật Pháp cho con em chúng ta sinh ra và lớn lên tại Hoa Kỳ, và không thể kết thiện duyên với người dân bản xứ qua giáo lý Từ Bi Trí Tuệ của Đạo Phật. Do đó, điều tiên quyết là chúng ta phải học Anh

Văn, tối thiểu chúng ta có thể đọc và hiểu để trao đổi những điều cần thiết trong đời sống hàng ngày.

Chư Ni trẻ còn sức khoẻ và thời gian, nên cố gắng học Anh Văn thật giỏi, để có thể truyền trao Phật Pháp bằng tiếng Anh cho con em chúng ta. Tuần rồi, ngày 21 tháng 7, chúng con gặp một nhóm người Mỹ thăm viếng Quý Sư Tây Tạng làm Mandala tại thành phố Aspen, Colorado. Vài Sư nói tiếng Anh lưu loát, nhưng phần lớn chỉ nói thông thường. Tuy nhiên, qua hình thức làm Mandala bằng cát với nhiều màu sắc, đã thu hút nhiều người Mỹ đến với Phật Giáo. Trong lúc nói chuyện với nhóm người Mỹ, chúng con giải thích ý nghĩa của Mandala Quan Âm, là biểu tượng của tâm Từ Bi. Người có tâm từ bi luôn luôn sống an vui, hạnh phúc, hài hoà, và được giàu sang. Giàu sang ở đây nghĩa là sự lớn mạnh, tăng trưởng, phát triển đời sống tâm linh. Thậm chí, người ấy dễ thành công và gặp nhiều may mắn. Tâm từ bi giúp chúng ta thoát khỏi sự nguy hiểm. Có hai loại nguy hiểm trong cuộc sống - nguy hiểm bên ngoài là sự thù hiềm, tranh chấp, ganh tỵ, đố kỵ; và nguy hiểm bên trong là ảo tưởng, nó xui khiến chúng ta suy nghĩ sai, hành động sai. Những người Mỹ rất hoan hỷ nói rằng, người Mỹ chúng tôi rất cần Phật giáo. Chúng tôi cần thực tập Tâm Từ Bi. Xã hội Hoa Kỳ đang có nhiều bạo động, Phật Giáo rất cần thiết trong đời sống của chúng tôi.

Thứ hai, chư Ni chúng ta sống có giới luật. Luật Tứ Phần dạy rằng, "Giới của Tỳ kheo ni rất tôn quý, không những tự mình được ra khỏi sanh tử, mà lại còn làm ruộng phước tốt cho hàng nhơn thiên (trời người) nữa" (2). Người xuất gia hành trì giới không bị uế nhiễm, được thân tướng trang nghiêm, được người có trí tuệ khen ngợi. Kinh Tăng Chi dạy: "*Tỳ kheo thành tựu giới với các vị đồng phạm hạnh cả trước mặt lẫn sau lưng.*" (3) Nghĩa là chúng ta hành trì giới luật trong mọi thời gian và không gian, để làm nền tảng cho thiền định.

Khi chư Ni chúng ta đã trang bị đủ tiếng Anh, giới luật thanh tịnh, và hành trì Giới Định tuệ một cách trong sáng, chúng ta phát nguyện dẫn thân phụng sự đạo pháp để tiếp nối sứ mạng hoằng dương Phật Pháp mà Chư Tôn Trưởng Lão trong Giáo Hội đã và đang hiến dâng cả cuộc đời cho Phật Giáo và Dân Tộc.

Trước khi dứt lời, chúng con xin kể một câu chuyện nhỏ trong đạo. Một Ni Sư và chúng con thăm bệnh nhân trong một bệnh viện của Thiên Chúa Giáo. Bệnh viện lớn, đẹp, sạch sẽ, sang trọng. Ni Sư hỏi rằng: "Tại sao Phật Giáo không làm được một bệnh viện như thế này?" Chúng con trả lời, "Ni Sư cũng là người trong Phật Giáo, sao Ni Sư lại hỏi?" Cũng thế, chư Ni chúng ta là thành viên của Giáo Hội, là một thành phần của Phật giáo, thì chính mình là Giáo Hội, chính mình là Phật giáo; và Giáo Hội không ngoài chúng ta, Phật giáo không ngoài chúng ta. Chúng ta đừng đặt câu hỏi nữa, mà



chúng ta hãy phát khởi thiện tâm phụng sự Phật Pháp để cúng dường chư Phật.

Chúng con thành kính tri ân Chư Tôn Đức Tăng Ni và Quý thiện Nam tín Nữ Phật tử đã lắng nghe lời trình bày mộc mạc từ tận đáy lòng sâu xa của chúng con.

Nam Mô Hoan Hỷ Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát
TKN Thích Nữ Giới Châu

- 1) Thích Nhất Hạnh, QUY SON CẢNH SÁCH, bản dịch PDF.
- 2) Thích Nữ Thế Thanh, LUẬT TỨ PHẦN, trang 24, Trường Cao Cấp Phật Học Việt Nam, 1991.
- 3) Tăng Chi Bộ Kinh Tập II, trang 289, Tỳ Kheo Thích Minh Châu dịch, 1987.



NGƯỜI ÁO LAM

Anh Chị Nghĩ Gì, Làm Gì Khi Đã Một Lần Khoác Chiếc Áo Lam và Cài Hoa Sen Trắng

HUỶNH KIM QUANG

Thật là niềm vinh dự và nỗi vui mừng lớn lao cho tôi khi gặp lại anh chị em là những người đã từng một thời có duyên lành khoác chiếc Áo Lam và cài Hoa Sen Trắng lên người tại các trại tị nạn Đông Nam Á cách nay hơn 30 năm trong hành trình đi tìm tự do đầy gian nan và nguy khốn.

Chính trong sự gian nan và nguy khốn khôn lường đó mà tôi tin chắc rằng tất cả chúng ta đều thâm cảm được cái giá rất đắt của tự do và do vậy chúng ta đều luôn luôn trân quý sự tự do của mình và của mọi người.

Ba mươi năm là chặng đường dài của đời người. Về mặt xã hội học, đó là thời gian của một thế hệ con người. Ba mươi năm qua, có biết bao đổi thay trong cuộc sống cá nhân của mỗi người chúng ta, trong vận hành lịch sử điều linh của dân tộc Việt, cũng như trong bối cảnh bất an thường trực của cộng đồng nhân loại.

Nhưng chắc chắn có một điều vẫn chưa hề nhạt phai, đó là những kỷ niệm, tình cảm và ký ức của chúng ta về một thời ở các trại tị nạn, như Pulau Bidong, Sungei Besi, Galang, Baa-taan, v.v... Chính sự có mặt của đông đảo chư Tôn Đức và anh chị em nơi đây đã nói lên điều đó.

Tuy nhiên, sự hội ngộ của chúng ta hôm nay còn có cái duyên khác nữa, đó là màu Áo Lam, là niềm tin của người Phật Tử đối với Đạo Pháp, là lý tưởng đem Đạo Phật vào Đời của một đoàn sinh hay huynh trưởng Gia Đình Phật Tử Việt Nam. Lý tưởng đó cao đẹp biết bao, nhất là trong bối cảnh của thế giới nhiều bất an và khủng hoảng, trong cuộc sống đầy nhiều nhướng và khổ não như hiện nay!

Hơn 30 năm trước, trong thân phận là người tị nạn từ bỏ quê hương ra đi vì không thể sống được với chế độ cộng sản, chúng ta từng trải qua những đau thương và mất mát trên đường vượt biển, vượt biển. Khi đến được các trại tị nạn, điều mà chúng ta có thể làm được để xoa dịu những vết thương, để tìm đến với nhau trong tình người, tình đạo, và để giải thoát phần nào những khổ nạn mà chúng ta gánh chịu trên hành trình tìm tự do là đến với Đạo Phật, đến với sinh hoạt Gia Đình Phật Tử, bởi vì, Phật Pháp là liều thuốc hữu hiệu giúp chúng ta trị bệnh khổ thân và tâm, và bởi vì sinh hoạt Gia Đình Phật Tử giúp chúng ta lấy

lại niềm tin vào con người và mở cánh cửa tương lai tươi sáng cho cuộc đời mình trên bước đi vững chãi của Từ Bi, Trí Tuệ và Dũng Lực.

Trong thời gian ở tại các trại tị nạn tại Mã Lai và Phi Luật Tân vào những năm 1986 và 1987 tôi thấy sinh hoạt Gia Đình Phật Tử lúc nào cũng đông đảo và nhộn nhịp. Những khuôn mặt của anh chị em GDPT mà tôi gặp lúc bấy giờ đều vui vẻ và bình an, dù ở các trại tị nạn gặp nhiều khó khăn về đời sống vật chất và tinh thần.

Phải chăng, lúc đó chúng ta đã tìm được hướng đi đích thực cho đời mình?

Tôi nghĩ là như vậy. Bởi lẽ, chúng ta từ bỏ thế giới ngục tù cộng sản để đi tìm miền đất hứa tự do và chúng ta đã đạt được điều mơ ước ấy. Và bởi vì, chúng ta đã có cơ duyên tắm gội trong biển Giáo Pháp giải thoát của Đức Phật có khả năng thăng hóa đời mình lên phương trời tự do tuyệt đối để rũ sạch mọi trói buộc của phiền não khổ đau.

Đó là tất cả sắc thái và ý nghĩa dung chứa trọn vẹn trong màu Áo Lam mà một thời tại các trại tị nạn Đông Nam Á anh chị em chúng ta đã có duyên lành khoác lên mình.

Còn bây giờ thì sao? Sau hơn ba mươi năm, anh chị em chúng ta có còn giữ được lý tưởng của Người Áo Lam?

Có thể nhiều người trong chúng ta không có đủ cơ duyên để tiếp tục khoác chiếc Áo Lam và sinh hoạt trong Gia Đình Phật Tử khi được định cư ở đệ tam quốc gia. Không sao hết. Anh chị em đừng ngại, bởi vì đó là hoàn cảnh sống mỗi người mỗi khác nhau.

Điều quan trọng là anh chị em chúng ta có giữ được lý tưởng của Người Áo Lam không?

Nếu không, thì cũng đừng ngại, vì chúng ta vẫn còn có cơ duyên để hâm nóng lại lý tưởng Người Áo Lam ngay bây giờ và tại nơi này.

Có lẽ anh chị em vẫn còn phân vân không hiểu tại sao việc giữ gìn lý tưởng của Người Áo Lam lại quan trọng đến như thế.

Tôi xin đặt lại vấn đề một cách cụ thể hơn để chúng ta hiểu rõ tại sao việc giữ gìn lý tưởng Người Áo Lam lại quan trọng trong đời sống thường nhật của chúng ta.

Có lẽ chúng ta nên phân biệt rõ hơn một chút giữa việc giữ gìn lý tưởng Người Áo Lam và việc sinh hoạt trong các đơn vị Gia Đình

Phật Tử. Phân ra như vậy chúng ta sẽ nhìn thấy vấn đề sáng hơn.

Giữ gìn lý tưởng Người Áo Lam tức là đem lý tưởng của một thành viên trong tổ chức Gia Đình Phật Tử mà một thời mình đã gắn bó vào trong cuộc sống của mình từng ngày, từng giờ, từng phút giây.

Vậy thì lý tưởng Người Áo Lam là gì?

Là tự thân chúng ta thực hành Phật Pháp trong cuộc sống đời thường và đem Phật Pháp đến cho mọi người thân trong gia đình cũng như cho cộng đồng xã hội.

Đó chính là lý tưởng được nêu ra từ ban đầu cách nay trên 70 năm của tổ chức Gia Đình Phật Hóa Phổ, là tiền thân của Gia Đình Phật Tử Việt Nam, tức là đem Phật Pháp để chuyển hóa gia đình một cách sâu rộng.

Phật Pháp quý giá như thế nào mà cần được phổ cập trong mỗi gia đình?

Phật Pháp là thần dược trị bệnh thân tâm cho tất cả mọi người. Trên đời này, không ai thoát khỏi đau khổ. Đau khổ có loại thuộc về thể xác, có loại thuộc về tâm thức, đó là thân bệnh và tâm bệnh. Ngày nay, các nghiên cứu y khoa cho thấy rằng trạng thái tâm lý ảnh hưởng rất lớn tới sức khỏe và bệnh tật của cơ thể vật lý con người.

Nhiều nghiên cứu khoa học cũng cho thấy rằng thực hành thiền định đúng cách và đều độ giúp chúng ta giải thoát được những căng thẳng tinh thần và thể xác để có thể trị liệu rất nhiều bệnh tật. Phương pháp Thiền Chánh Niệm (Mindfulness Meditation) đang được phổ biến khắp thế giới và hàng triệu người thực hành có hiệu quả.

Hơn nữa, sự hiểu biết Phật Pháp và thực hành Phật Pháp trong đời thường sẽ giúp chúng ta giải thoát khỏi những trói buộc của định kiến, thành kiến, cố chấp, ngã mạn, kiêu ngạo, đố kỵ, giận dữ, tham lam, thù hận, v.v... Sự an lạc và hạnh phúc sẽ đến với chúng ta nhiều hay ít là tùy thuộc vào sự thực hành Phật Pháp của chúng ta để chuyển hóa những phiền não khổ đau ấy đến mức nào.

Thí dụ, nếu chúng ta nỗ lực thực hành Phật Pháp -- bằng nhiều cách như thường xuyên chiêm nghiệm về tính vô thường hay sự mỏng manh của tất cả mọi thứ trên đời này -- để giảm bớt cố chấp, giận dữ thì khi gặp chuyện gì đó trong gia đình, chúng ta sẽ bình tĩnh để ngồi xuống nói chuyện một cách thân thiện với người thân để tìm hiểu sự việc và giải quyết vấn đề trọn vẹn cả tình và lý. Nếu không thực hành Phật Pháp mà để cho những thành kiến, cố chấp, sân si chế ngự bản thân, thì chúng ta dễ dàng suy nghĩ, nổi giận và hành động lỗ mãng, giận dữ, hung bạo dẫn đến sự đổ vỡ tình thân trong gia đình và không giải quyết được chuyện gì cả.

Tự thân chúng ta có thực hành Phật Pháp thì mới chứng thực được rằng Phật Pháp là thuốc hay để trị bệnh khổ và mới có tự tin để giới thiệu Phật Pháp đến cho người thân trong

gia đình, hay cho những người chung quanh. Nếu bản thân chúng ta không thực hành Phật Pháp, không tự chứng thực được Phật Pháp hiệu quả như thế nào thì chúng ta lấy gì để giới thiệu đến cho người khác. Hơn nữa, khi chúng ta giới thiệu Phật Pháp cho con cái và người thân trong gia đình, thì người thân của chúng ta sẽ lấy chúng ta làm thước đo về hiệu quả thực hành Phật Pháp để có quyết định đến với Phật Pháp hay không. Chẳng hạn, chúng ta khuyên con cái đi Chùa, học Phật để bớt khổ đau, nhưng thực tế hàng ngày trong gia đình chúng ta thường xuyên than khổ, thường xuyên bị bức bách vì đủ thứ chuyện, thường xuyên giận dữ, sân si, thì làm sao con cái có thể tin Phật Pháp mà đi theo.

Từ đó mới thấy rằng, khi tự thân chúng ta thực hành Phật Pháp có kết quả và đem Phật Pháp giới thiệu với người thân trong gia đình là cách giữ gìn lý tưởng của Người Áo Lam có ý nghĩa và lợi lạc thực sự.

Cho nên quý anh chị em đừng nghĩ rằng mình không có điều kiện tiếp tục mặc chiếc Áo Lam và sinh hoạt trong đơn vị Gia Đình Phật Tử thì có nghĩa là chôn vùi lý tưởng Người Áo Lam.

Không đâu! Lý tưởng Người Áo Lam mà một thời chúng ta đã có duyên thực hành tại các trại tị nạn hay đâu đó cần phải được tiếp tục giữ gìn một cách trân quý để mang lại lợi ích và cuộc sống cao đẹp cho chúng ta và cho những người chung quanh.

Làm được như vậy há không phải là một cách nào đó chúng ta đã thực hiện thành công lý tưởng của tổ chức Gia Đình Phật Tử Việt Nam là đem Đạo Phật vào cuộc sống gia đình rồi hay sao?

Thưa quý anh chị em,

Tôi nghĩ chắc trong này cũng có anh chị em từ đó tới giờ vẫn còn mặc chiếc Áo Lam và sinh hoạt trong Gia Đình Phật Tử. Đó là phước duyên lớn của đời người, bởi vì trong màu Áo Lam dịu dàng ấy tỏa sáng 3 đức tính cao quý của một đoàn viên Gia Đình Phật Tử Việt Nam: Bi, Trí, Dũng.

Đúng thế, phát nguyện làm một thành viên của Gia Đình Phật Tử Việt Nam là phát nguyện dẫn thân vào con đường đem Đạo Pháp vào gia đình qua phương thức giáo dục và nuôi dưỡng tuổi trẻ. Không có từ bi thì người huynh trưởng GDPT làm sao thương yêu các em hết lòng để tận tình hướng dẫn. Không có trí tuệ thì người huynh trưởng GDPT lấy gì và làm sao biết cách giáo dục cho tuổi trẻ. Không có sức mạnh của tinh tấn, kiên trì và nhẫn nại thì làm sao người huynh trưởng có thể tận tụy giúp các em từng bước đi lên trên con đường xây dựng nhân cách và phát huy Phật tính.

Bởi thế, làm một huynh trưởng GDPTVN vừa là niềm tự hào, vừa là trọng trách tạo dựng tương lai cho Đạo Pháp và Dân Tộc.

Nhưng đối với những anh chị em nào chưa có thuận duyên để tiếp tục mặc chiếc Áo Lam và sinh hoạt trong Gia Đình Phật Tử thì ngoài

HÃY TỰ MÌNH THẮP ĐUỐC LÊN MÀ ĐI

(*Câu Chuyện Dưới Cờ* — bài viết hàng tuần của GDPT
do Nhóm Áo Lam thực hiện)

Trong chúng sanh đều có Phật tánh. Tam tạng giáo điển chỉ là phương tiện giúp chúng sanh thấy biết Phật tánh chân thật ấy và không để cho mê vọng che lấp Phật tánh ấy đi.

- Tu là nỗ lực trên hành trình này. Khi liễu ngộ Phật tánh rồi rạo là đặc quả là thành Phật. Ngoài tự tánh Phật sẵn có đó, ta không thể cầu tìm một Đức Phật một quả vị Phật nào khác vì bởi nếu có ta cũng không thể nhận biết được.

Ngay chính Bồ Tát trì thể một bậc Tôn đức mà còn làm thiên ma Ba Tuần là trời Đế Thích. Nếu không có Duy Ma Cật cư sĩ khai thị cho để thấy rõ chân lý ấy.

Tôi xin lược thuật một câu chuyện trong kinh Phật để anh chị em suy gẫm:

Có một vị tăng chăm chú học kinh điển đã lâu nhưng chưa thấy ý nghĩa huyền diệu của kinh. Anh ta đến một vị tổ thiên xin thụ giáo. Một buổi tối anh ra ngồi tĩnh tọa ngoài sân suy nghĩ mệnh mông về chân lý. Bỗng vị tổ thiên đến gần bảo:

- Tại sao người không ngồi trong nhà?

- Bạch sư cụ trong nhà tối quá!

Vị tổ mới móc trong túi ra một cây nến, bắt quẹt thắp lên rồi đưa cho đệ tử. Người đệ tử đưa hai tay đón nhận, nhưng thiền sư thổi tắt nến và cất vào túi rồi bỏ đi. Người môn đồ ngồi ngờ ngác rồi hết nhiên đại ngộ. Anh dõ theo bóng thầy đánh lễ Tổ quay lại hỏi:

- Nhà người làm sao thế?

Người môn đồ lặng thinh không trả lời anh lặng lẽ đi tìm

kinh sách mà anh thường tụng niệm đốt sạch.

- Đạo Phật nhận định cuộc đời là khổ đau.

- Khổ đau ấy do chúng ta mê si đã tác tạo ra.

- Con người lại có khả năng giải trừ khổ đau để đến chỗ an lạc yên vui.

- Đạo Phật giúp ta nhiều

phương tiện để nhận diện và giải trừ khổ đau phiền muộn ấy.

Nỗ lực là chính. Tha lực chỉ là sự tác trợ thứ yếu.

Hãy tự mình thắp đuốc lên mà đi. Đó là ngọn đuốc trí huệ trong mỗi cá nhân con người.

(Trích 52 *Câu Chuyện Dưới Cờ*—
Thị Nguyễn Nguyễn Đình Khôi)

CHIỀU VÀNG

*Chiều tà nắng và gió
Cát hú biển gập gờ
Cỏ cây nhảy cùng gió
Thân qua đây mệt đừ*

*Chiều tà hoang vắng quá
Thiên nhiên cõi thân tiên
Nước buông mềm lòng đá
Tâm qua đây dịu hiền*

*Chiều tà trong cõi vắng
Loang dần bóng gầy hao
Thấy giọt mưa trong nắng
Sanh tử nào thanh tao?*

*Chiều tà với sâu mộng
Bám víu chi nặng lòng?
Xin đừng làm nước động
Nước trong cõi hư không!*



*Chiều tà - nên ngủ đêm của
chuyến Ba lo đường dài -
Photo: BXX*

thơ

BẠCH X. PHÈ



TỰ THẮNG MÌNH LÀ CHIẾN CÔNG OANH LIỆT NHẤT

(Phật Pháp Thứ Năm — tài liệu tu học của GDPTVN)

Thưa Anh Chị Em (ACE)
NAL xin gọi đến ACE một câu chuyện để
ACE chúng ta cùng suy gẫm, quán chiếu.

Câu chuyện được đăng tải trên trang Vi-
sion Times của Trung Quốc, nội
dung như sau:

"Trong số những bia mộ
bên trong hầm dưới nhà
thờ Westminster nổi tiếng ở thủ
đô Luân Đôn của nước Anh có
một tấm bia mộ nổi tiếng khắp
thế giới.

Thực ra, tấm bia mộ này
khá bình thường, được làm
bằng đá hoa cương, thiết kế
bình thường, không có gì nổi
bật. Trong khi đó, quanh tấm
bia mộ này đều là bia mộ của
những người danh giá, ví dụ như hơn hai mươi
tấm bia mộ của những vị vua nước Anh trước
đây như vua Henry III, vua George II hay
những nhân vật nổi tiếng như Newton, Darwin,
Charles Dickens...

So với những tấm bia này, rõ ràng tấm bia
mộ vô danh kia chẳng đáng để nhắc tới. Thế
nhưng vì lẽ gì mà nó lại trở nên nổi tiếng khắp
toàn cầu?

Theo trang Vision Times, bất cứ ai đến nhà
thờ Westminster, họ có thể không đến bái lạy
trước những tấm bia mộ danh giá khác nhưng
không thể không kính cẩn hồi lâu trước tấm bia
mộ vô danh này.

Đứng trước tấm bia mộ ấy, tất cả đều bị
đoạn văn khắc trên đó làm cho trầm lắng, cảm
động và suy tư.

Trên bia mộ đó rất cuộc đã viết những gì
mà có thể khiến bất cứ ai đọc cũng tràn đầy
cảm xúc?

Nội dung đoạn văn trên bia mộ như sau:

**"Khi tôi còn trẻ, khi mà trí tưởng
tượng của tôi không bị giới hạn, tôi đã mơ
ước sẽ thay đổi cả thế giới.**

**Khi tôi trưởng thành, tôi phát hiện ra
rằng tôi không thể thay đổi được thế giới.
Tôi thu nhỏ lý tưởng của mình lại và quyết
định chỉ thay đổi đất nước của tôi. Nhưng
rồi tôi cũng chẳng làm được việc đó.**

**Khi tôi bước sang tuổi xế chiều, khi
mà lý tưởng thay đổi đất nước thất bại,**

**nguyên vọng cuối cùng của tôi chỉ là thay
đổi gia đình mình. Nhưng điều này cũng là
không thể.**

**Khi tôi nằm trên giường chẳng thể làm
được việc gì nữa, tôi mới ý thức được rằng:**

**Nếu như ngay từ đầu, tôi chỉ
có một lý tưởng nhỏ bé là
thay đổi bản thân mình, sau
đó biến mình thành một tấm
gương tốt, có thể tôi sẽ thay
đổi được gia đình tôi, dưới sự
giúp đỡ và cố vũ của gia
đình, tôi có thể làm được vài
việc cho đất nước. Và sau đó,
ai biết được, có khi tôi có thể
thay đổi được cả thế giới."**

("When I was young and free
and my imagination had no limits,
I dreamed of changing the

world. As I grew older and wiser, I discovered
the world would not change, so I shortened my
sights somewhat and decided to change only
my country.

But, it too, seemed immovable.

As I grew into my twilight years, in one
last desperate attempt, I settled for changing
only my family, those closest to me, but alas,
they would have none of it.

And now as I lie on my deathbed, I sud-
denly realize: If I had only changed myself
first, then by example I would have changed
my family.

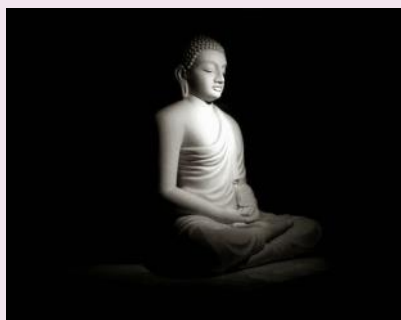
From their inspiration and encouragement,
I would then have been able to better my
country and, who knows, I may have even
changed the world.")

ACE chúng ta cũng thường được nhắc nhở
phải sống tỉnh thức, làm mới mình bằng cách
làm sao để mình của hôm nay tốt hơn mình
của hôm qua và mình của ngày mai tốt hơn
mình hôm nay; như vậy mình sẽ không mắc
phải lỗi lầm của tuổi trẻ là muốn chinh phục /
làm thay đổi cả thế giới trong khi chưa tự
thắng được mình...

"Tự thắng mình là chiến công oanh liệt
nhất," lời của đức Bổn Sư còn văng vẳng đâu
đây phải không, thưa quý ACE?

Trân trọng,

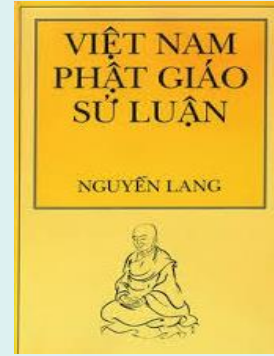
NAL



THIỆN PHÁI TÀO ĐỘNG TỚI VIỆT NAM

(Chương XXIII, VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP II)

Nguyễn Lang



(tiếp theo kỳ trước)

TƯ TƯỞNG THIỀN HỌC CỦA THẠCH LIÊM

Tư tưởng thiền học của Thạch Liêm có thể diễn tả bằng ba công thức thiền tịnh song tu; Nho Phật nhất trí và Lâm Tào tổng hợp.

Thiền Tịnh Song Tu: Thiền tông và Tịnh Độ được phối hợp làm một, và Tịnh Độ trở thành một phương pháp hành thiền giản dị mà đại chúng có thể tu tập được. Phật A Di Đà trở thành tự tính của mọi người, thấy được Phật A Di Đà tức là thấy được tự tính của chính mình. Hối Thạch Liêm dự định về nước, mẹ của chúa Nguyễn Phúc Chu là Tống Thị (93) dọn cơm chay cúng dường, tỏ ý buồn rầu vì sự thầy trò xa cách. Khuyến bà niệm Phật: 'Sự hội họp chia lìa của con người không phải ở nơi hình hài. Nếu quốc mẫu thường xuyên làm việc lành và nhất tâm niệm Phật không chút gián đoạn thì đó là thầy trò được gần gũi mãi mãi. Còn nếu tâm niệm thường theo đuổi việc trần thì dù lão tăng có ở đây hàng ngày đối diện cũng xa cách ngàn dặm, rất cuộc cũng có ích gì.' Quốc mẫu nghe mấy câu trên lấy làm mừng rỡ, cầu xin ông chép lại ý ấy bằng giấy mực mà ngày đêm tuân hành. Sau bữa trai tăng, ông về chùa Thiền Lâm viết một bài kệ ngắn cho bà, tựa đề là: "Nói về Phật A Di Đà của tự tính" (*Tự Tính Di Đà Thuyết*). Bài này có lẽ đã được quốc mẫu giữ gìn thân trọng lắm. Nhưng sau khi bà chết không biết thất lạc về đâu. May nhờ có sách *Hải Ngoại Kỳ Sự* mà ta còn đọc được trọn bài. Giáo lý Tịnh Độ ở đây được diễn tả bằng ngôn ngữ Thiền học: "Vì tôi muốn trở về chùa cũng nên quốc mẫu xin một vài lời lưu lại để trọn đời thọ trì, nguyện đời đời kiếp kiếp thường được thân cận. Cho nên tôi viết những lời sau đây: 'Trong các con đường tắt để tu hành, không con đường nào bằng niệm Phật. Niệm Phật cốt ở chỗ dứt bỏ được duyên lực, chỉ nhớ tới sáu chữ, tâm không tán loạn, niệm phải tinh thành, sáng niệm, chiều niệm, niệm cho đến đến chỗ bất niệm, niệm cho đến chỗ vô niệm, niệm niệm không ngừng, niệm cho thành một khối đạo hợp thể đồng, cùng cao với trời, cùng dày với đất, cùng sáng với nhật nguyệt tinh tú; với sông núi, cây cỏ, nhân, vật, quý

thần, cùng chung kiếp vận họa phúc, sang hèn, nam nữ, xa gần, qua lại, đó ăn một ngủ, hỷ nộ ái lạc... Khi đã cùng vạn vật nhất thể thì nguồn suối Di Đà không còn là của riêng của ai nữa mà sẽ được tự tâm ý bất loạn của tự mình chảy ra. Ai nói Di Đà ở Tây Phương, lão tăng ở Quảng Đông và quốc mẫu ở Đại Việt? Khi nhất niệm đã bất sinh thì chân thể toàn nhiên hiển hiện vậy. Nếu tán loạn một chút thì xa cách Di Đà mười vạn tám ngàn dặm, cách xa lão tăng bốn mươi lăm ngày đường. Điều đó nếu xảy ra là do quốc mẫu ở bên kia đại dương trên bờ Khước Nguyệt, để cho mây lục căn lay động che mờ bản tâm vậy. Căn cứ vào đây mà bàn chuyện hợp tan thì thấy rằng cái thấy cái nghe của ta chỉ là giả hợp vậy. Ví như trước mặt ta đây có vườn rừng, trúc biếc hoa vàng, đó là vì con mắt chạm sắc trần mà có nhận thức vậy. Như gió lay nước chảy dưới hồ sen kia. Ta cho là có gió lay nước chảy, đó là vì lỗ tai chạm thanh trần mà có những thức vậy. Bốn thức khác là tỷ thức, thiết thức, thân thức và ý thức cũng vậy. Điều cốt yếu là thấy sắc không nhiễm, nghe thanh không đắm, hai tướng động và tĩnh dứt bật không sinh (94). Khắp cõi hư không đều là Tịnh độ duy tâm, tận cùng pháp giới đều là Di Đà tự tính. Di Đà đã là tự tính chung thì lão tăng có bao giờ xa [quốc mẫu] đâu? Cho nên biết rằng: khi nhất niệm đã bao trùm thì trong vô lượng kiếp, không có sự tới, đi, cũng không có sự ở lại. Lúc ấy [quốc mẫu] chỉ cần nhớ đến lão tăng thì mười phương hư không tự nhiên đều đáp ứng, đâu cần phải đợi có lão tăng [ngồi trước mắt] để nói đồng dài. Thế giới nhiều như vi trần. Lúc đó không còn cách nhau mảy may nào nữa. Chỉ sợ ta thiếu đức tin thôi. Vì quốc mẫu đã có đức tin này và như kinh *Hoa Nghiêm* nói 'đức tin là nguồn của đạo, là mẹ của các công đức, nuôi dưỡng tất cả các pháp lành.' Cho nên lão tăng tặng cho quốc mẫu pháp danh *Hưng Tín* và viết cho quốc mẫu một bài kệ để chứng thực cho niềm tin ấy.

*Trên có mây bay, dưới có đất
Trong nước Đại Việt có quốc mẫu
Một tiếng gọi một tiếng ứng
Tây thiên Đông độ còn tổ nào
Chẳng thấy Tân quốc phu nhân Bàn Đạo*

Bà

Vỗ tay không dùng đến tay múa?
Chẳng thấy trên lầu Hoàng Hạc tên nghìn

Phật.

Thôi Hạo đề thơ, Trương Chuyết bỏ?
Nếu chẳng như vậy, tam muội người, ta
biết đâu?

Hai chức Trịnh Tử cũng khôn rõ.
Di Đà với ta chẳng đồng thời.
Vậy mà ngồi nằm không xa nhau
Nếu bảo xa nhau mất nhau mẫu
Cây cung vua Sở ai tìm lại?
Câu hỏi nằm nơi câu trả lời
Câu trả lời nằm nơi câu hỏi
Tam thân cùng chung, khách chủ hai
Đi Nam về Bắc cũng là đây
Nếu biết ngày nay là ngày nào
Thì rõ năm sau là năm trước."

Nho Phật nhất trí: Ngay trước giới đàn thiết lập tại chùa Thiền Lâm năm 1695, Thạch Liêm viết hai câu đối sau đây:

"Thích thị trì luật, nho giả lý trung, tổng yếu tu thân thành ý, tự nhiên kính trực hồ nội, nghĩa phương hồ ngoại;

"Quân tử sắc cơ, thiên nhân tập định, đồng quy kiến tính minh tâm, doan do giới thận bất đồ, khùng cụ bất văn"

Dịch:

"Phật gia trì giới, nho giả lý trung, cốt ở thành ý tu thân, tự nhiên ngoài có nghĩa phương, trong có chính trực;

"Quân tử sắc cơ, thiên nhân tập định, đều về minh tâm kiến tính, cũng vì răn nơi chẳng thấy, sợ chỗ chẳng nghe."

Thạch Liêm là người học rộng nghe nhiều, ông có kiến thức vững vàng về Nho học. Ý tưởng Nho Phật nhất trí của ông được thấy rõ ràng trong phần đầu của lá thư "Hộ Pháp Kim thang" mà ông viết tặng chúa Nguyễn Phúc Chu ngày chúa thụ giới Bồ Tát:

"Con đường thế gian và xuất thế gian không có hai nẻo. Bên Nho giáo, Đường Ngu thì nói **trung**, Khổng Tử thì nói **nhất**, sách *Trung dung* thì nói **thành**. Danh từ bất đồng mà cội nguồn là một. **Nhất** là gì? Là **tâm** mà thôi vậy. Được cái **nhất** ấy mà tâm được chính, rồi lấy đó mà tu thân thì thân được tu, lấy đó mà tề gia thì gia được tề, lấy đó mà trị quốc thì quốc được trị. Không những thế mà bất cứ trong công việc nào, từ việc dùng người cho đến việc hành chính, quân sự, hình luật, lễ nhạc... từ việc nhỏ đến việc lớn, không có việc gì mà không hiểu biết một cách minh bạch và không được xử sự một cách thỏa đáng. Trời nhờ **nhất** mà trong, đất nhờ **nhất** mà yên, vua nhờ **nhất** mà thiên hạ thái bình, đó là con đường kia vậy.

Đức Thế Tôn Đại Hùng của chúng ta vì một đại sự mà con người chưa có thể giải quyết được cho nên mới thiết lập giáo pháp đặc biệt của Ngài: đó là phương pháp bỏ hết căn trần, không lập văn tự, chỉ thẳng lòng người, thấy tính thành Phật, lấy tâm in tâm. Cho nên ở Tây

Thiên và Đông Độ có chia ra làm năm tông phái, các thế hệ đã kế tiếp nhau mà ẩn chứng, không ngoài mục đích giải quyết đại sự đó.

Biết rằng tính quy nguyên chỉ là một, nhưng cửa phương tiện có nhiều cách: Đạo của Nho gia kiến lập pháp **hữu vi**, duy trì mà không cần biện luận; đạo của Phật gia gắng bày lý **vô thường**, bản luận mà không cần thành lập. Bởi vậy cho nên bốn mươi chín năm hành đạo, Đức Thế Tôn chưa nói một chữ nào."

Trong bản điều trần Thạch Liêm đưa lên chúa Nguyễn ông đề nghị bốn điều. Điều thứ tư là mở trường để đào tạo nhân tài. Ông đề nghị "dựng nhà quốc học, tôn thờ Khổng Thánh, tàng trữ sách Nho và mời các nhà lý học danh nho ra làm thầy để giảng minh đạo Thánh (95).

Lâm Tào tổng hợp: những đặc tính của thiền phái Tào Động như nguyên tắc Ngũ Vị Quân Thần, Chỉ Quán Đả Tọa, v.v... không thấy nhắc đến trong thiền ngữ và thi văn của Thạch Liêm lại hay nêu ra thoại đầu và công án rất thịnh hành trong phái Lâm Tế. Ví dụ trong "Hộ Pháp Kim Thang Thư" viết cho chúa Nguyễn Phúc Chu, ông đề nghị chúa tham khảo thoại đầu *Ai là chủ nhân của ta* (như hà thị ngã chủ nhân công) như sau:

"Lão tăng không có phương pháp gì xảo diệu, chỉ mời quốc vương tham khảo thoại đầu *Ai làm chủ nhân của ta?* Tham khảo mà đừng mộng tưởng, đừng lấy ý thức mà trắc độ, đừng đem nghĩa lý mà thuyên giải. Cứ đưa thoại đầu không mùi vị không công phu ấy lên đặt trong tâm mình, ngày ba lần, đêm ba lần, miệng lẩm nhẩm, quyết tìm cho ra ý chỉ. Bất luận khi chủ tọa triều chính hay lúc đốt trầm lay Phật, cho đến những lúc uống trà, ăn cơm, khi mừng, khi giận, khi cùng quân thần tiếp kiến, lúc hầu hạ mẫu thân, khi gặp mặt vợ con, lúc đi đứng ngồi nằm, khi gặp cảnh ưa ghét, lúc ngồi nhà một mình... không khoảnh khắc nào được buông lời thoại đầu.... Chớ nói rằng thoại đầu không có ý vị. Chính trong thoại đầu không có ý vị ấy mà có thể tìm ra ý vị tuyệt hảo. Chớ cho thoại đầu ấy là không có công phu: chính nơi chỗ không có công phu kia mà có công phu tuyệt hảo. Tham khảo đi, tham khảo lại, lâu ngày chầy tháng, một buổi kia bỗng rơi âm xuống đất một tiếng, sờ lại thấy lỗ mũi do cha mẹ sinh ra, mới biết từ xưa đến nay nó vẫn trên mặt mình."

Ngoài *Ly Lục Đường Tập* và *Hải Ngoại Kỳ Sự*, Thạch Liêm còn sáng tác *Kim Cương Trực Sở*.

Tư tưởng thiền học của Thạch Liêm không có gì đặc biệt và sâu sắc lắm. So với các thiền sư như Hương Hải, Chân Nguyên, ta thấy kinh nghiệm tu chứng của Thạch Liêm không được vững chãi bằng. Thạch Liêm, trên hết là một nghệ sĩ.

Ông là một nhà thơ và cũng là một nhà họa lớn. Chúa Nguyễn một lần muốn mời ông xem vũ nhạc dân tộc nhưng còn ngần ngại, không biết là có hợp pháp không, bèn hỏi ông,

ông nói: “Âm nhạc cũng là một trong những cúng dường.” Rồi ông vui vẻ tham dự. Ta không ngạc nhiên gì trước thái độ phá chấp đó của một ông thầy tu nghệ sĩ. Suốt trong thời gian lưu lại Đại Việt ông làm rất nhiều thơ. *Hải Ngoại Kỳ Sự* ghi lại trên một trăm bài. Để chấm dứt về ông, có lẽ ta nên đọc một bài thơ của ông. Sau đây là một bài ông viết hồi còn ở chùa Di Đà Hội An, vì mưa bão, chưa trở về Quảng Đông được, nhìn mây nhìn biển nhớ chùa:

*Xuân mới vừa qua đã đến thu
Gió Tây vi vút biển vương sâu
Non muốn dứt tình mây chẳng dứt
Nước non lưu luyến cát không lưu
Năm bệnh đau cần hoa trước mặt
Nhớ ai há thiết nguyệt trên đầu
Dưới sương tiếng hát nào lên vút
Cành xa chim đậu giữa trời sâu.*

(Ký đặc xuân lai hựu tảo thu
Tây phong xuy động hải triều sâu
Thanh sơn dục đoạn vân vô đoạn
Bích thủy thường lưu sa bất lưu
Bệnh khách hà kham hoa chiếu nhãn
Hoài nhân huống phục nguyệt đương đầu
Hoài phân lộ hạ chiêm thanh khởi
Viễn thọ liên thiên độc độc điểu đầu)

HƯNG LONG NGUYỄN PHÚC CHU

Chúa Nguyễn Phúc Chu pháp danh Hưng Long, sinh năm 1675. Lúc còn trẻ, ông là người chăm học, viết chữ rất tốt, có khiếu về văn chương lẫn võ bị. Ông lên ngôi chúa năm mười bảy tuổi, pháp danh Hưng Long là do thiền sư Thạch Liêm đặt cho năm 1695 hồi ông hai mươi một tuổi. Ông thọ Bồ Tát giới cũng vào năm ấy. Thạch Liêm còn đặt cho ông đạo hiệu Thiên Túng Đạo Nhân.

Ông rất mộ đạo Phật. Mới lên ngôi một năm ông đã cho sửa chùa Mỹ Am ở núi Mỹ Am (nay là núi Thúy Vân). Năm 1695, sau khi thiền sư Nguyên Thiều tịch, ông mời thiền sư Thạch Liêm từ Quảng Đông qua để dạy đạo cho quan và dân và cũng để ông quy y thụ giáo. Tín tâm của ông nơi Phật pháp rất sâu. Ông rất khâm phục đạo đức và kiến thức của Thạch Liêm và vì vậy Thạch Liêm đã ảnh hưởng tới ông rất nhiều về quan niệm tu hành. Một bữa nọ thấy Thạch Liêm trì chú mà trời đang mưa nhiều ngày bỗng tạnh, ông liền nài ni học cho được những bài chú. Thạch Liêm nói rằng quan trọng không phải là ở bài chú đó mà là ở người trì chú; người trì chú có thanh tịnh và đức độ thì trì chú mới linh nghiệm. Rồi thay vì truyền cho ông bài chú, Thạch Liêm đưa cho ông một bản điều trần mười tám điểm về việc trị nước theo tinh thần Phật Giáo, ý nói rằng làm đúng được nhiều điều kia thì phong điều vũ thuận, cũng linh nghiệm bằng sự trì chú. Một lần khác ông thỉnh Thạch Liêm và chư tăng chùa Thiên Lâm khai đàn tụng thần chú Đại Bi, và muốn tự mình trai giới thanh tịnh để được

tham dự. “Trai giới” ở đây có nghĩa là không ăn thịt và không gần gũi nữ nhân... Hỏi ý Thạch Liêm nên làm như thế nào thì thiền sư nói rằng sự trai giới của một ông vua không thể giống như người thường dân. Thiền sư nói: “Trai giới không phải chỉ để cho sạch miệng sạch mình và sạch tư tưởng mà thôi đâu. Trai giới là làm cho quốc gia từ trên tới dưới được thanh lý chính tề, không một người nào không ngồi đúng chỗ, không một việc nào chẳng giải quyết thỏa đáng: Làm cho được như thế mới là sự trai giới viên mãn của một ông vua.” Rồi Thạch Liêm đề nghị ông trai giới bằng cách: trả tự do cho những người bị giam cầm oan ức, phóng thích bớt những tù nhân trong ngục thất, chẩn cấp cho kẻ nghèo đói, tháo gỡ cho những người bị đè nén ép uống, bãi bỏ bớt những luật lệ quá nghiêm khắc, để dãi cho người buồn thúng bán bưng và cho thợ thuyền. Có lẽ đây là công trình giáo hóa to lớn nhất của vị trú trì chùa Trường Thọ, bởi vì chúa Nguyễn Phúc Chu đã nghe lời ông. Có một lần Thạch Liêm nghe nói đến một lỗi hình phạt được sử dụng tại Đàng Trong gọi là **tượng hình**: bắt tù trọng phạm giao cho voi quật. Voi nhồi phạm nhân lên cao mấy trượng, rồi lấy ngà xốc đỡ, ngà voi thủng gan ruột, phạm nhân chết liền. Ông bèn khuyên chúa Nguyễn bỏ hình phạt ấy. Chúa Nguyễn nghe lời.

Nguyễn Phúc Chu cũng nghe lời Thạch Liêm viết biểu cầu phong và nhờ một vị giám sinh là Hoàng Thần và một vị tăng là Hưng Triệt đem dâng vua Khang Hy. Hai người này đều là người Quảng Đông, Hưng Triệt là đệ tử của Thạch Liêm (96). Việc này xảy ra năm 1702, Vua Khang Hy từ khước.

Theo lời khuyên của Thạch Liêm, chúa Nguyễn Phúc Chu để ý nâng đỡ cao tăng ở các tỉnh và ban biển ngạch sắc tứ cùng câu đối cho rất nhiều chùa. Những biển ngạch này thường được ký “Thiên Túng Đạo Nhân.”

Năm 1710, ông cho đúc chuông chùa Linh Mục. Chuông nặng 3.285 cân. Trên chuông có khắc những dòng sau đây:

“Quốc chúa Đại Việt Nguyễn Phúc Chu, nối dòng Tào Động Chánh Tông đời thứ ba mươi, pháp danh Hưng Long, đúc hồng chung này nặng 3.285 cân, an trí ở chùa Thiên Mục Thiền Tự để vĩnh viễn cung phụng Tam Bảo. Cầu nguyện gió hòa mưa thuận quốc thái dân an, chúng sinh trong páp giới đều hoàn thành đại viên chủng trí. Năm Vĩnh Thịnh thứ sáu, ngày Phật đản tháng tư Canh Dần.”

Năm 1714, ông trùng tu chùa Thiên Mục. Chương cơ Tổng Đức Đại được ủy thác việc trùng tu lớn lao này. Công việc xong xuôi, chúa mở đại hội, ở lại chùa một tháng ăn chay, phát chẩn tiền và gạo cho người nghèo. Phiên Vương Chiêm Thành là Kế Bà Tử cùng hoàng gia và triều thần cũng có qua dự hội. Một bộ *Đại Tang Kinh* được thỉnh về từ Trung Hoa và cất giữ ở Tầng Kinh Lâu. Một bia đá được dựng lên. Bia đề năm Ất mùi (1715), có nói về sự tích Thạch

Liêm và có khắc bài minh sau đây của Nguyễn Phúc Chu:

*Đất Việt phương Nam chừ, có nước có non
Bảo sát trắng lệ chừ, mặt trời chiếu rạng
Tự tình thanh tịnh chừ, suối tuôn một*

ngọt

*Quốc gia an ổn chừ, Nho Thích cùng ban
Ghi cảnh đẹp này chừ, nhân quả tuần*

hoàn

Dựng bia lưu dấu chừ, chính giữ tà an.

(Việt chi Nam hễ trú thủy trú sơn
Bát sát chi trắng hễ nhật chiếu thiền quan
Tĩnh chi thanh tịnh hễ khô hướng sẵn sẵn
Quốc chi điện an hễ tứ canh u nhân
Vô vi chi hóa hễ Nho Thích đồng ban
Ký tư thẳng khái hễ nhân quả bồi hoàn
Kiến tiêu lập đích hễ thành tôn tà nhân)
Ông mất năm 1725, thọ năm mươi một tuổi, ngôi ngôi chúa được 34 năm.

THIÊN DƯƠNG HẦU

Ông là anh thứ ba của chú Nguyễn Phúc Chu, chưa biết tên và pháp danh là gì. Theo Thạch Liêm thì ông là một người "Cao hành độc hưởng," không uốn mình theo lưu tục, vì tính nết khảng khái hay nói thẳng cho nên ông đã nhiều phen phong ba. Nhờ chúa Nguyễn hiểu biết tạ thứ nên mới khỏi tội bất kính. Tuy vậy ông vẫn không bỏ tiết tháo của mình. Nhà cửa nghèo nàn, chỉ có mấy gian lều cỏ dựa mé bờ sông. Cả ngày chỉ trồng cây tía càn, quét lá nấu trà, không có vẻ vương hầu quý phái gì cả. Tuy vậy ông đối với người rất chân thật, giao tiếp rất khiêm hòa mà trong bụng biết rõ người trong kẻ đục. Ông thụ bồ tát giới tại giới đàn Thiên Lâm chiều mồng tám tháng Tư năm 1695. Từ đó thường lui tới hỏi đạo Thạch Liêm. Thạch Liêm rất mến ông, có cho ông một đoàn văn và một bài kệ là nói người tu đạo phải đứng mãnh tinh tấn tìm về phía trước, đừng nghĩ tới chuyện đi lui về những con đường quen thuộc, cũng như Hàn Tín đánh Triệu, xây lưng về bờ sông mà giàn trận, chỉ một thắng một chết chứ không có nẻo thối lui. Bài kệ như sau:

*Nhật Nam tháng Năm mùa nóng nực
Ao nhà đạo hữu nở sen xanh
Thân tuy ngọc điệp dòng thanh quý
Tâm đã thiên môn nếp sống lành
Tám mặt uy phong dân tướng ý
Một khe nước biết đãi nhân tình
Nhàn không hát khúc Thương Lang ỹ
Trân trọng muôn đời cách diệu thanh.*

(Ngũ nguyệt Nhật Nam chân hòa lý
Thanh liên hướng những xuất Chu Minh
Phổ liên ngọc điệp triều trung quý
Tâm hướng vân lâm giáo ngoại thanh
Bát diện uy phong danh tướng ý
Nhất khe bích thủy đạo nhân tình
Đẳng nhàn bất xứng Thương Lang khúc
Trân trọng yên ba biệt diệu thanh).



THIÊN SƯ THẠCH LIÊM (1633—1704)

(93) Con gái quan thiếu phó Tổng Phúc Vinh. Bà mất năm 1696 trước khi về nước mấy tháng, thọ bốn mươi bốn tuổi, được truy tôn là Quốc Thái Phu Nhân.

(94) "Động tĩnh nhị tướng liễu nhiên bất sinh" chữ trong kinh *Lãng Nghiêm* được Bồ Tát Quán Thế Âm dùng để diễn tả quá trình quan sát âm thanh để chứng ngộ của ông.

(95) Bản điều trần này sau đó được ông soạn thảo lại thành một bản khác gồm có 18 điều. Số là chúa Nguyễn Phúc Chu một hôm muốn học phép trì chú cầu mưa và tạnh; thay vì dạy những bài chú này, Thạch Liêm "Đem những việc chính trị bàn luận mấy ngày hôm trước, chép lại từng điều làm thành một bản "Lập Quốc Chính Ước" gồm có 18 điểm, đều là những việc thương lính, yêu dân, lợi nước, kỷ cương, pháp độ, chép từng điểm rõ ràng." Chúa đọc xong rất mừng, đem 18 điều này khắc bản yết lên cửa phủ để hiểu dụ văn võ quan dân.

(96) Hồi Thạch Liêm về nước, ông có để lại hai người đệ tử: Khánh Ngu và Thiên Vũ. Hưng Triệt chắc là pháp danh của một trong hai người này. Khánh Ngu làm hậu đường chùa Trường Thọ, còn Thiên Vũ làm tri khách.

NGHĨ VỀ ÁN TỬ HÌNH

Nguyễn Giác

Người con Phật nghĩ gì về án tử hình?

Đứng về phương diện cá nhân, rất minh bạch rằng không Phật tử nào ủng hộ án tử hình. Đứng về phương diện quốc gia, thực tế là rất nhiều quốc gia -- nơi Phật giáo gần như quốc giáo, như Thái Lan, Miến Điện, Sri Lanka... -- vẫn duy trì và thực hiện án tử hình.

Tại Thái Lan, án tử hình dùng để trừng phạt cho 35 tội hình sự, trong đó có tội sát nhân và buôn ma túy. Miến Điện cũng thế. Điểm hay là ở chỗ, hai quốc gia này tuyên án tử hình, nhưng rất ít khi thi hành án tử.

Các quốc gia có đông dân số Phật tử — như Trung Quốc, Việt Nam, Nhật Bản, Singapore, Đài Loan... — vẫn áp dụng án tử hình, và thường xuyên thi hành án tử.

Về phía kinh điển, lời dạy rất minh bạch. Kinh Pháp Cú, bản dịch của Hòa Thượng Thích Minh Châu viết:

*129. Mọi người sợ hình phạt,
Mọi người sợ tử vong.*

*Lấy mình làm ví dụ
Không giết, không bảo giết.*

*130. Mọi người sợ hình phạt,
Mọi người thương sống còn;*

*Lấy mình làm ví dụ,
Không giết, không bảo giết.*

Trong Kinh Trung Bộ 21 -- Kinh Ví dụ cái cửa, Đức Phật nói cụ thể rằng cho dù có bị một bọn cướp cửa tay, rồi cửa chân thì mình cũng đừng bao giờ khởi tâm căm giận, phải luôn luôn mở tâm từ bi hướng về những tên cướp đó. Bản dịch của Hòa Thượng Thích Minh Châu trích như sau:

"...Chư Tỷ-kheo, như những kẻ đạo tặc hạ liệt, dùng cửa hai lối mà cửa tay, cửa chân; dầu vậy, nếu một ai ở đây khởi ý nhiễu loạn, người ấy do vậy không phải là người thực hành giáo pháp của Ta. Ở đây, chư Tỷ-kheo các Ông phải học tập như sau: "Chúng ta sẽ giữ tâm của chúng ta không biến nhiễm; chúng ta sẽ không thốt ra những lời ác ngữ; chúng ta sẽ sống với lòng lân mẫn, với tâm từ bi, với nội tâm không sân hận. Chúng ta sẽ sống bao phủ người này với tâm câu hữu với từ. Và với người này là đối tượng, ta sống biến mẫn cùng khắp thế giới với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân". Chư Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập như vậy."

Khó, rất khó vậy. Đó là phương diện tu học. Về phương diện trị nước, là khác. Vì khi quốc biến, người Phật tử phải ra trận, bắt đ

đĩ phải phạm nghiệp sát, đó là lúc cần khởi Bồ đề tâm để không lạc tâm vào bất kỳ những niệm dữ nào.

Nhưng, câu hỏi là, án tử hình có hiệu lực trị an, có thể giúp xóa các tội về ma túy, sát nhân, cướp bóc hay không? Đây là cuộc tranh cãi lớn của nhiều thập niên vừa qua. Tất cả các quốc gia đang duy trì án tử hình đều xem đó là giải pháp ngăn cản tội ác hữu hiệu nhất.

Mạng Wikipedia ghi nhận rằng Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc đã thông qua, trong năm 2007, 2008, 2010, 2012 và năm 2014, các nghị quyết không ràng buộc kêu gọi đình chỉ tử hình toàn cầu, nhằm cuối cùng bãi bỏ. Tại các quốc gia thành viên Liên Âu, theo Hiệp ước Lisbon, Điều 2 của Hiến chương các Quyền Căn bản của Liên minh châu Âu cấm hình phạt tử hình. Ngoài ra, hội đồng châu Âu, mà có 47 quốc gia thành viên, cấm các quốc gia thành viên áp dụng luật tử hình. Ngược lại, nhiều quốc gia như Trung Quốc, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Singapore... vẫn sẽ duy trì án tử hình với mục đích tạo hình phạt đủ sức răn đe với các loại tội phạm nghiêm trọng, nhằm đảm bảo an ninh chung cho xã hội. Hơn 65% dân số thế giới sống tại các quốc gia nơi có án tử hình, và bốn quốc gia đông dân nhất thế giới (Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Ấn Độ, Hoa Kỳ và Indonesia) vẫn đang áp dụng hình phạt tử hình và dường như sẽ không xoá bỏ nó trong một tương lai gần.

Tính đến cuối năm 2015, trên thế giới 65 quốc gia vẫn còn luật tử hình, 103 quốc gia đã hoàn toàn bãi bỏ luật này, 6 nước bãi bỏ cho những tội thông thường (chỉ tuyên tử hình với những tội đặc biệt như tội ác chiến tranh), và 30 bãi bỏ trên thực tế.

Có nhiều quốc gia giữ kín các thống kê về án tử hình.

Trong một thống kê về năm 2017, cho thấy Trung Quốc là nơi ra nhiều án tử hình nhất, và thực thi nhiều án này nhất thế giới. Rồi tới các quốc gia Hồi giáo.

Nếu nói rằng quốc gia đông dân, tất có nhiều án tử hình, điều này chỉ đúng với Trung Quốc, Pakistan... Riêng Ấn Độ (dân số: 1.32 tỷ dân trong năm 2016) rất ít dùng án tử hình; kể từ năm 1995 tới giờ, Ấn Độ chỉ thực thi 5 án tử hình.

Bhutan và Nepal là các quốc gia tử bi, đã chính thức hủy án tử hình từ lâu.

Khi nhìn về Khối ASEAN, chỉ duy nhất Cam Bốt là quốc gia duy nhất chính thức xóa bỏ án

tử hình trong bộ hình luật. Nước Lào chưa chính thức xóa bỏ án tử, nhưng dường như không thi hành án tử nào.

Trong khi đó, Trung Quốc kêu án tử hình hơn 1,000s trường hợp và thực thi án tử hơn 1,000s trong năm 2017.

Nếu tính các án tử hình thực thi trong năm 2017, nhóm 10 quốc gia thi hành án tử nhiều nhất là (dấu + là 'nhiều hơn'):

1. Trung Quốc (1,000s, hiểu là hơn cả ngàn trường hợp thi hành án tử);
2. Iran (507+);
3. Saudi Arabia (146+);
4. Iraq (125+);
5. Pakistan (60+);
6. Egypt (35+);
7. Somalia (24);
8. Hoa Kỳ (23).

Nếu chỉ tính bản án tử hình nhiều nhất do tòa đưa ra, không đếm việc thi hành án, trong năm 2017, sẽ thấy nhiều nhất là nhóm 6 quốc gia này:

1. Trung Quốc (1,000s);
2. Nigeria (641);
3. Egypt (402+);
4. Bangladesh (273+);
5. Sri Lanka (218);
6. Pakistan (200+).

Điều ngạc nhiên nhìn thấy, nơi Phật giáo gần như quốc giáo là Sri Lanka, nơi dân số chỉ khoảng 22.1 triệu người, lại kêu án tử hình nhiều thứ 5 thế giới, nhiều hơn cả Pakistan, nơi có 193.2 triệu dân. Nhưng con số án tử hình cho công dân Sri Lanka thực ra rất phức tạp.

Theo một phân tích, trung bình mỗi năm có ít nhất 150 công dân Sri Lanka, hầu hết là phụ nữ, bị xử tử hình. Họ là các phụ nữ xuất khẩu lao động sang Trung Đông (đa số là các nước Hồi giáo) làm tớ gái, bị các tòa kết án vì nhiều lý do, và rồi nằm trong quan tài hồi hương.

Thêm nữa, quốc gia Sri Lanka, sau khi cuộc nội chiến kết thúc năm 2009, trở thành một trung tâm ma túy thế giới. Điều này giải thích cho thấy vì sao Sri Lanka, nơi có nhiều thánh địa Phật giáo này, cũng có nhiều án tử hình. Có hẳn đề được hay không cũng là chuyện để tranh cãi.

Điểm để suy nghĩ: nhiều án tử hình được minh oan. Nghĩa là, đã có nhiều người chết oan.

Như tại Hoa Kỳ, một thống kê cho thấy kể từ năm 1973 tới giờ, đã có 153 tử tội được minh oan để xóa án; may mắn, còn có hệ thống tư pháp xét đi, xét lại kỹ như thế. Một phần nữa, vì án tử hình tại Hoa Kỳ để nhiều năm sau mới thi hành án, và các luật sư biết cách kéo dài thủ tục kháng án để đi tìm thêm chứng cứ mới, nhằm cho thấy hoặc lời khai nhân chứng khó tin, hoặc chứng cứ ngoại phạm khả tín, hoặc cảnh sát làm sai thủ tục tố tụng...

Riêng trường hợp Việt Nam, một hồ sơ rất xúc động đang được chú ý: anh Đặng Văn Hiến bị kêu án tử hình và gia đình đang gửi đơn xin

TU TÂM

(Thuận-Nghịch đọc)



Độc Xuôi:

*Tu tâm hiển hiện, ánh vàng sen,
Chương nghiệp lìa xa, lặng đảo điên.
Mù khờ, hận tiêu, tâm định tĩnh,
Đục trừ, sân hết, ý an yên.
Nhu nhu hợp, trí soi, xua ão,
Loạn loạn tan, tâm tỏ, giải phiền.
Thù oán đoạn, huân xông định tuệ,
U đồ sạch, nguyện hướng đường tiên.*

Độc Ngược:

*Tiên đường hướng nguyện, sạch đồ u,
Tuệ định xông huân, đoạn oán thù.
Phiền giải, tỏ tâm, tan loạn loạn,
Ñã xua, soi trí, hợp nhu nhu.
Yên an ý, hết sân, trừ đục,
Tĩnh định tâm, tiêu hận, khứ mù.
Điên đảo lặng, xa lìa nghiệp chương
Sen vàng ánh hiện, hiển tâm tu.*

thơ

CHỨC HIỀN (cảm đề)

California, 19-07-2018

cứu xét, xin giảm án...

Báo Người Lao Động ngày 17/07/2018 viết:

"Vừa đọc xong bản tin trên Báo Người Lao Động về việc Chủ tịch nước chỉ đạo kiểm tra việc điều tra, truy tố, xét xử vụ án của chồng, bà Mai Thị Khuyên (vợ tử tù Đặng Văn Hiến) bật khóc và nói lời cảm ơn Chủ tịch nước.

Bà Khuyên cho biết mấy ngày qua bà đã tới nhiều cơ quan Trung ương gửi đơn xin cứu xét, giảm án tử hình cho chồng..." (ngưng trích)

Chủ tịch nước Trần Đại Quang sẽ ân xá anh Đặng Văn Hiến hay không, trong khi nhiều ngàn trí thức và các nhà vận động nhân quyền đã kêu gọi ân xá cho anh? Chúng ta không đoán được diễn tiến tương lai. Cũng không thể đoán được phản ứng của ông Chủ tịch họ Trần, người dường như trong gia tộc có nhiều thân nhân là tăng hay ni, nghĩa là những vị chủ trương hiểu sinh.

Bài viết này chỉ xin góp thêm một lời để xin tha mạng anh Đặng Văn Hiến, vì anh chỉ là nạn nhân trong một guồng máy xã hội vận hành bất toàn như thế.

Lối cũ ân tình xưa

TUỆ NHƯ

"Một hôm, Tôn giả Xá Lợi Phất đi tri bình khất thực trong thành Vương Xá, khi ngang qua một khu vườn, trong vườn có người Bà La Môn làm vườn, tuy nghèo khổ và tuổi đã cao, nhưng phải đối lấy sức già để được có chút vật thực nuôi thân qua ngày, ông thấy Tôn giả ôm bát đi ngoài ranh vườn, liền đến thăm hỏi thân thiện, sau đó để vào bát một muống thực phẩm mà ông có được phần thọ dụng trong ngày. Tôn giả chứng minh và chú nguyện phước lành cho ông. Và rồi cũng từ đó thời gian đã biến biệt giữa Tôn giả và ông lão Bà la môn làm vườn.

Một ngày đẹp trời, ông Bà la môn ấy đến gặp Đức Phật tại Tinh xá Kỳ Viên (thành Xá Vệ) và xin Phật được xuất gia, Phật quán xét thấy ông ta có thể đắc quả Thánh, nên mới hỏi trong đại chúng có ai đã chịu ơn với người Bà la môn này lần nào không? Khi ấy, Tôn giả Xá Lợi Phất đứng trước Đức Phật và đại chúng mà thưa rằng: Có lần con khất thực trong thành Vương Xá, người Bà la môn kia để để vào bát của con một muống thực phẩm mà ông đã xin được! Lúc ấy, Phật liền dạy: Vậy ông hãy tiếp độ người Bà la môn này và được làm phép xuất gia. Thời gian không bao lâu được sự hướng dẫn của Tôn giả, người Bà la môn ấy được đắc quả A La Hán trong giáo pháp giải thoát của Phật."

Từ câu chuyện được kể trên, chúng tôi muốn nói đến một việc trong những sự việc, dù đã hay đang xảy ra trong bối cảnh đất nước còn chiến tranh hay ngay bây giờ. Chuyện được kể rằng: Ở thời điểm trước đây, khi chiến tranh còn leo thang và ác liệt, sống trong nỗi lo âu, sợ hãi ở

một vùng miền quê xa xôi, việc cơm áo dù có khó khăn, nhưng sự sống chết, ly tán, đau thương mất mát đưa đến bất ngờ đầy nghiệt ngã. Nơi ấy có một người mẹ bị bom đạn cướp đi mạng sống, cha thì phải bôn ba xứ người để tìm áo cơm, còn bé trai mới lên 6-7 tuổi, phải nhờ đến các Cô nuôi dưỡng lo cho cái ăn, cái mặc rồi đến trường để tìm kiếm con chữ cho mai sau.

Cơm áo, tiền nong cũng không phải dễ dàng có được trong thời buổi xã hội lắm nhiễu nhưng này, và lại có được đồng tiền chân chính lại càng khó hơn. Với một ổ bánh, một lọ nhang thơm, đội nắng đội mưa ngày ngày hai buổi kiếm sống, tháng năm mòn mỏi lê kiếp thân nghèo, áo vai bạc màu sương gió, ánh mắt hoen bao lớp bụi phong trần, lo cho bản thân và cháu, chỉ ước mơ cho cháu sau này nên thân, nên phận với đời và biết cảm thông sâu xa cho những ai một đời cũng sớm mất mẹ và hiểu mà biết nhớ ơn có những ai đó đã trở lại lo cho mình và vì mình.

Thời gian lặng trôi qua bao khúc quanh, bao bước ngoặt của dòng chảy cuộc đời, buồn vui, thăng trầm, thịnh suy, vinh nhục, đói no, tủi cực bao độ của thể nhân, ngược xuôi giữa cuộc sinh tồn tạm bợ, say khướt theo ào huyền mộng thực.

Rồi thời gian chóng đi qua, người cháu, người học trò xưa giờ đã thành danh thành phận, ôm lấy những mảnh giấy học vị (văn bằng) mà nơi ấy đã hóa thân từng con chữ, từng lời, từng câu, từng nhịp thở của buổi phổi, từng ý niệm của khối óc con tim của Thầy-Cô. Nhưng nào phải bao nhiêu việc đó

thôi đâu! Khi có được mảnh giấy danh phận ấy, để rồi được bao nhiêu danh xưng, lợi dưỡng trong cuộc phù sinh mỏng manh tạm bợ, thỏa mãn với bao ước vọng khoái lạc của trần tục tầm thường, thoáng chốc rồi cũng thành sương khói, rồi còn gì cho ta, cho người!

Có biết đâu rằng: Những nỗi vui buồn lẫn vào tháng năm cơ cực, lắm nỗi lo toan cơm áo sớm chiều, một nắng hai sương gót lê kiếp nghèo tất bật, chiết từng ước mơ thuở ấy, đã thấm mặn bao giọt lệ tinh khôi khi còn cái thuở quê nghèo lưng trần chân đất bạc phếch áo vai gầy, v.v... Để cho có được ngày mai, cái ngày mai đã thấm đẫm tất cả... vào mảnh bằng mà người cháu, người thanh niên này nay có được.

Rồi một sớm trở lại quê hương, cái cảnh lên xe, xuống xe, kẻ đón người đưa, trông ra bây giờ không còn như thuở hàn vi như xưa kia nữa, từ cái đi, đứng, ngồi, nay đã chuyển sang dáng màu danh phận, đến cái ăn mặc, nói năng cũng khéo vẽ nên hình địa vị... Ngay cả những người mà trước đây mình đã thọ ơn bởi chuyện áo cơm, v.v... Làm cho chúng ta nhớ lại thi sĩ Nguyễn Bính đã ưu tư:

"Hôm qua em đi tỉnh về
Hương đồng gió nội bay đi
ít nhiều..." (Chân Quê)

Cái cảnh tha hóa đổi thay vốn không có gì đáng trách trong thói đời thường tình. Nếu có chẳng, bởi sự cảm thụ tri kiến lại rớt nhằm vào tờ lá sen mà nơi ấy không có sự thấm đẫm và giữ lại, càng thêm nhớ xa hơn nữa từ lời của một đại sư Tịch Thiên (Shantideva) đã khuyên nhắc và giúp chúng ta làm để có được những điều lợi lạc: "Hãy khởi tâm hành thiện, hoặc khởi tâm đối trị (bất thiện) như cúng thí vào 3 ruộng phước là: Kinh Điền (Tam Bảo), Ân Điền (Cha Mẹ) và Bi Điền (Mọi người nhất là những người nghèo khổ) thì sẽ được phước lớn" (Nhập Bồ Tát Hạnh, V.81).

Điều muốn nói ở đây,



không nhất thiết phải đề cập đến Tam Bảo, trọng tâm thứ nhất ở chỗ xác định một tính cách “nhân bản” của con người, tính nhân bản ấy đã được thiết lập trên hai nền tảng cơ bản đó là; Sự nhớ ơn và đền ơn cha mẹ, thứ nữa đến những người nặng nghĩa, nặng tình, ngày tháng cứ mang về mình, nói lên tình người trong cái nhìn có sự hiểu biết, yêu thương và cảm thông cùng kiếp sống như ta, và nhất là những người có đời sống bất hạnh hơn ta.

Có được nền tảng cơ bản ấy chính là một nhân cách sống lành mạnh trong sáng, như thế, ta đối với Tam Bảo mới có thể nói lên sự cung kính toàn mãn, bởi vì có biết ơn và đền ơn cha mẹ, có lòng thương tưởng đến mọi người và rộng hơn là mọi loài, thì chính ở đây đã có âm hưởng sâu sắc đến sự nương tựa và kính trọng Tam Bảo. Vì rằng; Tam Bảo là điểm nương tựa, trở về, là mục tiêu phục vụ đem lại sự an lạc hạnh phúc lâu dài cho chư thiên, chúng sanh và loài người.

Trong một lời dạy khác của Đức Phật như sau:

"Này các Tỳ kheo, thế nào là địa vị không phải chân nhân? người không phải chân nhân, này các Tỳ kheo, không biết ơn, không nhớ ơn. Đối với những người độc ác, đây là đặc tánh của họ được biết đến, này các Tỳ kheo, tức là không biết ơn, không nhớ ơn. Đây hoàn toàn là địa vị không phải chân nhân... Còn bậc chân nhân, này các Tỳ kheo, là biết

ơn, là nhớ ơn. Đối với những thiện nhân, đây là đặc tánh của họ được biết đến, này các Tỳ kheo, tức là biết ơn và nhớ ơn..." (Kinh Tăng Chi, IV, 118 -119).

Ngang qua lời dạy trên, chúng ta thấy Đức Phật đã khẳng định qua hai tính cách hay một lời xác chứng về đặc tánh của các bậc thiện nhân cũng như những ai được coi là phi chân nhân. Sự kích hoạt chất liệu ấy phải được nói lên bằng cử chỉ, hành động việc làm, ý tưởng như thế nào của con người đó. Như vậy, nhớ ơn, biết ơn, và đền ơn, là một ký hiệu đặc tánh của các bậc thiện nhân hay chân nhân và trái lại, không biết ơn, không nhớ ơn cũng là một ký hiệu đặc tánh cho những ai được xem là phi chân nhân.

Sống giữa đời thường, cho dù một tổ chức, đoàn thể, đảng phái chính trị, tín ngưỡng, tôn giáo, v.v... Thì tính cách nhân bản phải được nói đến như là một nếp sống y cứ chuẩn mực giá trị tiêu biểu đặc thù từ nơi tính thể con người.

Nếu tự thân chỉ biết lợi dưỡng để thỏa mãn những ước vọng thèm khát thường tình, lấy địa vị danh xưng hay chút khả năng mọn có được để làm mục đích trú ẩn và tự mãn, xem đây là nguyên nhân nảy mầm những bất thiện, và có khả năng đưa đến nguy cơ bất ổn, mất thăng bằng trong xã hội. Những ơn nghĩa đạo đức, và giáo dục được thực thi vào cuộc sống, nghiêm nhiên,

như là một sức mạnh tất yếu và thực sự được tôn vinh từ mỗi con người, thì giai cấp, địa vị, chức danh sẽ trở thành một bổn phận đúng nghĩa, có tư duy chân chính trong mọi hành xử và phục vụ, còn nếu như ân nghĩa, đạo đức, nhân tính và sự tôn vinh không đúng “như pháp”, không chiết xuất từ tâm lực, niệmlực của bậc Thánh, bậc chân nhân, thì nó sẽ biến thành những độc tố nguy hại tàn phá vào tận gốc rễ của cây đời.

Tóm lại, tánh cách của người biết ơn, nhớ ơn hay vong bản vô ơn, cả hai đều tồn tại trong đời, nhưng điều gì tồn tại mà được ca ngợi, tán thán của người có trí, thì chính đó là “lối cây.” Những gì tự thân đã thọ nhận dù trước đây hay bây giờ để tiếp sức cho máu tim, những con chữ làm nên hiểu biết, không chỉ về pháp thượng nhân để tự điều phục chính mình mà còn phải hiểu biết sâu xa tận cùng vào trong từng mảnh đời giữa cuộc sinh tồn nhân thế, có gần gũi để thương yêu giúp đỡ, để lắng nghe, cảm thông và chia sẻ bao tâm tình, xem như là một nghĩa cử tri ân, nhớ ân mà câu chuyện về Ngài Tôn giả Xá Lợi Phật đã được nói đến, nhớ và biết mình có thọ nhận một muổng thực phẩm trước đây từ nơi vị Bồ La Môn già xưa, mà mọi việc đã trở thành đạo nghĩa cho ngàn đời.

Trái lại, với thái độ từ người thanh niên có mảnh văn bằng đã được đề cập ở trên, đủ để cho chúng ta tự thẩm xét lại chính mình. Ngày nay, chúng ta cũng không ít ưu tư về tinh thần ấy, dù cổ xưa nhưng vẫn đẹp bền, còn để lạc mất đi hay quên lãng bao chất liệu ấy thì khác nào như bị những loài cỏ hoang dại khóa đầy trên những lối mòn xưa cũ..

Để kết thúc, chúng ta cùng đọc lại lời Phật dạy:

*"Người trị thủy dẫn nước
Kẻ làm tên, nắn tên
Người thợ mộc uốn gỗ
Bậc trí nhiếp tự thân"
(PC. 80)*

Về đâu khi giông bão?

THÍCH NỮ HUỆ TRÂN

Có ai còn thực sự đứng giữa trời giông bão mà lâm thâm tự hỏi câu này không?

Chắc chắn là không rồi.

Mưa, mà đang ở ngoài sân thì sẽ chạy ngay vào nhà, đang ở ngoài đường thì tìm ngay mái hiên, hàng quán nào mà núp.

Bão, thì dời ngay tới nơi khác, an toàn.

Với giông bão bên ngoài, không cần phải suy nghĩ, chắc ai cũng nhanh nhẹn, cũng thông minh mà hành động như thế. Nhưng lạ thay, với những cơn bão trong tâm, sao chúng ta lại thường làm ngược lại? nghĩa là, thay vì núp mưa, tránh bão thì lại lao thẳng vào mưa bão cho thân thể tả tơi, bầm dập?

Trong sinh hoạt đời thường, những bất toại ý, những bất đồng, ganh ghét, tỵ hiềm thường đưa tới lòng ngữ; và khi đã mất tự chủ, mất ái ngữ thì cơn cuồng nộ dễ dàng bật lên như giông bão. Rồi khi cơn bão bùng lên, chúng ta thường lao vào bão qua

những ngọn gió đen của bất đồng, ganh ghét, tỵ hiềm đó. Ta cứ điên cuồng xoáy vào những lời, những việc mà kẻ kia đã làm ta đau khổ, buồn giận. Ta cứ găm thét với chính ta "Sao lại đối với tôi như thế? Sao lại nói với tôi như thế? Sao lại phi báng, khinh khi tôi như thế? Sao lại... Sao lại..."

Thái độ đó chính là bão vừa nổi, ta lập tức lao ngay vào trung tâm cơn bão!

Làm sao mà ta chẳng bị nhận chìm, chẳng tả tơi, bầm dập!?

Sao ta không tìm nơi trú ẩn cơn bão tâm như vẫn thường nhanh nhẹn và thông minh trốn cơn giông bão của trời đất?

"Về đâu, khi giông bão?" chính là câu hỏi cho cơn bão tâm, âm thầm mà cực kỳ dữ dội!

Kinh nghiệm, sách vở cũng như lời giảng dạy của minh-sư, của thiện-tri-thức vẫn nhắc nhở, nhưng có lẽ chúng ta chưa thực tập đủ

nên khi hữu sự thì cái tâm sân hận lại kéo ta vào ngay cơn bão đang sẵn sàng cuồng nộ, tuy chúng ta đều đã biết, đáng lẽ phải lập tức quay về với hơi thở chánh niệm.

Thở vào, ta biết ta đang thở vào. Thở ra, ta biết ta đang thở ra. Hãy theo dõi bước đi của hơi thở vào, hơi thở ra, qua sự phùng xẹp của bụng, như theo dõi con ếch bên bờ giếng. Ta "nhìn" được hơi thở của con ếch mà ít khi chịu nhìn hơi thở của chính ta! Chỉ hụt mất một vài hơi, liệu ta có còn đó để mà giận, mà hờn hay không?

Hơi thở quan trọng như thế nên các bậc thầy thường dùng nó để dẫn dắt chúng ta trở về chánh niệm.

Đức Từ Phụ Thích Ca Mâu Ni đã biết, chúng sinh trong cõi ta-bà này vô minh và ương ngạnh lắm! Hoặc không biết cách tránh, hoặc biết mà không tin, cho rằng chỉ làm cho thỏa lòng là đúng nhất. Chính vì thế mà phương pháp tìm nơi trú ẩn khi bão tới, rất đơn giản, nhưng chốn ta-bà càng lúc càng tới tả cuồng phong!

Riêng kẻ sơ cơ như tôi, ngoài hơi thở, còn bổ túc thêm một năng lực có dũng khí đóng tất cả cửa ngõ lục căn khi giông bão ập tới. Đó là, lập tức niệm 4 tiếng "A Di Đà Phật."



"Về đâu, khi giông bão?"

Chưa cần biết phải trái, đúng sai gì, khi thấy cơn buồn giận nổi lên, hãy đóng ngay lục căn bằng tiếng niệm "**A Di Đà Phật.**"

Tất nhiên, trong khi niệm, ta vẫn đang thở, nhưng tiếng niệm Phật trong lúc cấp bách đó có sức mạnh vũ bão của thanh gươm bén lóe lên, mới kịp chặn đứng giông bão.

Khi lục căn đã đóng, gió mưa không thổi tạt được vào nhà, trong khi tiếng niệm Phật vẫn âm vang, có nghĩa là ta đã vào trú được nơi an toàn. Tiếp tục niệm Phật để mưa tạnh, gió yên, về với hơi thở đã điều hòa, lúc đó bình tâm quán chiếu và phán đoán những gì làm ta buồn, ta giận, cũng chưa muộn.

Mà lúc đó có thể phải trái, đúng sai, không còn quan trọng nữa, vì tiếng niệm Phật đang tưới mát tâm ta, hương sen đang ngào ngào hỗ-tâm, không thọ nhận và tận hưởng mà còn bôn ba đi tìm gì nữa!

Tới đây, ta đã làm chủ được ta, ta đã đẩy xa cơn bão, ta phải biết mỉm cười vì cơn bão hung hãn kia đã không quật ngã được ta. Phải biết mỉm cười với mình trong ý nghĩ "*Cơn bão nào rồi cũng qua!*"

Với ý nghĩ đó, mọi thị phi, phải trái, hơn thua, đều không đáng kể vì mọi sự ấy cũng như cơn bão thôi. Sẽ qua hết, trừ **BẢN LAI** vì:

**"Bản lai vô nhất vật
Hà xứ nhạ trần ai" (*)**

Bản chất đích thực của Bản Lai vốn trong suốt, tưởng như không hình, không tướng thì lấy chỗ đâu cho bụi bám?

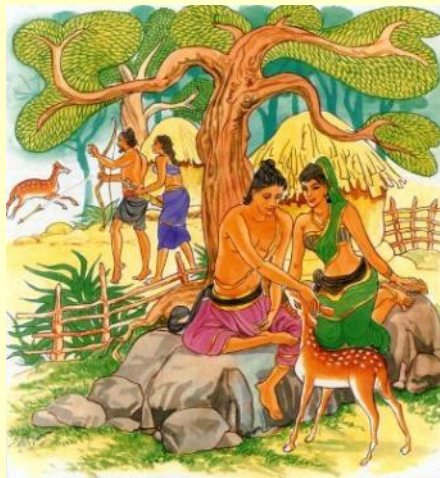
Vạn pháp quy **KHÔNG**.

Chỉ một tiếng niệm Phật chí thành, đồng mãnh, đủ đưa ta về an trú trong không gian an lạc, thái hòa.

(*) *Lục Tổ Huệ Năng.*

The Story of a Fisherman Named Ariya

Dhammapada, Verse 270



While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verse (270) of this book, with reference to a fisherman named Ariya.

Once, there was a fisherman who lived near the north gate of Savatthi. One day through his supernatural power, the Buddha found that the time was ripe for the fisherman to attain Sotapatti Fruition. So on his return from the alms-round, the Buddha, followed by the Bhikkhus, stopped near the place where Ariya was fishing. When the fisherman saw the Buddha, he threw away his fishing gear and came and stood near the Buddha. The Buddha then proceeded to ask the names of his Bhikkhus in the presence of the fisherman, and finally, he asked the name of the fisherman. When the fisherman replied that his name was Ariya, the Buddha said that the Noble Ones (Ariyas) do not harm any living being, but since the fisherman was taking the lives of fish he was not worthy of his name.

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 270. He who harms living beings is, for that reason, not an ariya (a Noble One); he who does not harm any living being is truly to be called a Noble Ariya.

At the end of the discourse the fisherman attained Sotapatti Fruition.

HARMLESS

The Noble is not one, who injures living beings.
The Noble is one, who never injures living beings.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.,**
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma 1986.

NGÀY GẶP PHỤ VƯƠNG

Xưa rời cung điện ra đi
Giờ đây thành đạo trở về thăm cha
Hai mươi năm thoáng trôi qua
Quê hương Đức Phật Thích Ca đón người
Ca Tỳ La Vệ xanh tươi
Vua cha Tịnh Phạn mừng vui vô cùng
Cả nhân dân, lẫn hoàng cung
Cùng nhau sửa soạn tưng bừng thiết tha.
Một bình bát, một cà sa
Dạt dào đức độ, bao la nhân từ
Phật thăm quê dấu yêu xưa
Rộn ràng đất nước sang mùa hoan ca
Cảm thông đến cả muôn hoa
Đất trời, cây cỏ gần xa đón chào
Mọi người cảm động biết bao,
Nhà vua thỉnh Phật cùng vào hoàng cung.
Chiều về trong cảnh vui chung
Phật bèn thuyết pháp chỉ đường chúng sanh.
Nhà vua đánh lễ chân thành
Hỏi thăm phương pháp tu hành cho mau
Để mong giải thoát khổ đau
Sinh lão bệnh tử tiếp nhau xoay vần.
Phật bùi ngùi ngắm phụ thân
Chân run, đầu bạc, da nhăn, dáng gầy
Còn đâu như thuở trước đây
Để vương oanh liệt tràn đầy hiên ngang,
Đỡ vua lên ngự ngại vàng
Ôn tồn Phật mới thưa rằng: "Từ xưa
Xuất gia thành đạo đến giờ
Như Lai thường bị người ta chê cười
Bị phường ngoại đạo nhiều lời
Chê rằng bất hiếu, bỏ rơi gia đình."
"Như Lai quyết chí riêng mình
Chẳng theo chữ hiếu thường tình làm chi
Nên đi tìm món quà gì
Thật là quý hóa dâng về phụ thân
Và ban cho khắp nhân dân,
Đó là giải đáp về thân phận người
Phụ thân vừa mới hỏi thôi!"
Tiếp theo Phật nói: "Ở đời ngắm ra



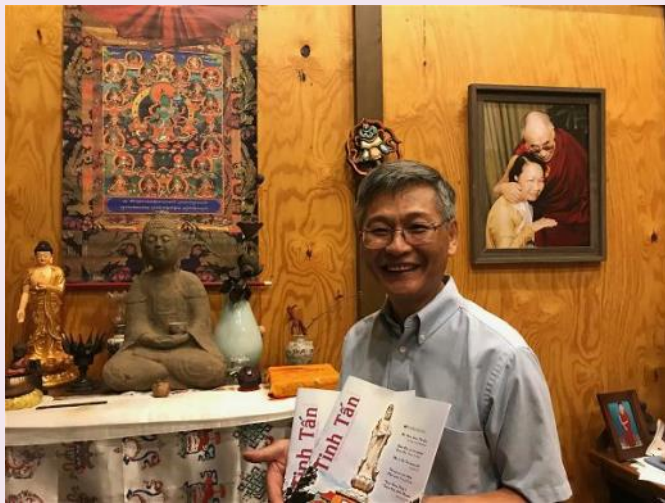
Vô thường vạn vật quanh ta
Công danh như bọt nước sa đầu ghềnh
Tình như mây nổi bông bèo
Còn như tuổi trẻ trôi nhanh xuân thì
Như làn điện chớp khác chi
Chúng sanh không hiểu chút gì! Đáng thương!
Bám theo những cái vô thường
Mà quên Phật tánh sẵn vương trong người"
"Chúng sanh Phật tánh sẵn rồi
Khéo tu thành Phật trong thời tương lai.
Tu nhiều phương pháp lắm thay
Pháp môn 'Niệm Phật' là hay mọi đường
Rất công hiệu, rất dễ dàng
Chỉ tâm niệm Phật, Tây Phương thác về
Là nơi hạnh phúc muôn bề
Là nơi Cực Lạc tràn trề an vui."
"A Di Đà Phật một thời
Lúc tu phát nguyện: 'Ai người thành tâm
Niệm danh ta thật chuyên cần,
Xin về Cực Lạc mười phần cầu mong,
Sau này đến lúc lâm chung
Thác về Cực Lạc vô cùng sướng thay!
Nếu không đạt được điều này
Nguyện thể Chánh Giác ta đây không thành!'
Mong vua cha và chúng sanh
Pháp môn 'Niệm Phật' thi hành cho chuyên
Sẽ mau trút hết muộn phiền
Sinh lão bệnh tử triền miên chẳng còn!"

thơ

TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO

(thi hóa theo Truyện Cổ Phật Giáo)

Tinh Tấn Magazine Ra Mắt: TRUYỀN ĐẠT LỜI PHẬT DẠY



Nhà báo Hoàng Mai Đạt trước tôn tượng Đức Phật khi thăm tòa soạn Việt Báo, nói về số ra mắt Tinh Tấn Magazine.

QUẬN CAM (VB) -- Nhà văn Hoàng Mai Đạt hôm Thứ Tư 25/7/2018 đã khởi sự phát hành Tinh Tấn Magazine, một tạp chí chuyên về văn hóa, sinh hoạt Phật giáo.

Nhà văn Hoàng Mai Đạt --cũng là Chủ Bút Nhật Báo Viên Đông -- cho biết số báo ra mắt đã mất nhiều tháng mới làm xong, nhưng hy vọng tương lai sẽ được chư tôn đức Tăng Ni và quý cư sĩ hỗ trợ để thuận lợi cho việc hoằng pháp.

Số ra mắt Tinh Tấn Magazine in trên giấy láng, nhiều màu, dày 90 trang, khổ báo tạp chí.

Trong số ra mắt Tinh Tấn Magazine, có nhiều bài tập trung chủ đề Quán Thế Âm Bồ Tát hoặc chủ đề từ bi, trong đó có bài:

- Hạnh Nguyên Cứu Độ Chúng Sinh của Đức Quán Thế Âm (tác giả HT Thích Tịnh Từ);
- Niềm Tin Quán Âm (HT Thích Phước Tịnh);
- Mẹ Hiền Quán Thế Âm (ghi lại từ bài giảng của Cổ Ni Trưởng Như Thủy);
- Vài Khái Niệm về Đức Quán Thế Âm Bồ Tát (Thầy Pasanno Phổ Kiên);
- Thư Gửi Từ Hạ Uy Di (HT Thích Thông Hải);
- Thước Đo Người Tu (HT Thích Trí Siêu);
- Mười Hai Đại Nguyên của Bồ Tát Quán Thế Âm (TT Thích Liễu Nguyên);

- Tranh Luạ Quan Âm Bồ Tát (họa sĩ Nguyễn Thị Hợp);
- Lễ Hội Quán Thế Âm (Thiện Chánh Trần Công Nhung);
- Mẹ Hiền Quán Thế Âm ở hai ngôi chùa Riverside (Nguyễn Thị Thêm)...
- Nhật Bản và Tín Ngưỡng Quán Âm (Nguyên Giác Phan Tấn Hải)...

Ngoài ra, còn nhiều bài mang các chủ đề khác về Phật Học, trong đó có:

- Thế Nào Là Con Đường Phật Giáo (Hoang Phong);
- Đức Phật và Cuộc Chuyển Hóa Nhân Sinh Tận Gốc Rễ (Huỳnh Kim Quang);
- Dòng Sông Qua Đi (Vĩnh Hào);
- Bông Xả (Trương Thị Mỹ Vân)...

Và nhiều bài vở, thông tin khác, như của Thanh Huy, Geshe Wangdrak...

Trong bài "Lời cho bước khởi đầu," Tinh Tấn Magazine tự trình bày như sau:

"Với ước nguyện được tạ ơn Tam Bảo qua việc cống hiến khả năng chuyên biệt nhằm ủng hộ công cuộc hoằng pháp của chư tăng ni tại hải ngoại, hỗ trợ các cư sĩ, đạo hữu thuộc mọi tông phái cùng được tinh tấn trên đường tu hành, chúng tôi đã nỗ lực thực hiện số đầu tiên của Tinh Tấn Magazine mà quý độc giả đang cầm trên tay.

Trong số này cũng như trong các số tiếp theo, nội dung của tạp chí Tinh Tấn sẽ luôn có những bài pháp của quý tăng ni truyền đạt Lời Phật Dạy; các bài phóng sự về sinh hoạt tâm linh của hàng tu sĩ lẫn cư sĩ, về hoạt động của các tổ chức Phật giáo; sáng tác của mọi giới; phổ biến những bài dịch thuật do các thiện tri thức chuyển ngữ từ các bài viết có giá trị liên quan đến Phật giáo từ mọi quốc gia, đặc biệt là Bắc Mỹ và Âu Châu, nơi đạo Phật đang chuyển biến để hội nhập vào thời đại tiên bộ của nhân loại.

Trong giai đoạn đầu, báo Tinh Tấn sẽ phát hành ba tháng một lần, tùy duyên theo lượng bài vở và sự bảo trợ cho việc in ấn. Chúng tôi đón nhận sự tham gia từ mọi tông phái, tổ chức, hội đoàn trong tinh thần xây dựng để tất cả quý đồng đạo cùng được thăng tiến trên con đường mà Đức Thế Tôn đã khai mở.

Khi được nghe về dự án thực hiện tạp chí Tinh Tấn vào tháng Tư 2018, Sư Ông Kim Sơn,

Hòa Thượng Thích Tịnh Từ, có nhắc nhở chúng tôi, rằng những bài viết của tạp chí này cần "có ý nghĩa sâu sắc có thể ứng dụng vào trong đời sống, có tính cách phổ thông, nghĩa là không chỉ dành cho một giới, mà ai đọc cũng cảm được, từ trí thức cho đến bình dân, từ người lớn cho đến con nít. Và còn lưu truyền, nghĩa là ai nhận được thông điệp đó cũng muốn gởi gắm cho người khác. Trở thành từng giọt nước của một dòng sông, và trở thành biển cả. Đó mới là cái sắc khí của một tờ báo."

Chúng tôi cũng nhận được những lời khuyên vàng ngọc, sự hỗ trợ hào hiệp từ quý Thầy như Hòa Thượng Thích Viên Lý, Thầy Đăng Pháp, Hòa Thượng Thích Nhật Minh, Hòa Thượng Thích Minh Mẫn, và Hòa Thượng Thích Thông Hải.

Về chủ đề cho số báo ra đời này, chúng tôi chọn Bồ Tát Quán Thế Âm, vì Ngài chính là tinh túy của Phật Giáo Phát Triển, được thể hiện qua muôn hình vạn trạng trong vô tận hình thức ở khắp mọi nơi, chỉ để nói lên hai khái niệm quan trọng nhất của đạo Phật, là Từ Bi và Trí Tuệ. Ở mỗi thời kỳ kinh cho dù ngắn hay dài, người con Phật đều khởi đầu với Chủ Đại Bi và kết thúc với Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh, nói lên hai yếu tính Từ Bi và Trí Tuệ của Đức Quán Thế Âm. Cũng trong tinh thần tùy duyên thị hiện để độ thoát chúng sanh của đức Bồ Tát, trong những số tiếp của Tinh Tấn Magazine, tuy đề tài có khác đi, nhưng Ngài sẽ vẫn luôn xuất hiện bằng bạc trên các trang báo.

Chúng tôi xin bày tỏ lòng trân quý đối với tất cả những ân nhân đã hoan hỷ trợ lực cho dự án Tinh Tấn ngay từ bước đầu tiên, gồm chư tăng sĩ và thiện tri thức, cùng các cơ sở thương mại, tổ chức Phật giáo.

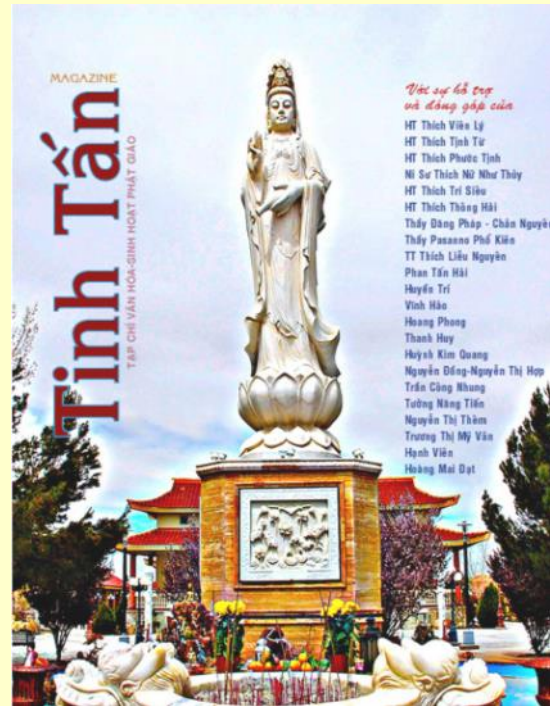
Do những thử thách về tài chánh, kỹ thuật, thời gian lẫn kinh nghiệm, chúng tôi không thể tránh khỏi các sơ sót trong số báo đầu tiên. Mong quý độc giả niệm tình tha thứ, và xin hồi hướng mọi công đức từ việc thực hiện tạp chí Phật giáo này đến tất cả các chúng sanh, mong mọi chúng sanh cùng được hưởng phước duyên tu tập và "mỗi bước một tiến lên bờ giác ngộ."

Trân trọng,
Tinh Tấn Magazine"

Được biết, phụ trách bài vở, kỹ thuật, quảng cáo hiện nay là: Đồng Phúc, Phúc Viên, Hoàng Mai Đạt.

Giá ủng hộ 8 USD/ấn bản. Mua dài hạn: 40 USD/4 số, tính luôn cước phí ở Hoa Kỳ.

Liên lạc:
Tinh Tấn Magazine
9082 Jennrich Ave.,
Westminster CA 92683.
Email: tinhtan2018@yahoo.com
Phone: 714-290-7747.



NGHE NHƯ TIẾNG GỌI

Kính chúc mừng nhà văn Hoàng Mai Đạt
ưa ra mắt Tinh Tấn Magazine
Số báo đầu tiên Tháng 8-2018.

*Mẹ Quan Âm muôn đời cứu khổ
Biết ơn Ngài ta lắng lòng nghe
Dù cho gió cuốn mây che
Niệm Ngài nhớ mãi thuyền ghe đến bờ .*

*Quán Tự Tại Quán Âm Bồ Tát
Lòng bao la cứu độ chúng sanh
Ta về quán lại âm thanh
Nghe như tiếng gọi phước lành trong ta .*

*Kính ngưỡng Ngài chấp tay đánh lễ
Trước đài sen hình bóng trang nghiêm
Thế gian làm nổi ưu phiền
Một câu niệm Phật tâm liền an vui.*

thơ **TÁNH THIÊN**
Dallas Texas , 1-8-2018

NHẬN THỨC CHÂN THẬT

(CHẤP TAY LẠY NGƯỜI, PHẦN 5)

Nguyễn Minh

Không hề có một “cái ta” tồn tại độc lập với thế giới chung quanh! Phát biểu này có thể gây sốc đối với nhiều người, và có vẻ như rất khó tin nhận đối với đại đa số. Tuy nhiên, bằng những phân tích chính xác và khách quan, chúng ta phải thừa nhận đó là một sự thật. Và việc khám phá sự thật này phải được xem là một trong những thành quả vĩ đại nhất của trí tuệ con người.

Nếu như những khám phá của Newton hay Einstein có khả năng tạo ra sự thay đổi lớn lao trong thế giới vật chất quanh ta, thì sự nhận biết về bản chất cấu thành thực sự của mỗi chúng sinh dẫn đến phá vỡ quan niệm chấp ngã kiên cố sẽ có công năng giải thoát chúng ta khỏi mọi phiền não và khổ đau trong đời sống tinh thần. Đơn giản chỉ vì mọi phiền não và khổ đau của chúng ta đều bắt nguồn từ sự chấp ngã, nghĩa là tin chắc rằng có một bản ngã, một “cái ta” luôn tồn tại độc lập trong mối quan hệ với thế giới quanh ta.

Do quan niệm chấp ngã, chúng ta đã không ngừng tìm mọi cách để bảo vệ “cái ta”, chống lại mọi khuynh hướng mà ta cho là có thể gây tổn hại cho “cái ta” đó. Ta cũng không ngừng nỗ lực để xây dựng, vun đắp cho “cái ta” của riêng mình được nổi trội hơn, tốt đẹp hơn so với “người khác”. Chính vì vậy, một khi “cái ta” đó bị xâm hại hay tổn thương, ta cảm thấy như đó là chính ta đang bị hại, và khi “cái ta” đó chịu sự hư hoại tan rã theo luật vô thường, ta rơi vào khổ đau cùng cực vì sự bám chấp cho đó chính là tự thân mình. Và tất cả những điều đó đều là ảo tưởng, vì chúng dựa trên một nhận thức hoàn toàn không đúng thật.

Việc quay về quán chiếu tự thân để thấy được cái gọi là “ta” vốn chỉ là một hợp thể của 5 uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành và thức) sẽ giúp ta buông bỏ được những định kiến sai lầm tai hại từ lâu nay vẫn luôn thôi thúc ta có những tư tưởng, lời nói và hành vi xấu ác, tạo nhiều ác nghiệp. Hơn thế nữa, khi quán chiếu sâu hơn về 5 uẩn, chúng ta còn thấy được rằng cả 5 uẩn đó tự chúng cũng không hề có bất kỳ

một thực thể bền chắc chân thật nào. Chính vì vậy mà không có gì để “cái ta” có thể nương dựa hay bám víu vào đó cả. Và sự thấu suốt về tính chất không thật, giả tạm của 5 uẩn sẽ giúp ta dứt trừ được mọi khổ đau và nguyên nhân gây khổ đau. Trong Tâm kinh Bát-nhã đề cập rất đầy đủ về ý nghĩa này:

“Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát-nhã ba-la-mật-đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách.”

Tạm dịch:

“Bồ Tát Quán Tự Tại khi thực hành sâu xa pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa liền thấy rõ được cả năm uẩn đều là không, [nhờ đó] vượt qua được mọi sự khổ ách.”

Nghĩa không ở đây không nên hiểu như là sự trống không, chẳng có gì, mà cần hiểu như đã trình bày ở một đoạn trên là “không hề có một thực thể bền chắc, chân thật”. Nhiều người do hiểu sai về nghĩa không được dùng trong kinh điển Phật giáo nên đi đến nhận thức sai lầm

rằng đạo Phật bị quan yếm thế hay phủ nhận mọi sự hiện hữu. Trong thực tế, những kết quả có được từ sự quán chiếu sâu xa trong đạo Phật bao giờ cũng là chân thật, đúng đắn, và vì thế luôn có khả năng dẫn dắt chúng ta đi theo con đường sáng suốt nhất.

Đạo Phật không hề phủ nhận mọi sự hiện hữu, mà chỉ nhìn sâu vào để thấy rõ được bản chất thực sự của mọi sự vật, hiện tượng. Nhờ vào sự quán chiếu sâu xa và chân thật mà về mặt cấu thành, ta có thể thấy rõ là toàn bộ thế giới hiện tượng đều chịu sự chi phối của lý nhân duyên; về mặt vận hành thì tất cả đều tuân theo luật nhân quả; và về mặt bản chất thì tất cả đều là vô thường, không có thực thể độc lập, tự tồn tại.

Đó là những nguyên lý khái quát bao trùm tất cả, và chỉ thông qua việc nắm hiểu những nguyên lý này ta mới có thể nhận thức được một cách đúng đắn, chân thật về thế giới hiện tượng cũng như về chính bản thân mình.

Khi nhận biết đúng thật như vậy, chúng ta không vì thế mà chối bỏ thế giới hiện tượng đang hiện hữu đối với các giác quan của ta. Tuy nhiên, ta sẽ không chỉ quan sát chúng bằng



vào những cảm nhận vốn là không thật của các giác quan, mà còn phải sử dụng đến tuệ giác quán chiếu để nhìn sâu vào bản chất thực sự của chúng. Chính nhờ đó mà ta mới có được khả năng hóa giải mọi sự chi phối, tác động của thế giới hiện tượng.

Giống như khi ta xem một người làm ảo thuật, nếu không hiểu biết gì về ảo thuật ta sẽ thấy những gì xảy ra đều là thật, như lửa cháy, chim bồ câu bay lên, dao đâm xuyên qua cổ họng người... Khi hiểu được thực chất của vấn đề, tuy vẫn nhìn thấy giống như mọi người khác, nhưng ta biết rõ đó chỉ là trò ảo thuật, rằng những gì ta nhìn thấy chỉ là một kiểu ảo giác được tạo ra bằng một cách nào đó để đánh lừa các giác quan của ta... Như vậy, ta sẽ không hốt hoảng khi nhìn thấy lửa cháy, không khiếp sợ khi nhìn thấy con dao đâm xuyên qua cổ họng người...

Trong cuộc sống cũng vậy, nếu ta bám chấp vào bản ngã và không thấy được tính chất vô thường, nhân duyên tan hợp của thế giới hiện tượng, không hiểu được lý nhân quả đang tự nhiên vận hành, ta sẽ liên tục quay cuồng vì chịu sự thôi thúc, cuốn hút của mọi sự vật, hiện tượng quanh ta... Ngược lại, với một cái nhìn sáng suốt và thấu đáo về bản chất thực sự của bản thân mình và thế giới chung quanh, về sự vận hành tự nhiên của toàn bộ thực tại này, ta sẽ luôn có được sự sáng suốt và an ổn, không chịu sự chi phối, cuốn hút bởi những gì diễn ra quanh ta.

Nhận thức chân thật về thế giới quanh ta là thấy được tất cả sự vật, hiện tượng đều do nhân duyên kết hợp mà thành, dẫn đến hệ quả là tất cả đều vô thường, liên tục biến đổi, không bền chắc và nhất thiết phải trải qua các tiến trình sinh - diệt hay thành - hoại. Mặc dù vậy, toàn bộ thế giới đang hiện hành này là thật có đối với các giác quan của chúng ta. Và vì thế, ta không thể ứng xử với chúng như những thứ không thật có. Chẳng hạn, trước khi đi ra giữa trời nắng nóng, bạn cần một chiếc mũ để đội lên đầu chứ không phải thứ gì khác, và việc có hay không có chiếc mũ là hai sự thật khác nhau, dẫn đến những kết quả khác nhau. Do đó, bạn không thể phủ nhận sự tồn tại của chiếc mũ trong thế giới vật chất.

Nhưng nếu bạn không thấy được bản chất thực sự của chiếc mũ là do các nhân duyên hợp thành, là vô thường, luôn biến đổi và chắc chắn rồi sẽ hoại diệt, thì bạn sẽ có thể phụ thuộc rất nhiều vào chiếc mũ. Khi ai đó làm hỏng hoặc lấy mất nó, bạn sẽ bức tức hoặc buồn phiền vì sự mất mát. Nếu sự hư hỏng hay mất mát đó đã là một sự thật, thì sự bức tức hay buồn phiền của bạn chỉ là một phản ứng hoàn toàn vô ích và trong thực tế là có hại.

Chúng ta cần phải nhận thức về chiếc mũ như một đối tượng thực sự tồn tại trong thế giới quanh ta, với những công năng và thuộc tính cá biệt của nó, vì đó là một sự thật. Ta cần phân biệt chiếc mũ với những thứ khác như đôi

giày, chiếc áo... Khi đi ra nắng thì ta cần tìm chiếc mũ chứ không thể thay nó bằng đôi giày hay chiếc áo...

Vì thế, đạo Phật không hề phủ nhận điều đó, nhưng gọi loại sự thật này là Tục đế, nghĩa là sự đúng thật chỉ trong phạm vi thế tục, hay thế gian. Nói cách khác, trong đời sống thế gian, ta vẫn phải nhận hiểu chính xác về mọi sự vật, hiện tượng bằng loại sự thật này. Các định luật về vật lý, hóa học, cơ học... đều thuộc phạm trù Tục đế.

Nhưng bản chất thực sự của chiếc mũ vẫn cần được nhận biết như một hợp thể do nhân duyên cấu thành, luôn biến đổi và sẽ hoại diệt, vì đây cũng là một sự thật. Loại sự thật này có ý nghĩa sâu xa hơn, phổ quát hơn nên được gọi là Đệ nhất nghĩa đế hay Chân đế, và cũng được xem là sự thật tuyệt đối để phân biệt với Tục đế chỉ được xem là sự thật tương đối.

Khi phân tích ở phạm trù tương đối, mỗi một hiện tượng, con người hay sự vật cá biệt đều sẽ có những thuộc tính và công năng khác biệt nhau, như chiếc mũ của bạn sẽ có màu sắc, kích thước, tính chất không hoàn toàn giống với những chiếc mũ của người khác... Sự khác biệt này là thuộc phạm trù Tục đế.

Ngược lại, khi phân tích ở phạm trù tuyệt đối thì về bản chất mọi chiếc mũ đều như nhau, vì chúng đều do các nhân duyên giả tạm hợp thành, luôn biến đổi theo thời gian và cuối cùng sẽ hư hoại. Không những thế, đây còn là bản chất của mọi pháp hữu vi, tức là mọi pháp có hình tướng. Và bản chất tương đồng phổ quát này là thuộc phạm trù Chân đế.

Khi xét theo Chân đế thì không những mọi sự vật, hiện tượng đều giống nhau về bản chất vô thường, mà chúng cũng không hề có một thực thể độc lập, tự tồn tại, bởi sự sinh khởi của chúng đều có tương quan, phụ thuộc vào nhiều yếu tố, sự vật khác... Sự phụ thuộc lẫn nhau trong thế giới hiện tượng khiến cho mỗi một sự vật, hiện tượng đều không thể tự chúng sinh khởi hay tồn tại, hay nói cách khác là chúng không hề có một thực thể chân thật, tự tồn.

Chính trong ý nghĩa này mà Tâm kinh Bát-nhã đã dạy rằng: "*Sắc tức thị không, không tức thị sắc.*" Cho đến các uẩn khác là thọ, tưởng, hành và thức cũng đều như vậy.

Và khi năm uẩn đều là không, thế giới hiện tượng cũng là không - trong ý nghĩa không hề có một thực thể chân thật, tự tồn - thì bản thân "cái ta" vốn được xem là chủ thể nhận thức cũng không dựa vào đâu để có thể là thật có và bền chắc.

Từ những phân tích trên, một nhận thức chân thật, chính xác về thế giới quanh ta cũng như về chính bản thân ta luôn phải bao gồm hai lớp ý nghĩa. Đó là sự thật tương đối hay Tục đế và sự thật tuyệt đối hay Chân đế.

Nhờ hiểu rõ thế giới quanh ta bằng Tục đế, ta luôn có khả năng ứng xử thích hợp với từng hoàn cảnh, nhận biết đúng về từng sự vật để



có thể vận dụng một cách thích đáng trong việc làm lợi ích cho bản thân và người khác.

Nhờ hiểu rõ thế giới quanh ta bằng Chân đế, ta sẽ thoát khỏi được sự chi phối, cuốn hút hay thôi thúc vốn sinh khởi từ những hiện tượng hay sự vật quanh ta, luôn nhận biết đúng thật về bản chất của chúng mà không có những sự tưởng tượng hay thêu dệt, phóng chiếu của tâm thức lên hiện tượng hay sự vật.

Lấy ví dụ, khi ta nhìn thấy một chiếc xe tay ga đời mới với dáng vẻ thật đẹp đẽ và lôi cuốn. Về mặt Tục đế, ta nhận hiểu rõ công năng của chiếc xe, đánh giá được về dáng vẻ, màu sắc cũng như những thông số về tốc độ, sức mạnh, mức tiêu thụ nhiên liệu, độ bền... của nó và có thể so sánh với chiếc xe ta đang dùng hoặc những chiếc xe khác nữa. Ta có thể biết rõ loại xe mới này có những ưu điểm nào và việc sử dụng nó sẽ mang lại những hiệu quả tốt hơn như thế nào...

Tuy nhiên, về mặt Chân đế ta cũng đồng thời nhận biết rõ bản chất vô thường, giả hợp và không bền chắc của nó. Ta biết nó cũng chỉ là một chiếc xe như bao nhiêu chiếc xe khác và không thể mãi mãi xinh đẹp, hấp dẫn như hiện nay ta đang nhìn thấy.

Với sự hiểu biết đầy đủ về cả hai lớp ý nghĩa tương đối và tuyệt đối, ta sẽ có một phản ứng đúng đắn và thích hợp khi tiếp xúc với chiếc xe. Nếu việc mua xe là đáp ứng với những nhu cầu thực sự cần thiết trong cuộc sống của ta, chẳng hạn như giúp ta di chuyển nhanh hơn, thoải mái hơn, ít tiêu hao nhiên liệu hơn... và ta hiện có đủ tiền dành cho việc mua xe, ta sẽ quyết định mua nó. Ngược lại, nếu

xét thấy chiếc xe đang dùng cũng đáp ứng được đầy đủ những nhu cầu của mình, hoặc xét thấy mình chưa có đủ khả năng tài chánh, ta sẽ bỏ qua việc mua xe mà không có gì bận tâm đến nó.

Trong trường hợp chúng ta không nhận hiểu được bản chất thực sự của chiếc xe, nghĩa là thiếu đi lớp ý nghĩa tuyệt đối, ta sẽ có thể khởi sinh những cảm xúc, tư tưởng hoặc hành vi không thích hợp. Chẳng hạn, do quá ham thích vẻ đẹp vốn là giả tạm của chiếc xe, ta quyết định mua nó trong khi điều đó là không thực sự cần thiết cho công việc hay cuộc sống; hoặc có thể ta không đủ tiền mua nhưng vẫn quyết định vay mượn bạn bè để mua, và điều đó dẫn đến nhiều hệ quả bất lợi, khó khăn về sau. Thậm chí, trong trường hợp ta không mua được chiếc xe vì không đủ khả năng, ta vẫn có thể bị nó làm khổ vì sự khao khát, thèm muốn thôi thúc trong lòng ta, và điều đó khiến ta không thể sống một cách an vui, thanh thản.

Lấy một ví dụ khác, khi ta tiếp xúc với một người nào đó, ta cần hiểu rõ về hình dáng, năng lực, tính tình... của người ấy trong mối quan hệ so sánh với những con người khác, nhưng đồng thời ta cũng phải nhận biết rằng, về bản chất thực sự thì con người đó chỉ là sự giả hợp của năm uẩn, mang tính vô thường, luôn biến đổi và không có một thực thể tự tồn tại.

Nhờ hiểu biết đúng thật về năng lực, tính tình... (Tục đế) ta sẽ có thể giao tiếp với con người đó một cách hiệu quả, có thể giúp đỡ họ hoặc nhờ cậy họ làm những công việc thích hợp... Nhưng đồng thời, nhờ hiểu biết đúng thật về bản chất thực sự (Chân đế), ta sẽ loại bỏ được những định kiến như ưa thích, ghét bỏ, đố kỵ... đối với người đó; ta cũng không sinh khởi những cảm xúc sai lầm đối với người đó như là mê đắm, thèm muốn hay ganh tỵ...

Qua những ví dụ nhỏ như trên, ta có thể thấy được ý nghĩa của một nhận thức chân thật là quan trọng như thế nào đối với cuộc sống của chúng ta. Chắc chắn là sự nhận biết đúng thật và đầy đủ về thế giới quanh ta sẽ luôn giúp ta giảm nhẹ rất nhiều sự bức tức hay buồn phiền, khổ đau trong cuộc sống.

Mặt khác, đối với chính bản thân ta thì việc nhận thức đúng thật và đầy đủ cũng vô cùng quan trọng. Về mặt Tục đế, ta cần nhận biết đúng về năng lực, vai trò và trách nhiệm của bản thân ta trong xã hội, vì điều đó giúp ta có những tư tưởng, hành vi hay lời nói thích đáng, mang lại lợi ích cho bản thân và mọi người quanh ta. Nhưng đồng thời về mặt Chân đế, ta cũng phải nhận biết rõ rằng cái gọi là "ta" đó chẳng qua chỉ là sự giả hợp của năm uẩn, mà tự thân các uẩn đó cũng không hề có sự bền chắc chân thật. Điều này sẽ giúp ta dần dần loại bỏ được những cảm xúc tiêu cực như tham muốn, sân hận, ghen ghét, đố kỵ... vì tất cả những cảm xúc này đều sinh khởi dựa trên căn bản chấp ngã, nghĩa là tin rằng có một "cái ta"

chắc thật đang tồn tại để ta phải luôn bảo vệ và phát triển.

Như vậy, một nhận thức chân thật phải là một nhận thức đúng thật và toàn diện, thấy biết về thế giới hiện tượng quanh ta cũng như thấy biết về chính bản thân ta thông qua sự soi sáng của cả Tục đế và Chân đế. Sự thấy biết đúng thật theo Tục đế giúp ta phân tích và đánh giá sự việc đúng như những tính chất và công năng của chúng, trong khi sự thấy biết theo Chân đế giúp ta thoát khỏi mọi sự chi phối, lôi cuốn của thế giới hiện tượng cũng như kiểm soát và loại bỏ dần những cảm xúc tiêu cực thường sinh khởi mỗi khi ta tiếp xúc với các đối tượng bên ngoài.

Để có thể hiểu sâu hơn về tầm quan trọng của một nhận thức chân thật, có lẽ chúng ta cần phân tích sơ qua về quá trình tiếp xúc và sinh khởi những cảm xúc của bản thân ta với một đối tượng bên ngoài.

Khi ta tiếp xúc với một con người chẳng hạn, trước tiên sẽ là sự nhận hiểu về ngoại hình rồi đến ngôn ngữ, cử chỉ... Nếu những yếu tố ban đầu đó được ta ưa thích, ta sẽ bắt đầu tạo ra trong tâm trí mình một "bản sao" của người đó.

Nhưng vấn đề đáng lưu ý ở đây là, chúng ta hầu như không bao giờ tạo ra một "bản sao" trung thực! Khi ta yêu thích một người, ta sẽ ghi nhận nơi người đó toàn những ưu điểm, những vẻ đẹp cả về tinh thần lẫn thể chất... Và "bản sao" của người đó xuất hiện trong tâm trí ta sẽ được tô đậm nét, được phóng đại lên nhiều lần những ưu điểm, những vẻ đẹp, trong khi ta lại hiếm khi thấy được những khuyết điểm, những nét xấu... Và nếu có thì ta sẽ có khuynh hướng làm cho những yếu tố xấu đó trở nên mờ nhạt đi, sao cho chúng không còn đáng lưu tâm nữa.

Khuynh hướng ngược lại sẽ xuất hiện khi đối tượng là người mà ta không ưa thích hay oán ghét. Trong trường hợp này, ta sẽ tạo ra một "bản sao" của người ấy trong tâm trí ta với những đường nét nhấn mạnh vào các thói xấu, các khuyết điểm... và hầu như ta không hề thấy được những ưu điểm vốn có của người ấy, hoặc nếu có thì ta cũng có khuynh hướng phớt lờ đi, không lưu tâm đến chúng.

Trong cả hai trường hợp, những gì ta ghi nhận về đối tượng đều không còn trung thực, không hoàn toàn đúng thật như trong thực tế. Và quan trọng hơn nữa, mức độ sai lệch này sẽ ngày càng phát triển lớn hơn theo thời gian, theo số lần mà ta nghĩ nhớ đến người ấy. Nếu là người ta yêu thích thì hình ảnh người ấy trong ta sẽ ngày càng đáng yêu hơn, tốt đẹp, cao quý hơn... Và ngược lại, nếu là người ta căm ghét thì hình ảnh người ấy sẽ ngày càng trở nên xấu xa, đáng ghét hơn...

Không chỉ là sự phóng đại, cường điệu hóa những gì ta nhận biết trong thực tế, mà tệ hại hơn nữa là ta còn có khuynh hướng thêm dệt, tưởng tượng ra những điều hoàn toàn không

thật có để làm biến dạng hình ảnh của đối tượng ấy trong tâm trí theo khuynh hướng yêu thích hoặc căm ghét của riêng ta.

Và đây cũng chính là lý do giải thích vì sao những kẻ yêu nhau thì thường có khuynh hướng ngày càng say đắm nhau hơn, trong khi những kẻ oán ghét nhau thì dễ đi đến tình trạng ngày càng xa cách, càng ghét nhau thậm tệ hơn nữa... Bởi tiến trình này diễn ra gần như là một khuynh hướng tự nhiên ở hầu hết mọi người trong chúng ta, trừ phi ta có thể nhận biết được tính chất vô lý của nó thông qua sự tu tập quán chiếu đúng thật.

Hầu hết các nhà tâm lý học hiện đại đều nhận biết khá rõ về tiến trình nói trên. Vì thế, họ luôn đưa ra những lời khuyên trong giao tiếp là phải chú trọng đặc biệt đến ấn tượng ban đầu. Nếu bạn có thể "chinh phục" được tình cảm của một người nào đó ngay trong lần đầu tiên tiếp xúc, thì điều đó cũng đồng nghĩa với việc bạn đã thiết lập được cả một tiến trình tự động theo sau luôn khuếch đại những ưu điểm của bạn trong lòng người ấy. Ngược lại, nếu bạn lỡ tạo ra một ấn tượng không tốt trong lần đầu gặp gỡ, thì việc xóa bỏ ấn tượng ấy sẽ vô cùng khó khăn. Những cô gái về làm dâu nhà chồng thường hiểu rất rõ quy luật này trong mối quan hệ với cha mẹ chồng cũng như anh, chị, em trong nhà chồng... Một "lề ra mắt" thành công sẽ dẫn đến mọi việc "đầu xuôi đuôi lọt", nhưng nếu như đã thất bại trong một không khí âm ảm thì rất có khả năng là những cơn mưa bão xung đột tình cảm sẽ còn kéo dài mãi mãi về sau...

Nhưng tiến trình khuếch đại những tình cảm yêu ghét của chúng ta đối với một đối tượng như vừa mô tả trên cũng chỉ mới là giai đoạn khởi đầu. Bởi chúng ta thường không chỉ "yêu để mà yêu" hay "ghét chỉ để ghét," mà những cảm xúc đó còn có tác dụng dẫn dắt, thôi thúc mọi tư tưởng, lời nói và hành vi của chúng ta theo khuynh hướng của chúng.

Trong trường hợp ta yêu thích một người, thì đồng thời với việc phóng đại những ưu điểm của người ấy trong tâm trí, ta cũng bắt đầu nảy sinh một khuynh hướng khao khát, mong muốn chiếm hữu người ấy. Trước tiên, ta tự mình tạo ra một sợi dây liên kết vô hình giữa người ấy và ta, gắn kết ngày càng chặt chẽ hơn, để rồi cuối cùng ta đi đến chỗ mặc nhiên xem người ấy là "của ta."

Tất nhiên, sự "chiếm hữu" đơn phương trong tâm tưởng này chỉ là khởi điểm, và tiếp theo đó ta sẽ tìm mọi cách để có thể thực sự chiếm hữu được người ấy.

Và cho dù có thực sự "chiếm hữu" được người ấy hay không, vì đã tự mình xem người ấy là "của ta" nên ta bắt đầu nảy sinh sự phụ thuộc, gắn bó với người ấy. Khi không được thường xuyên tiếp xúc, gần gũi, ta thấy nhớ mong, khao khát. Được gặp gỡ, chuyện trò, ta thấy vui vẻ, hạnh phúc... Và nếu vì một lý do nào đó mà ta phải xa lìa người ấy, không còn

được tiếp xúc, gặp gỡ nữa, ta sẽ thấy buồn khổ, phiền muộn...

Vấn đề còn tiếp tục đi xa hơn nữa khi ta luôn tin chắc rằng những gì ta nghĩ về người ta yêu thích là hoàn toàn đúng thật - trong khi sự thật thì đó lại là những đường nét, tính cách đã được cường điệu hóa theo ý riêng của ta. Vì thế, khi thực tế không diễn ra đúng như ta mong muốn, chẳng hạn như khi những hành vi ứng xử của người ấy không giống như ta mong đợi, ta cảm thấy thất vọng và đau khổ. Điều này rất dễ nhận ra ở những người thân trong gia đình. Chẳng hạn, các bậc cha mẹ luôn phóng đại tài năng của con cái họ và do đó đặt quá nhiều kỳ vọng vào chúng, để rồi phải thất vọng khi thực tế diễn ra là chúng không có khả năng đạt được những điều họ mong muốn... Đây là nguyên nhân rất phổ biến mang đến sự buồn phiền, đau khổ cho phần lớn chúng ta, cho dù người ta thương yêu đó có thể là vợ, chồng, con cái hay thuộc về bất cứ mối quan hệ nào khác trong cuộc sống...

Toàn bộ tiến trình mang lại sự khổ đau và phiền muộn như trên đều do chính ta làm "đạo diễn" từ đầu đến cuối. Nguyên nhân của kịch bản sai lầm này chính là sự nhận thức không đúng thật về đối tượng cũng như về chính bản thân ta. Do chỉ thấy biết về đối tượng qua lớp ý nghĩa tương đối mà không thấy được bản chất tuyệt đối, nên ta đã không ngừng tạo ra những hình ảnh, nhận thức ngày càng sai lệch về đối tượng, dẫn đến những cảm xúc, tình cảm cũng sai lầm, không đúng thật. Mặt khác, do không thấy được bản chất thực sự của "cái ta", vẫn luôn xem "ta" như một thực thể độc lập và thật có nên ta mới nảy sinh ý niệm chiếm hữu đối tượng thành "của ta," nhằm thỏa mãn những khao khát, mong muốn của riêng ta.

Như vậy, những sai lầm như trên rõ ràng là có thể loại bỏ nếu ta biết quán chiếu bản thân cũng như đối tượng thông qua cả Tục đế và Chân đế. Khi nhận thức về bản thân cũng như đối tượng tiếp xúc với cả hai lớp ý nghĩa tương đối và tuyệt đối, ta sẽ có một cái nhìn đúng thật với những gì đang xảy ra, thấy biết được cả những tính chất thuộc phạm trù tương đối cũng như bản chất thực sự của đối tượng. Sự nhận thức đúng thật và toàn diện này sẽ giúp ta luôn sáng suốt để có được những tư tưởng, hành vi, lời nói đúng đắn và thích hợp với từng hoàn cảnh, mang lại lợi ích cho bản thân ta cũng như cho mọi người quanh ta, thay vì là những khổ đau và phiền muộn.

(www.rongmotamhon.net)

ẢO GIÁC NÀNG

*ly trà ngập nắng
run rẩy khói mờ
giác trưa lãng đãng
nu tình trong mơ
say dài cơn mộng
trần cảnh loay hoay
hiên ngoài gió động
hiện thể phơi bày.*



HOÁT NHIÊN

*phút giây luân chuyển giữa đời
bông dung trôi nổi tôi ngồi trên mây
thốt nhiên tôi múa và say
trong cơn mộng寐 đà quay chập chùng
bông dung tôi lạc nửa chừng
sa vào vô trú lũng khùng chiêm bao
thần hồn loáng chốc ngã nhào
trong tâm phân biệt ngộ nào mà ra?
thì thôi tôi té nhập nhòa
mang linh hồn tội nghiệp sa khỏi đời
có cây lục vấn lòng tôi
hai hàng xanh biếc tôi ngồi xanh ra
và trong quán chiếu chiếu lò
mây ngàn tiềm ẩn chút tà dương phai.*

XẢ BỎ

*mông muội nẻo đời lạc bước chân
càng đi càng lún dẫu phong trần
truy tìm mê mãi cơ duyên loãng
diệu hữu, chân như, có hoặc không?
hứa, vô ai biết bến hay bờ
thị hiện mông lung thức đạt mùa
ảo giác trùng khơi con sóng nháy
lối về mịt mịt giọng hư vô
châm lừng ngang lưng nốt cháy trầm
bụng đau quần quai sóng vô âm
nghiêng chao thế giới trong mê ảnh
vụt hiện thành linh cái chớp tâm.*

thơ PHÙ DU

TẢN MẠN VỀ ĂN CHAY

Đông Thiện



Nước Việt chịu ảnh hưởng sâu sắc của truyền thống Phật giáo bắc truyền vì vậy việc ăn chay cũng đã phổ biến từ xa xưa. Có người ăn chay trường, ăn chay kỳ hoặc không định kỳ... nhưng nhìn chung việc ăn chay là một thói quen, một phần quan trọng trong đời sống và sự tu tập của người Việt, cho dù là xuất gia hay tại gia.

Tương truyền việc ăn chay là do vua Lương Võ Đế bên Tàu khởi xướng, sau này theo sự truyền bá Phật pháp mà thâm nhập vào đời sống của người Việt ta. Ăn chay theo quan điểm Phật giáo là vì từ bi, tôn trọng sự sống của muôn loài; là vì tránh cái hoạ nợ mạng...

Ngày nay lối sống mới, những nhóm ăn chay mới họ có lý do khác: ăn chay vì môi trường, ăn chay vì sức khoẻ... Hiện nay những giới tinh hoa (elite) giàu có, trí thức, địa vị cao... Họ ý thức rằng: ăn chay có lợi cho sức khoẻ; vì vậy phong trào ăn chay ngày càng lan rộng và phát triển, không chỉ ở Việt Nam mà khu vực Bắc Mỹ- Tây Âu cũng phát triển rất mạnh. Những nhóm ăn chay tuyệt đối (vegan) rất thịnh hành ở đây. Theo thống kê thì hiện ở Mỹ có khoảng ba mươi triệu người ăn chay. Ở Anh có 17% dân số ăn chay... Những nhóm ăn chay này liên kết nhau chặt chẽ. Họ đấu tranh cho quyền súc vật, cho môi trường... Và họ ăn chay có khoa học, chú ý đến dinh dưỡng và tổ chất nên họ khoẻ mạnh và sống an lạc.

Ăn chay theo truyền thống xưa nay của người Việt xem ra có những vấn đề cần nói. Những người ăn chay không chú ý đến dinh dưỡng, tổ chất... mà chỉ sơ sài theo kiểu: "rau dưa tương chao cho qua ngày" vì thế nhiều người suy kiệt sớm! Cho dù ăn chay vì từ bi, vì thương yêu muôn loài hay ăn chay vì môi trường, vì sức khoẻ cũng cần chú ý đến dinh dưỡng.

Người ăn chay thường thiếu vitamin B12 nên dễ suy kiệt, dễ mắc bệnh lú lẫn sớm... vì vậy cần phải bổ sung thêm B12 (cái này có bán ở các tiệm thuốc, giá cả cũng không mắc) và cũng có nhiều trong trái bơ. Người ăn chay cũng cần bổ sung nhiều đạm vì thực vật tương đối ít đạm. Đạm có nhiều trong bông cải xanh, bơ, rau kale, hạt hạnh nhân, đậu phộng... hoặc các chế phẩm vegan đạm (whole soy milk, whole wheat) nếu là người chơi thể thao, lao động nặng nên uống thêm loại sữa này, hoặc là sữa bông lúa, sữa hạnh nhân...

Người ăn chay cũng thường thiếu chất sắt. Sắt có nhiều trong củ dền đỏ, rau spinach, các loại hạt như hạt hướng dương chẳng hạn. Ở Việt Nam việc chế biến đồ ăn chay khá giống thức ăn Tàu: chiên xào nhiều dầu và tương chao thì nhiều muối... vì vậy nhiều người ăn chay mà vẫn cao máu, tiểu đường, tim mạch... Việc này tạo nên nhiều hiểu lầm không đáng có cho việc ăn chay. Ăn chay không hề thiếu chất, thiếu dinh dưỡng như nhiều người lầm tưởng, thậm chí ăn chay còn giúp cho sự bền bỉ dẻo dai hơn. Hiện có những lực sĩ điền kinh ăn chay, các diễn viên Hollywood cũng ăn chay, nhiều chính khách, khoa học gia cũng hưởng ứng việc ăn chay.

Ở Âu- Mỹ, mỗi buổi sáng người ta thường ăn một chén yến mạch (oat meal) hay diêm mạch (grits). Đây là món ăn truyền thống lâu đời, hai món này nhiều xơ, tốt cho tiêu hoá, lại tốt cho tim mạch. Các khách sạn dù sang trọng hay bình dân đều có món ăn sáng này (dù là trả tiền hay bữa sáng miễn phí). Món gì cũng thể thiếu những oatmeal và grits thì không thể thiếu. Người Âu- Mỹ ăn chay họ thích những món, hấp, nướng, luộc sơ... ít thích chiên, xào như ta. Đó cũng là lý do giúp cho các vitamins và khoáng chất không bị mất trong quá trình chế biến. Họ ăn rau, củ, quả, hạt... và ít dùng những món chế biến như thực phẩm chay giả mặn như ta!

Trái bơ (avocado) là một tặng phẩm rất tuyệt vời của thiên nhiên; đối với người ăn chay lại càng quan trọng. Trái bơ cung cấp nhiều đạm, nhiều vitamins và chất béo an toàn. Người Việt ăn bơ thường xay làm sinh tố hoặc dầm với đường... Người Âu- Mỹ họ ăn tươi như ăn rau vậy, hoặc làm salad trộn với bắp non luộc, hàng tây cắt hạt lựu, thêm gia vị, muối vừa miệng để lạnh và ăn với chips (bánh tráng) rất ngon và bổ dưỡng.

Đậu nành là một món không thể thiếu đối với người ăn chay, nó được chế biến thành nhiều món: đậu phụ, sữa nước, sữa bột, bánh mứt... đậu nành mệnh danh là "thịt bò chay," là "protein của người nghèo"... là nguồn đạm quan trọng cho người ăn chay, nó lại an toàn không cholesterol... Tuy nhiên với phụ nữ có bầu thì dùng có giới hạn vì có thể ảnh hưởng đến hormone nữ. Gần đây có nhiều bài viết xuyên tạc bảo rằng ăn nhiều đậu phụ có thể gây ung thư. Điều này hoàn toàn sai trái. FDA

(Cơ quan an toàn thuốc-thực phẩm Mỹ) khuyến cáo: Đậu phụ và các chế phẩm của đậu nành hoàn toàn an toàn, không có gây ung thư như tin đồn. Những tin xấu này nó xuất phát từ những người chống đối và muốn gây nhiễu loạn. Ngoài đậu nành thì đậu xanh cũng là một loại thực phẩm tốt, nhiều đạm... Nói chung họ đậu cung cấp nhiều dinh dưỡng bổ khỏe và an toàn.

Ăn chay vì đức tin tôn giáo hay ăn chay vì sức khoẻ đều tốt cả. Hiện nay gia súc nuôi được cho ăn thực phẩm tăng trưởng, tiêm chích hormone tăng trưởng... vô cùng độc hại, những chất ấy tồn dư trong thịt, khi ta ăn vào sẽ tích tụ gây ung thư, đột biến gene, gây những vụ nhiễm khuẩn hàng loạt... Ấy là chưa kể hiện nay những trang trại nuôi gia súc làm ảnh hưởng đến khí hậu, môi trường; lượng phân khổng lồ ấy tạo nên hiệu ứng nhà kính. Lượng thực phẩm (nhất là ngô) để nuôi gia súc có thể đủ để xóa nạn đói trên toàn cầu. Để sản xuất một kg thịt thì cần một lượng nước gấp mấy mươi lần sản xuất một ký đậu nành! Đây là một vấn đề lớn của xã hội loài người chứ không riêng một quốc gia nào!

Cuộc sống hiện đại vốn nhiều thay đổi nhanh chóng, con người dễ căng thẳng, dễ bùng phát xung đột, loạn động... nên việc ăn chay càng trở nên cần thiết. Ăn chay giúp con người trở nên, an hòa hơn, nhu thuận hơn. Một khi lòng từ trải ra thì làn sóng giao thoa sẽ lan khắp đất trời. Con vật cũng có sự tham sống sợ chết, con vật cũng biết đau khổ, cũng có cảm nhận thân thuộc (tuỳ theo mức độ cao thấp của các loài). Vì vậy không nỡ nào giết nó để bồi bổ cho thân mình. Phật và chúng sanh vốn đồng một thể, vì mê, vì nghiệp báo luân hồi... mà đọa làm thân thú, biết đâu trong số những con vật mà ta ăn thịt ấy lại là người thân của ta trong quá khứ! Nhà Phật cũng có câu: "kiếp này ăn nó nửa ký kiếp sau trả lại tám lạng," oan oan tương báo... Nỗi thống khổ này bao giờ mới chấm dứt được!

Trong lịch sử Phật giáo tương truyền có một thiền sư bưng bát canh thịt lên quán sát và bảo: chiến tranh cũng từ bát canh này mà ra. Ấy là nợ xương máu nên phải trả là vậy.

Ăn chay hiện nay trở thành một phong trào lan rộng ở Âu-Mỹ. Người ăn chay tức tự mình bỏ bớt chút ích kỷ hưởng thụ. Ăn chay vì mục đích nào cũng đáng tán dương cả. Xã hội càng nhiều người ăn chay thì càng thêm nhiều người an hoà, từ ái. Cứ theo lẽ tương tức tương sinh ăn chay nhất định sẽ đem lại an lạc cho mọi người.

Ất Lăng thành, 6/2018



AN LẠC LẮM

*Họ bảo tôi ăn chay chi cho uống
Sống ở đời hưởng rượu thịt đi thôi
Một chút buồn chợt thấy thật lẻ loi
Khi mình gặp phải những lời chống đối*

*Họ lại nói ăn chay là khờ dại
Loài vật kia là để đãi cho mình
Hãy ăn nhậu cho mặc tình thỏa thích
Cớ làm sao phải kiêng nhịn thiệt đời*

*Rồi một hôm những người bạn tuyệt vời
Lòng nhân ái phát động và gọi mời
Hãy ăn chay vì môi trường sinh thái
Vì tình thương và vì cả tương lai*

*Này bạn hỡi chớ sanh lòng e ngại
Hoa quả củ rau... dinh dưỡng vốn đủ đầy
Các loại hạt có rất nhiều chất đạm
Ăn uống lành khoẻ nhẹ cả thân tâm*

*Vật hay người đều biết yêu sự sống
Biết đón đau và cảm xúc yêu thương
Nỡ lòng nào mình hưởng thụ thịt xương
Lấy cái chết uống ăn làm sự sướng*

*Bạn có biết ăn chay để làm chi
Sức khoẻ an toàn, tăng trưởng từ bi
Sống không chỉ nhận mà phải cho đi
Thì cuộc đời sẽ vô cùng hoan hỷ*

*Càng buông xả thì càng an lạc lắm
Sống giản đơn phơi phơi cả thân tâm
Mặc cuộc đời mưa nắng với tháng năm
Trái lòng thương đến muôn loài vạn vật.*

thơ

TIỂU LỤC THẦN PHONG

Đồ Bàn Thành, 2018

Truyện ngắn trăm linh tám chữ

STEVEN N.



CÓ DÒNG SÔNG NÀO THẰNG

Thầy đến một thành phố mới, nơi ấy Phật pháp còn xa lạ với cư dân lắm. Ấy vậy mà sau thời pháp mọi người đều vui vẻ và mãn nguyện. Có một anh thanh niên thắc mắc:

- Thưa thầy, sao thầy nói pháp không vào thẳng vấn đề mà cứ đi lòng vòng, giống mấy ông chính khách vòng vo tam quốc quá!

Mọi người cười ồ lên; thầy ra hiệu im lặng rồi bảo:

- Anh xem có dòng sông nào trên thế gian này chảy thẳng không? tùy thế đất mà chảy! Nói pháp hay thuyết khách cũng thế, tuy giống mà hoàn toàn khác nhau!

CÓ ĐẠO LÝ NÀY SAO

Gia chủ hàng tháng cúng tế phẩm vật cho Thần Tài-Thổ Địa nào là trái cây, gà luộc, cà -phê... nhưng làm ăn vẫn ấm ượng nên cấu kính:

- Tôi cúng tế lễ vật mà hai ông chẳng phủ hộ gì cả!

Đêm ấy y nằm mơ thấy hai vị trách:

- Giàu hay nghèo là ở phước đức của ông, có can hệ gì với bọn tôi? Và lại ông tế một tí lễ mà muốn thâm lộc lớn, đó là chưa nói đến tội sát sanh, có đạo lý này ở đời sao?

Gia chủ giật mình tỉnh giấc, mồ hôi túa ra ướt cả người.

NGHIỆP HAY NGHIỆN

Đậu nổi tiếng khắp vùng là tay tửu lượng cao, ngày nào cũng sáng xỉn chiều say tới sương sương; có tiền thì mời

ngon bia xịn, khi túng thì vài xì để cũng xong. Đậu vẫn cười chê những người không biết uống, lại xô nho:

- Nam vô tửu như kỳ vô phong!

Một ngày kia phải đi cấp cứu vì bao tử xuất huyết. Bác sĩ còn phát hiện ra nào là xơ gan, thống phong... Bạn bè đến thăm. Đậu rên rí:

- Nghiệp đến thì đành chịu thôi!

Bạn bè có người tánh nóng:

- Nghiệp hay nghiện? dù muộn nhưng sửa để trị vẫn hơn.

CẬU ẤM

Vốn con quan, nhà giàu có và thế lực mạnh một vùng nên cậu ăn chơi mát trời ông địa. Nhưng để tiện bổ nhậm, cha cậu buộc cậu đi thi. Quan vốn biết con mình nên lệnh cho chánh chủ khảo sắp xếp việc thi, chăm bài, nâng điểm... kết quả cậu đỗ đầu bảng. Có người nấp được chứng cứ bèn tố ra. Dân tình, sĩ thứ xô xao:

- Nó đồ cao, nay mai lại làm quan! Thiên hạ này sẽ ra sao?

Quan và đồng liêu nghe được giận lắm, đồng thanh:

- Bọn thù địch bêu xấu cậu ấm tức bồi nhọ triều đình ta!

ĐỒNG

Quan có tiếng độc ác và gian tham, với dân thì bóc lột thậm tệ, với đồng liêu thì không trừ bất cứ thủ đoạn nào nhưng mở miệng ra thì nói toàn đạo nghĩa:

- Bồn quan và bá tánh

tuy khác địa vị nhưng là đồng loại.

Truyền thông sợ nên im tiếng, riêng dân mạng thì nhao nhao phản đối, vạch mặt chẳng chút kiêng nể:

- Quan ác với đồng bào, chơi đùa với đồng chí, thủ đoạn với đồng liêu, gian trá với đồng đạo... chỉ yêu mỗi đồng tiền!

Có kẻ còn cảnh báo:

- Không thức tỉnh sẽ đồng hội đồng thuyền với Gadhafi (*).

CÒN LẠI CHÚT NÀY

Xứ ấy nổi tiếng khắp thế gian này với trò đấu bò tốt. ngày xưa giàu lắm, quyền lực bao cả một vùng rộng lớn. Triều đình cử người đi khai phá xứ khác, dùng thuyền chở bao nhiêu vàng bạc về cố quốc. Lại đem đức tin, ngôn ngữ của mình áp đặt lên Tân Thế Giới này! Thế gian vô thường, xứ bò tốt cũng suy tàn. Riêng chỉ ngôn ngữ thì vẫn còn thịnh đến hôm nay:

"Bạc vàng quyền hạn một thời

Huy hoàng dĩ vãng một trời

trắng mây

Giờ còn lại một chút này

Ấy là ngôn ngữ đã dày

dụng công."

STEVEN N
Georgia, 8/2018

(*) Tổng thống Lybia

MỖI KỲ MỘT MÓN CHAY

CHÁO NẤM TRÀM



Nấm tràm có tác dụng thanh nhiệt giải độc là nguyên liệu không thể thiếu trong món chay

Cháo nấm chàm chay sẽ là món chay thanh lọc, hạ nhiệt cơ thể trong những ngày hè oi bức. Cách nấu cháo nấm chàm chay rất đơn giản dễ làm mà chắc chắn bạn sẽ yêu thích.

Nguyên liệu cho món chay:

- 100g nấm tràm
- 100g nấm rơm
- 1 củ cà rốt
- 1 củ su su
- Hành ngò
- Hành tím phi thơm
- Gừng cắt sợi

Cách làm:

- Nấm tràm ngâm cho nở, cần phải rửa kỹ vì nấm tràm thường rất nhiều cát. Bạn có thể để nguyên tại nấm nếu nấm nhỏ, hoặc cắt nhỏ ra để nấu cháo
- Nấm rơm rửa sạch cắt đôi, bạn có thể nấu chung với nấm bào ngư nhỏ rất ngon
- Cà rốt, su su cắt khúc vừa ăn
- Hành ngò rửa sạch cắt nhỏ
- Gạo rang trên bếp cho thơm. Cho vào nồi nấu trên bếp. Nấu đến khi gạo vừa chín hạt cơm thì cho nấm tràm, nấm rơm, cà rốt, su su vào cho đến khi chín mềm.
- Cho cháo ra chén, cho ít hành tím phi, hành ngò, gừng là bạn đã có một chén cháo nấm tràm chay cực kỳ ngon miệng.



Món chay: Cháo nấm tràm ngon bổ dưỡng

Chúc bạn thành công với món chay Cháo nấm tràm!

(Nguồn: nhahangamthuc)

Chú thích: Tbsp: tablespoon (muỗng canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muỗng cà-phê), khoảng 5ml.

HÃY LÀ MỘT BỆNH NHÂN SÁNG SUỐT

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức



Các cụ ta xưa nay vẫn có câu nói “Phúc Chủ, Lộc Thầy” khi đề cập tới mối tương quan giữa thầy thuốc—bệnh nhân.

Chữa được khỏi bệnh là nhờ âm đức ông bà của người bệnh còn thầy thuốc chỉ góp phần khiêm tốn. Đó là vào thời xa xưa, khi mà kiến thức chuyên môn của các vị lương y căn cứ vào kinh nghiệm của thầy, của chính mình, chứ không có hướng dẫn quy mô và khoa học thực nghiệm hỗ trợ.

Ngày nay thì y khoa học đã tiến rất xa trong việc tìm bệnh, trị bệnh cũng như phòng bệnh. Kết quả các nghiên cứu được hệ thống hóa, ghi thành cả kho tài liệu trong sách báo cũng như trên internet để mọi người tham khảo. Người thầy thuốc phải trải qua cả mười năm để học hỏi kiến thức, kỹ thuật chuyên môn, cho nên họ được trang bị khá đầy đủ trước khi “xuống núi, cứu nhân độ thế.” Họ đóng vai trò quan trọng trong việc cứu chữa bệnh. Trong khi đó, vì rừng kiến thức y khoa quá nhiều, người bệnh không thu nhận được hết, nên họ tùy thuộc vào bác sĩ. “Thôi thì trăm điều ‘nhờ’ ở sự mát tay của quan đốc.”

Nhưng “nhờ” chưa đủ mà còn cần “hợp tác” với bác sĩ.

Một bác sĩ tận tâm cộng với “con bệnh sáng suốt” biết phải làm gì, sẽ dễ dàng thành công hơn trong cuộc chiến chống lại nạn y.

Trước hết là làm sao có được một bác sĩ mà mình tin tưởng để trao thân, gửi phận về phương diện điều trị chăm sóc sức khỏe. Bác sĩ nào cũng quan trọng, nhưng vị lương y gần gũi với mình hơn cả là Bác Sĩ Gia Đình.



Thay vì điều trị một cơ quan, bộ phận, một loại bệnh như các bác sĩ chuyên ngành khác, bác sĩ gia đình được huấn luyện để chữa trị “thượng vàng, hạ cám” toàn thân người bệnh, dù là nam hoặc nữ, già hay trẻ, bệnh cấp tính hay kinh niên.

Vị đó cũng là người thực hiện các xét nghiệm sớm tìm ra bệnh cũng như hướng dẫn bệnh nhân trong nếp sống hàng ngày để phòng tránh bệnh. Nếu có khó khăn, bác sĩ gia đình cũng không ngần ngại hỏi ý kiến hoặc giới thiệu tới bác sĩ chuyên môn khác. Vì y học là lãnh vực quá rộng lớn, rất khó khăn cho một người có được đầy đủ các kiến thức.

Ngoài khả năng chuyên môn cao, bác sĩ tận tâm cũng nên dành cho bệnh nhân một khoảng thời gian vừa đủ để nghe kể lể rồi giải thích bệnh tình, trị liệu cho người bệnh.

Cái mục kể lể này xét ra cũng rất quan trọng.

Sáng suốt, thứ tự kể hết bệnh tình, dù là chi tiết tưởng như nhỏ nhặt.

Các điều mà bác sĩ cần biết gồm có:

- Tất cả các bệnh hiện có hoặc đã xảy ra trong quá khứ

- Danh sách tất cả các dược phẩm đang dùng, dù là do bác sĩ cho đơn, mua tự do hoặc được thảo.

- Đã chích ngừa loại bệnh nhiễm nào.

- Y sử thân nhân, gia đình

- Tại sao tới bác sĩ hôm nay?

Nghĩa là nói hết mọi chi tiết về bệnh. Dù là phong tình, giang mai, lậu mủ trong quá khứ hoặc kém ước tình chẵn gối hiện giờ. Thầy thuốc trị bệnh chứ không phán xét hành vi, hạnh kiểm của mình mà phải e dè, mặc cỡ.

Trước khi gặp bác sĩ, nên ghi các điều muốn nói trên miếng giấy, rồi thứ tự trình bày. Nhiều khi, vì quá xúc động trước mặt lương y mà mình quên chi tiết này, dấu hiệu kia, một chuyện thường xảy ra cho mọi người. Nên nhớ bác sĩ cũng như nhà thám tử điều tra, cần có các dữ kiện do bệnh nhân cung cấp để tìm phương thức giải quyết vấn đề.

Đừng “chần chừ,” chờ coi xem bệnh tiến triển ra sao rồi mới đi khám. Vì đôi khi quá trễ. Một cơn đau bụng ngầm ngầm có thể do ruột dư vỡ mủ. Phân lẫn những vết máu đỏ tươi có thể do ung thư ruột già. Không sớm mổ, không đi nội soi ruột ngay thì nhiễm trùng vùng bụng nghiêm trọng và ung thư đại tràng có thể đã

thành hình. Để rồi tự trách mình coi thường, sao lãng, mà bác sĩ cũng tốn nhiều công sức điều trị.

Kể rồi cũng cần hỏi thêm các điều liên quan tới bệnh mà mình chưa biết. Đừng ngần ngại. Nếu không nêu ra thắc mắc, bác sĩ cho là mình đã thấu hiểu tất cả các điều mà họ đã nói.

Ghi rõ các chi tiết cần thiết để khỏi quên. Nhiều bệnh nhân cần thận, xin phép bác sĩ cho ghi âm và mang theo người thân để nhớ hộ.

Đừng tự làm thầy thuốc, tự cho toa hoặc tự ý thay đổi toa thuốc của bác sĩ. Chỉ định rằng uống 10 ngày thì cứ uống hết trong 10 ngày, vì bệnh cần số thuốc như vậy để lành. Ngưng thuốc giữa chừng, gia giảm liều lượng mà không hỏi ý kiến lương y thì chỉ "giúp" bệnh lâu hết và trở lại mau hơn.

Cũng chẳng nên "bác sĩ cho tôi kháng sinh này, viên con nhộng kia," vì lần trước thuốc đó làm bệnh hết ngay. Mỗi bệnh có nguyên nhân khác nhau, mỗi tác nhân gây bệnh chỉ nhạy cảm với thuốc riêng biệt. Chứ làm gì có thuốc trị dứt được bá bệnh như thường nghe quảng cáo trên đài, trên báo, trên bươm bướm tờ rơi.

Nếu có một bệnh thường hay tái diễn thì nên cho bác sĩ coi toa thuốc hoặc chai đựng thuốc cũ để bác sĩ dựa vào đó mà điều trị, với thay đổi đôi chút. Như vậy tiết kiệm được thời gian. Nhưng đừng tự tiện ra tiệm mua thuốc đã dùng về uống vì bệnh có thể hơi khác trước, khiến cho thuốc giảm công hiệu. Và không bao giờ dùng dược phẩm đã quá hạn, thay đổi màu sắc, cấu tạo.

Như đã nói, ngày nay có rất nhiều nguồn cung cấp các kiến thức về bệnh tật, thuốc men, về điều trị, phòng tránh cũng như những quảng cáo, giới thiệu. Trên internet, qua truyền thông báo chí. Vì quá nhiều đôi khi lại trái ngược nhau nên đôi khi cũng khiến mọi người ngần ngại, chẳng biết thực hư ra sao. Có người dè dặt nói rằng "Đừng tin mọi điều mình đọc" kể cũng quá đa nghi. Nhưng cần tắc vô ưu.

Trước hết coi xem kiến thức đó từ đâu mà ra.

Do một nhà chuyên môn y học phổ biến hoặc biên tập, góp ý với bài viết của người ngoài lãnh vực.

Đó là một sự kiện có chứng minh hay chỉ mới là một ý kiến.

Kiến thức có cập nhật hay là đã quá xưa, vì hiện nay khám phá khoa học ngày càng mới, càng nhiều.

Đặc biệt là những "thông tin" có tính cách hướng dẫn làm sao cho khỏe mạnh mà lại kèm theo giới thiệu một số sản phẩm "đặc chế, gia truyền" đã được giáo sư này, bác sĩ kia khen ngợi, đang dùng.

Sáng suốt để hiểu rõ quyền hạn của người bệnh. Hoa Kỳ có Patient's Bill of Rights do Hiệp Hội các Bệnh viện viết năm 1972 và cập nhật năm 1992 trong đó có ghi các quyền hạn này.

Hy vọng là quê hương mình cũng sớm có

HỒ TRƯỜNG TRẮNG VẪN XANH

(gởi An)

*và ký ức mở ra
lòng bát ngát cõi trắng xanh
dòng sông đêm vườn hương diu dặt
như thính. như ru
những hạt sương lá ướt mặt thêm
ngây say triệu chấm sao trên trời hát
kinh ngọc nữ
bản đàn chùng xuống thăm sâu
người và đêm trôi về một xứ
cát đá
bàn tay thổi nhiệm màu
những móng sắc linh thân cào lướt
nức nở hoan cầm giọt châu
sống lại hết một mùa thương tưởng
gió choàng vai lên dịu hiền
ô tiếng hát xanh nhọt nguyệt
nguồn yêu thương đã trở về trở về
bức tranh đầy tuổi
nhớ
cuộc di hành tháng ngày mộng lung
hiện ra khung đời rực rỡ
đêm bội hương
trăm mặc vô cùng*

thơ HOÀNG XUÂN SƠN

"Bill" này.

Để bệnh nhân được chăm sóc chu đáo, tôn trọng nhân vị.

Để biết rằng những gì ghi trong hồ sơ bệnh lý của mình là mình có quyền coi lại và xin bản sao, khi cần.

Mình cũng có quyền bổ túc điều mình đã khai mà hồ sơ không ghi lại.

Cũng có quyền biết kết quả các thử nghiệm và được giải thích ý nghĩa.

Hồ sơ không được tiết lộ cho ai, ngoại trừ khi có yêu cầu của cơ quan tư pháp, công lực hoặc y tế dự phòng để bảo vệ sức khỏe chung.

Kể ra còn nhiều điều mà người bệnh sáng suốt cần biết cần làm. Nhưng thực hiện được các điều kể trên cũng tạm đủ rồi.

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức
www.bsnguyenyduc.com

Trường Bồ Đề

TIỂU LỤC THẦN PHONG

Đã mấy mươi năm trôi qua thế mà người dân quê tôi vẫn quen gọi là trường Bồ Đề, nói đầy đủ là Bồ Đề Nguyên Thiều. Nếu có khách lạ đến hỏi trường ABC... thì chẳng ai biết nhưng nói trường Bồ Đề thì mọi người ai ai cũng biết. Trường nằm bên bờ sông mà mùa nắng thì khô cạn, mùa mưa thì nước cuộn cuộn hung dữ vô cùng. Bọn học sinh chúng tôi vẫn thường bảo nhau: Thủy Tinh đang đánh với Sơn Tinh đấy!

Trường đã dạy nhiều thế hệ tử cha, anh cho đến bọn chúng tôi sau này. Ngày còn nhỏ chúng tôi đâu có biết ý nghĩa Bồ Đề Nguyên Thiều là gì, cứ ngỡ sân trường có mấy cây bồ đề nên gọi là trường Bồ Đề, giống như ta gọi: Chợ Cây Me, Cầu Cây Da, Miếu Cây Gạo... Ngôi trường thân thiết với bao thế hệ học sinh, gắn bó với người dân quanh vùng. Bởi vậy sau này bị đổi tên khác nhưng chẳng ai thèm gọi tên mới cả! Cách vài trăm mét là ngôi tịnh xá cũng rất thanh tịnh, mặc dù đơn sơ nhưng đẹp và yên ả vô cùng. Mỗi ngày hai buổi đến trường đều đi ngang qua tịnh xá, hai trụ cổng to lớn có đắp nổi hai hàng chữ:

"Khất sĩ y bát chơn truyền đạo

Ta Bà du hóa độ nhưn sanh."

Tôi chẳng biết vì sao mà hai câu này khắc sâu vào trong tâm khảm mình chẳng bao giờ quên, mặc dù ngày ấy còn quá nhỏ đâu có biết nghĩa nó là gì. Mấy mươi năm trôi qua với nhiều đổi thay, có nhiều người đã trở nên nhạt nhòa trong ký ức, có nhiều việc đã hoàn toàn lãng quên; ấy vậy mà hai câu đối này nó vẫn rõ mồn một trong tôi, nó

vẫn hiện hiện bên mình từng giờ từng phút, chưa bao giờ quên.

Cứ mỗi sáng mấy vị sư từ tịnh xá đi khất thực. Hình bóng các vị sư chân trần từng bước lặng lẽ đi qua chợ làm lòng tôi có một mối rung cảm lạ thường. Tôi vẫn để ý nhìn xem có ai đặt thức ăn vào bình bát không? Hễ thấy ai đặt vào là lòng tôi vui sướng lạ, thế như mình được nhận quà vậy. Những chiều tan học về thế nào chúng tôi cũng ghé vào tịnh xá chơi. Tôi thích nằm bên hiên của ngôi điện bát giác dưới tàng cây bồ đề mát rượi. Nằm mơ mộng hưởng gió từ sông thổi vào. Bọn trẻ con hoang đàng sống quanh tịnh xá thường hay vào hái trộm trái cây và phá phách. Có lần thầy nói: *"Nhất quỷ nhì ma, thứ ba học trò."*

Tôi về nhà hỏi ba nghĩa là gì. Ba tôi bảo những đứa trẻ phá phách, tinh nghịch.

Thầy la bọn nó vì sợ bọn nó trèo cây mà té chứ chẳng phải thầy tiếc gì mấy trái cây! Tôi lại hỏi ba: "Sao mấy ông thầy ở tịnh xá mặc cà sa khác với mấy thầy ở chùa? Sao mấy thầy ở chùa không đi khất thực? Sao tịnh xá chỉ thờ có một tượng Phật Thích Ca mà chùa thờ nhiều tượng Phật vậy?" Rất nhiều những câu hỏi tò mò của tuổi thơ đều được ba tôi giải thích thỏa đáng. Giờ đây tôi mới nhận ra ba chính là người khai tâm đầu tiên của tôi, ba là vị thầy dẫn đạo đầu tiên của tôi!

Sau mấy mươi năm vào đời giờ thì tôi đã hiểu vì sao là trường Bồ Đề. Thật đúng như tên gọi, trường đã giáo dục bao thế hệ, đã giác ngộ bao nhiêu người, đã thức tỉnh những tiềm năng của học sinh. Ngoài Bồ Đề lại còn Nguyên Thiều nữa! thật vinh hạnh biết bao khi trường mang tên của một vị thiền sư lớn và danh tiếng suốt từ mấy trăm năm nay của xứ Đàng Trong. Thiền sư Nguyên Thiều vốn người Triều Châu đã đến đây vào đời chúa Nguyễn Phúc Tần và đã khai sơn lập nên chùa Thập Tháp Di Đà, chùa Quốc Ấn, tháp Phổ Đồng... Dòng truyền thừa còn mãi đến hôm nay.

Trường Bồ Đề Nguyên Thiều nằm kế bên Tịnh Xá Ngọc Long, kể cũng lạ mà hữu



duyên sao! Hình ảnh một thiền sư của Phật giáo đại thừa với một tổ sư khất thực tồn tại song song với nhau ấy chẳng phải "Trung Đạo" sao? Cho dù hai phái có những phương pháp khác nhau nhưng đều có chung mục đích: khai ngộ, giác ngộ và độ chúng sanh! Cây bồ đề có thể to nhỏ, có thể trước sau khác nhau nhưng chẳng hề xung khắc nhau. Tất cả cùng cắm rễ vào lòng đất mẹ, tất cả cùng che mát cho đời.

Dòng đời liên tục biến thiên, lẽ vô thường thịnh suy không ngừng thay đổi, sự sanh diệt vẫn trong từng sát-na. Thời gian như nước sông chảy mãi không ngừng. Mới mà đã mấy mươi năm xa trường, bạn bè giờ tàn mác bốn phương. Có người làm quan, có kẻ lận đận công danh cũng không ít đứa phiêu bạt chân trời góc bể. Nhưng có một điều tôi biết chắc chắn ai cũng nhớ trường Bồ Đề ngày xưa. Bây giờ nó mang tên khác, có thể một hai thế hệ nữa, những lớp trẻ sau này không còn ai biết trường Bồ Đề đã từng tồn tại trên quê hương mình! Lịch sử thăng trầm theo năm tháng, có những ngôi chùa từng bị đốt phá, có những đền tháp, bia đá bị hủy hoại... nhưng ký ức, bóng dáng nó thì mãi mãi còn trong tâm thức con người; mãi mãi được ghi vào sử sách. Trường Bồ Đề không phải là ngôi chùa, cũng không dạy đạo... ấy vậy mà hướng bao người cái chơn, thiện, mỹ. Nội hai chữ Bồ Đề cũng gợi lên bao nhiêu ý nghĩa và hình bóng của nó in sâu trong tâm khảm mọi người.

Bọn con trẻ chúng ta lớn lên ở hải ngoại, thụ hưởng một nền giáo dục hiện đại, tân tiến và nhân bản. Chúng có cuộc sống sung túc, tự do và được bảo vệ an toàn... Nhưng chúng lại "thiếu" đi một hình bóng Bồ Đề như thế hệ cha ông. Cũng may là hôm nay những ngôi chùa Việt đã và đang lập ở khắp mọi nơi. Những ngôi chùa này là những cây bồ đề mới đã cắm rễ vào miền đất mới. Những cây bồ đề hải ngoại ngày một lớn mạnh và phát triển. Cuộc sống ở phương trời hải ngoại không giống như cổ quận, không thể tan học ghé qua chùa hóng mát nghe chuông... Nhưng ít ra ngày cuối tuần cũng được đến chùa để hưởng chút bóng mát của Bồ Đề. Những ngôi chùa hải ngoại sẽ giúp ta hoài niệm về tổ tông, về cố quận, về dĩ vãng một thời!

TIỂU LỤC THẦN PHONG
 Ất Lăng thành, 4/2018

CÓT NHỤC TÌNH THÂM

(Ngày giỗ ba)

*Thu đến lá vàng bay đầy lối
 Báo hiệu Rằm tháng hội Vu Lan
 Vu Lan nhớ lại gương tích cũ
 Ngàn năm lưu dấu mãi khắc ghi
 Công ơn cao cả hơn núi Thái
 Cha già tận tụy suốt vì con
 Một đời quần lưng vai nặng trĩu
 Diu hết con thơ cuối đoạn đời
 Lòng mẹ sâu hơn biển Thái Bình
 Chín tháng ba năm mòn thân thể
 Mẹ hiền vất vả con khôn lớn
 Đến phút hơi tàn chỉ vì con
 Mẹ cha không quản thân tàn tạ
 Đói khát khi nhà nhờ sa cơ
 Nhịn ăn nhịn mặc con no đủ
 Cũng thấy an vui ngập cõi lòng
 Tiếng trẻ ê a từng con chữ
 Là cả gian truân đắng sanh thành
 Vì con không quản thân mòn mỏi
 Một nắng hai sương chẳng muộn phiền
 Rồi con khôn lớn cha tóc bạc
 Mẹ hiền chống gậy cũng vì con
 Thân cò lặn lội bao năm tháng
 Ân nghĩa sinh thành chưa trả xong
 Rồi một chiều tà Ba đi mãi
 Hoàng hôn phủ kín gian nhà nhỏ
 Ngó trước nhìn sau lòng hiu quạnh
 Hình bóng thân sinh biệt đâu rồi?
 Con tiền ba về bên cõi Tịnh
 Khăn trắng áo sô lòng thất quận
 Năm đất xin tiền người thân phụ
 An nghỉ nghìn thu một giác dài
 Nghe kinh Phật dạy ơn cha mẹ
 Biết đến bao đời mới đáp xong
 Một lòng tu niệm xin hồi hương
 Cực lạc ao sen ba hướng về.
 Chắp tay thâm nguyện xin chư Phật
 Phóng ngọc hào quang tiếp dẫn người
 Thoát khỏi luân hồi xa biên khổ
 An nhàn thanh tịnh chốn tây phương.*

thơ

THÍCH NỮ GIỚI ĐỊNH

Cửa tuy đất cát lòng con kính thành

Soạn giả: **THÍCH MINH CHIẾU**
(Truyện Cổ Phật Giáo)

Hôm ấy nghỉ học, sáu đứa bé cả trai lẫn gái thân hình cũng như trạc tuổi xấp xỉ ngang nhau, chúng rủ nhau lại trong chiếc sân rộng mát trước nhà em Lê Xa, con của ông bà Đăng Quang, một gia đình lễ giáo rất sùng thượng để chơi trò chơi mà mấy hôm nay chúng không chơi được vì mưa lạnh. Không biết trò chơi này ai bày ra và đâu truyền đến mà đứa bé Ấn Độ nào cũng biết và rất thích chơi, nhất là những lúc có mặt độ năm bảy đứa.

Sau phút họp mặt chúng liền phân phối công việc để sắm sửa cuộc chơi. Mấy em gái thì đi chợ và nấu cơm,

mấy em trai xây nhà và chưng dọn.

Nguyên liệu làm nhà là những viên gạch bé, những tấm ván thừa. Nhà thì có nhà song không ở và làm gì trong nhà được cả. Bông hoa, đồ dùng đều phải chưng dọn bên ngoài. Chợ chúng là hàng rào râm bụt, hoa đỏ lá xanh là những thức ăn ngon lành để mua. Gạo thì có sẵn bên hè nhà chỉ còn xúc nấu: Ấy là cát. Tuy nhiên, Li Tư em bé gái phụ trách nấu cơm vẫn giả bộ bêm hèm, buộc huốc chum hum thổi phờ qua những khe củi không bao giờ cháy vì tươi xanh và không có lửa, thức ăn thì không cần

nấu, sau khi mua về chúng ngắt vụn và cứa nhỏ vào bát đĩa là xong, nói bát đĩa cho oai chứ toàn là những miếng mảnh sành, nắp hộp và khu chén. Còn đĩa thì rất sẵn ở bờ đậu chúng tự bẻ lấy.

Hí hoáy, chạy ngược chạy xuôi la thúc hối trong chốc lát thì tất cả đậu vào đây: Thức ăn đều được sắp lên bàn, thật là giản dị chỉ là cái đôn, có nài chuối tráng miệng, không biết chúng tạo đâu ra hay lượm trong thùng rác của chị bếp.

Bày biện xong xuôi, chúng mời nhau lại để khai mạc buổi tiệc. Đang xúm vít vây quanh chiếc bàn thấp lè tè thì bỗng nhiên đôi mắt tròn xoe của Lê



Xa hướng về những người đức hạnh trong những bộ áo cà sa vàng nghiêm trang vượt qua hàng cây trước bờ rào, rồi tất cả lũ trẻ quay mặt nhìn theo... Bữa tiệc chưa bắt đầu nhưng đã bị gián đoạn vì đoàn người kia khoan thai, im lặng bước vào cổng. Lệ Xa liền rời khỏi bàn ăn chạy ngay đến trước Đức Phật chấp tay vái chào và kính thưa:

"Thưa Ngài, thầy mẹ con hôm nay có việc phải qua làng bên cạnh."

"Tốt lắm! Thôi con trở vào chơi với bạn," Đức Phật bảo Lệ Xa.

Ngần ngừ không lui bước, Lệ Xa tỏ vẻ vì không có gì để cúng dường. Mọi hôm, vào giờ này khi Phật và Chư Tăng đi ngang là cha mẹ Lệ Xa thường hay dâng cúng vật thực.

Đoán biết em bé Lệ Xa muốn thưa thỉnh điếu chỉ nên Ngài chưa đi vội.

Bỗng Lệ Xa nhanh nhẩu về phía bạn nhanh tay bưng ngay bát cơm to nhất trên bàn đem dâng cúng Phật với đôi tay tín thành kính cẩn.

Các đệ tử đứng sau đều lấy làm lạ, xăm xì và hỏi nhau về thứ lễ vật lạ kỳ mà em bé đang dâng cúng. Chính lũ trẻ, bạn của Lệ Xa cũng không hiểu Lệ Xa đang làm gì và rất lo ngại cho nó...

Đỡ lấy bát, Đức Phật nói với giọng trong thanh, hiền dịu: "Của tuy đất cát, lòng con kính thành. Như Lai nhận cho con."

Đoạn Ngài trao bát cơm ấy cho Tôn giả A Nan, dặn đem về vải lên nền nhà Ngài ở. Nhìn khắp các đệ tử, Ngài dạy thêm:

"Em bé này có tâm hoan hỷ cúng dường, nhờ công đức ấy một trăm năm sau sau khi Như Lai nhập diệt, em bé sẽ làm vị Quốc Vương tên là A Dục. Vị lãnh tụ này sẽ là một người hộ pháp đặc lực, rất tôn sùng Tam bảo, biết phân chia Xá Lợi, xây tám vạn bốn ngàn ngôi tháp để tôn thờ, biết đem Chánh Pháp áp dụng trong công việc trị dân, giúp nước, tiếng tăm lừng lẫy..."

Tôn giả A Nan lại ngạc



MƯA PHÁP ĐẤT TÂM

*MƯA nhe nhẹ hạt thoảng hương xuân,
PHÁP giới an nhiên rửa nghiệp trần.
ĐẤT nây mầm thơm hoa tỉnh thức,
TÂM nhuân sương ngọt nước trong ngần.*

thơ CHÂN MINH TRÍ

nhiên hơn nữa liền bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn em bé này chỉ cúng dường chút ít đất cát mà sao lại được phước báu nhiều như thế, nhất là được nhân duyên xây tám vạn bốn ngàn ngôi tháp để cúng dường Xá Lợi?"

Đức Phật ôn tồn giải đáp:

"Này A Nan và tất cả đại chúng. Không phải chỉ trong kiếp này mà ở một tiền kiếp xa xưa em bé đã là một vị Quốc Vương tên Ba Tắc Bỳ luôn luôn được cúng dường Đức Phật Phất Sa, và nghĩ đến nhân dân chưa có dịp được chiêm ngưỡng đức tướng trang nghiêm của Đấng Giác ngộ, người đã mời rất nhiều họa sĩ vẽ tám vạn bốn ngàn bức tượng để lưu truyền khắp mọi nơi. Nhờ công đức ấy cộng thêm việc đang làm trong hiện tại mà sau này em bé sẽ được vô lượng phước báu và nhất là được có nhân duyên xây tám vạn bốn ngàn ngôi tháp để tôn thờ Xá Lợi."

Nghe đến đây Tôn giả A Nan và toàn thể đại chúng

mới hết nghi ngờ.

Riêng về Lệ Xa thì em sung sướng và thỏa mãn vô hạn vì đã được Đức Phật tiếp nhận lễ vật và tự tay em làm ra dâng cúng.

Lũ trẻ này giờ đứng xa nhìn lại, bây giờ sau khi nghe, thấy và nhận biết lòng thương bao la rộng rãi của Đức Phật chúng rủ nhau đi gần lại và vây quanh Ngài.

Giờ đã gần hết, Đức Phật và các đệ tử phải tiếp tục đi hóa trai. Trước khi ra đi, một lần nữa Ngài sờ đầu và chú nguyện cho Lệ Xa thường được sức khỏe, học tập tiến bộ và Ngài dặn thêm lũ trẻ:

"Các con chơi với nhau cho hòa thuận, vui vẻ nhé!"

Đoàn người thanh tịnh khuất dần trong ngả xóm, nhưng lũ trẻ mãi nhìn theo không chớp mắt.

Đại Chí

*"Tam Bảo là ruộng phước phi
nhiều cho chúng sanh gieo
giống."*

TƯỜNG NIỆM 10 NĂM ĐẠI LÃO HT. THÍCH HUYỀN QUANG VIÊN TỊCH BÌNH SA



Ontario, Nam California (Bình Sa) - Vào lúc 10:30 sáng Thứ Bảy ngày 30 tháng 6 năm 2018, tại Chùa Quang Thiện, số 704 E. đường "E" Street, Ontario, CA 91764, do Hòa Thượng Thích Minh Dũng, Phụ Tá Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Văn Hóa Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ, Viện Chủ Chùa Quang Thiện và Tu Viện Sơn Tùng cùng môn đồ pháp quyến đã long trọng tổ chức Lễ Tường Niệm và Húy Kỳ Lần Thứ 10 Đức Đệ Tứ Tăng Thống GHPGVNTN Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang, và 5 năm Đại Lão Hòa Thượng Thích Nguyên Lai, Chứng Minh chùa Quang Thiện viên tịch.

Khoảng 300 Chư Tôn Giáo Phẩm, Chư Tôn Đức Tăng Ni và hàng trăm đồng hương Phật tử tham dự.

Chứng minh và Tham dự lễ gồm có: HT. Thích Thăng Hoan, Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTN/HK; HT. Thích Tín

Nghĩa, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN/HK; HT Thích Nguyên Trí, Phó Chủ Tịch Nội Vụ Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN/HK; HT. Thích Quảng Thanh, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Trên Thế Giới; HT. Thích Viên Lý, Chủ Tịch Tăng Đoàn GHPGVNTN/Hải Ngoại; HT. Thích Chơn Trí, Phó Chủ Tịch TĐGHPGVNTN/HN, Viện Chủ Chùa Pháp Vân; HT Thích Nhật Quang, Đệ Nhị Phó Chủ Tịch Nội Vụ Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN/HK; HT. Thích Minh Tuyên, Phó Chủ Tịch Ngoại Vụ HĐĐHGHPGVNTN/HK; HT. Thích Pháp Tánh, Viện Chủ Tu Viện Hoa Nghiêm; HT. Thích Trí Lăng; HT. Thích Thông Hải, Đệ Nhị Phó Chủ Tịch Ngoại Vụ HĐĐHGHPGVNTN/HK; HT Thích Thiện Long, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Kinh Tế Tài Chánh GHPGVNTN/HK; HT. Thích Minh Dũng, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Văn Hóa GHPGVNTN/HK; HT. Thích Minh Mẫn Viện Chủ Tổ Đình Chùa Huệ





Quang; HT. Thích Như Minh, Viện Chủ Chùa Việt Nam; HT. Thích Minh Hồi, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Tài Chánh GHPGVNTN/HK; HT. Thích Nhật Huệ, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Thanh Niên GHPGVNTN/HK; HT. Thích Huệ Minh, HT. Thích Tâm Vân, HT. Thích Giác Sĩ, Phó Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Hoằng Pháp GHPGVNTN/HK, cùng nhiều Chư Tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức, quý Ni Trưởng, Ni Sư, Sư Cô, nhiều nhân sĩ tri thức Phật Giáo, đại diện các cơ quan truyền thông báo chí, và đồng hương Phật Tử, v.v...

Trước khi buổi lễ bắt đầu,, toàn thể môn đồ pháp quyến do HT. Thích Minh Dung đại diện làm lễ tác bạch thỉnh sư kinh hành đến lễ đài, tại đây môn đồ pháp quyến dâng lễ tạ ơn.

Nghi thức lễ tưởng niệm bắt đầu.

Sau phần nghi thức tưởng niệm, Ban tổ chức cung thỉnh Hòa Thượng Thích Tín Nghĩa, Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN/HK lên tuyên đọc tiểu sử của Đức Đệ Tứ Tăng Thống, Đại Lão HT. Thích Huyền Quang, trong lúc này Đạo hữu Quảng Tuệ đọc tiểu sử của Ngài bằng tiếng Anh.

Sau phần tuyên đọc tiểu sử, Ca Sĩ Hồ Quốc Việt-Đức Khánh lên hát bản "Hoài Niệm Ân Sư".

Tiếp theo Đạo Từ của Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Thăng Hoan, Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTN/HK chứng minh buổi lễ. Trong phần Đạo từ có đoạn

Trưởng Lão HT nói: "*Mười năm đi qua sao như mới hôm nào gần đây, mới đó mà 10 năm vắng bóng của Đức Đệ Tứ Tăng Thống, Đại Lão HT. Thích Huyền Quang. Ngài là ánh nhật nguyệt tròn sáng của Phật Giáo đương đại. 26 năm Ngài bị lưu đày, quản thúc chỉ vì đòi hỏi Phật Giáo Việt Nam phải được tự do sinh hoạt thuần túy tôn giáo của nó.*"

Trưởng Lão HT. tiếp:

Nuôi lớn trí đức: Người con Phật phải thường xuyên ôn học giáo pháp và hành trì nó trong cuộc sống hằng ngày. Từ đó trí đức ngày một thêm lớn để mang lại sự an bình cho ta và người.

Tập sống đời phụng hiến: Sống cho người tức sống cho ta. Cảm ơn mọi nghịch cảnh và người được ta giúp. Vì đó là đất lành cho cây bi trí lớn mạnh.

Đuốc đuốc thắp sáng: Đệ tử Phật là người được đón nhận ngọn đuốc được trao nầy trong mọi bước chân ta đến và đi. Đặc biệt chư huynh đệ đang sống tận trời Âu-Mỹ.

Mọi tổ chức Phật Giáo chỉ là phương tiện thiện xảo tiếp thế để làm hiển lộ Phật đạo. Phật đạo là gốc cây. Tổ chức là cành. Cành gốc bất nhị để tương tồn và hiệp lực cho nhau. Phải sáng suốt để tránh mọi bất hòa giữa những cành nhánh của một thân cây.

Xin đừng quên: Đừng quên mình là người Việt Nam của ngàn năm văn hiến. Da thịt nầy là của báu của quốc tổ bao đời. Hồn phách nầy là nghĩa khí tích tụ của hồn thiêng non nước.



Hôm nay chúng con về đây để dâng lễ tưởng niệm, kỷ niệm 10 năm Ngài viên tịch. Chúng con nguyện tay trong tay, lòng bên lòng để diu nhau băng qua dòng sông cuộn chảy giữa đất trời Âu Mỹ. Xin Ngài độ trì cho chúng con."

Sau đó, Cảm niệm của Đạo hữu Quảng Thành Bùi Ngọc Đường là một Phụ tá thân cận của Đức Đệ Tử Tăng Thống. Đạo hữu Quảng Thành cho biết:

Hồi tưởng về Đại Lão Hòa Thượng Đệ Tử Tăng Thống, không riêng gì chúng con mà hầu như tất cả các thành viên từng phục vụ giáo hội trước 1975, từ trung ương đến địa phương, từ Bến Hải đến Cà Mau, Tăng Ni cũng như cư sĩ, đều nhớ đến hình ảnh vị Thượng Tọa Tổng Thư Ký Viên Hóa Đạo. Ngài được Đại Hội thành lập Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tháng 1 năm 1964 cung thỉnh vào chức vụ Tổng Thư Ký Viên Hóa Đạo và được lưu nhiệm cho đến Đại Hội 6 năm 1974. Đứng 10 năm. Suốt 10 năm. Ngài ngồi đó liên tục, bền bỉ, khi thì tiếp Ban Đại Diện tỉnh này đến Ban Đại Diện tỉnh khác, giải quyết những mâu thuẫn, khúc mắc tại địa phương; khi thì tiếp phái đoàn này đến tổ chức họ để trả lời hoặc trao đổi các vấn đề thời sự liên quan đến giáo hội và chính quyền. Có thể nói, bất kỳ lúc nào gặp chuyện khó khăn cần giải quyết, cứ về Sài Gòn, vào văn phòng Giáo Hội tại chùa Ấn Quang là gặp Ngài, nhiều khi không có hẹn trước. Ngài ngồi đó liên tục, bền bỉ đến mức trở thành một hiện tượng bất thường, bởi vì khó có ai làm được. Ngài ngồi đó liên tục, bền bỉ như nhịp đập liên tục, bền bỉ của trái tim để cơ thể giáo hội được tồn tại. Đặc tính này nói lên bản chất tận tụy với trách nhiệm và lòng quý mến cán bộ giáo hội tại các địa phương của Ngài...

Năm 1963, Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo được thành lập để chống lại chính sách kỳ thị và đàn áp Phật giáo của chính quyền Ngô Đình Diệm, Hòa Thượng Tâm Châu làm Chủ tịch và Ngài cũng được thỉnh cử làm Tổng Thư Ký, điều hành các công tác hành chánh, soạn thảo văn thư, tài liệu và phối hợp các sách lược tranh đấu. Ngày 11 tháng 6 năm 1963, Hòa Thượng Quảng Đức tự thiêu để kêu gọi Tổng Thống Ngô Đình Diệm thức tỉnh. Hình ảnh Hòa Thượng Quảng Đức ngồi ung dung tự tại giữa ngọn lửa bao phủ khắp thân người của Ngài, được truyền qua các máy truyền hình đến khắp nơi trên thế giới làm bàng hoàng, xúc động phần lớn nhân loại. Sự kiện này tạo thành những áp lực từ nhiều phía, trong nước cũng như ngoài nước, buộc chính quyền của Tổng Thống Ngô Đình Diệm phải chấp nhận ngồi họp với Phật Giáo để giải quyết 5 nguyện vọng của Phật Giáo đưa ra sau biển cổ đẫm máu tại đài phát thanh Huế trước đó...

Nhưng quan trọng hơn, động cơ khiến ngài tận tụy, tha thiết trong những vai trò và trách nhiệm Tổng thư ký là Ngài luôn thao thức, sống chết vì tiền đồ của Phật giáo và Giáo hội. Và

chính vì điểm này, Ngài không sợ tù đầy chết chóc; Ngài không nao núng trước bạo lực, cường quyền. Ngược lại, từ nơi Ngài toát ra một hùng lực khiến bạo lực, cường quyền bị khuất phục. Điển hình: đầu tháng 5 năm 1992, khi Đại lão Hòa thượng Thích Đôn Hậu, Đệ Tam Tăng Thống viên tịch, Ngài đang bị quản thúc suốt 10 năm qua tại Quảng Ngãi và bị cấm không được đi Huế dự tang lễ. Ngài tuyên bố tuyệt thực và sẵn sàng lấy cái chết để tạ lỗi vì không về Huế để dự tang lễ được. Trước sự cương quyết của Ngài, chính quyền Cộng sản nhượng bộ để ngài ra đi. Tuy nhiên tại Huế, Ban Tổ chức lễ tang nhà nước đã cấm không cho Ngài phát biểu. Dù vậy khi buổi lễ diễn ra, Ngài từ tốn nhưng dũng mãnh tiến lên trước linh đài, đảnh lễ giác linh Hòa Thượng và phát biểu trước sự xúc động của hàng nghìn Phật tử. Mặc dù bị cúp điện và máy phóng thanh, nhưng ngài vẫn trầm tĩnh, uy nghi phát biểu đến lời cuối cùng. Và chính trong buổi lễ này, ngài nhận ấn tín và di chúc của Hòa Thượng Đệ Tam Tăng Thống để tiếp nối sự truyền thừa của Giáo Hội cùng lúc phát động công cuộc vận động đòi hỏi sự phục hoạt cho Giáo Hội.

Trong lời phát biểu, như là một sự thách đố đòi hỏi pháp lý của nhà nước đối với Giáo Hội, Ngài đã lặp lại những khẩu hiệu đã vang lên trong hội trường chùa Ấn Quang ở Đại Hội Bất Thường năm 1977:

Pháp lý của Giáo hội là 2000 năm truyền đạo trên dải đất Việt nam này;

Địa vị của Giáo Hội là 80% dân chúng già, trẻ, lớn, bé;

Cơ sở của Giáo hội là nông thôn, thành thị, cao nguyên và hải đảo;

Đó là cơ sở vững chắc muôn năm. Đó là Pháp lý, địa vị, cơ sở của Giáo Hội.

Chúng ta hãy mừng tượng, một người tù bị quản thúc trong vòng vây, an ninh nghiêm ngặt, bị cấm di chuyển, bị cấm phát biểu, vậy mà cuối cùng vẫn đi được, vẫn phát biểu được và phát biểu tất cả những gì muốn nói, làm được những gì dự tính muốn làm.

Không phải ai cũng làm được, nếu không có bản lĩnh, không có hùng lực toát ra từ bên trong..."

Tiếp theo Thọ Hiền và Tâm Hải Minh hát bản "Cảm Niệm Ân Sư" để cúng dường nhân ngày giỗ Ngài.

Sau đó là nghi thức tưởng niệm ngoài phần tụng kinh tiếng Việt còn có tụng kinh tiếng Pali do Ven. Bhante Sutadhara tụng, tụng kinh tiếng Anh do HT. Thích Ân Giao.

Buổi lễ kết thúc, Ban tổ chức cung thỉnh chư tôn, Giáo Phẩm, chư Tôn Đức Tăng, Ni thọ trai, đồng hương Phật tử dùng bữa cơm chay do Đạo Tràng Chùa Quang Thiện khoản đãi.



HẠ CA

Một hôm vui quá vui chừng
Trông ra bát ngát mây từng hư không
Ngày xưa con cháu tiên rồng
Giờ đây lại nhập vào dòng vô môn

Đời bao nhiêu lớp sóng còn
Mà sao chợt thấy trong hồn nở hoa
Em quên mình giữa Sa-Bà
Thấy con bướm vô ngã là Trang Châu

Tháng ngày mộng寐 đã lâu
Em về tắm bến giang đầu biếc xanh
Trôi đi nửa lớp bụi thành
Bên bờ thấp thoáng một nhành thiên hương

Chú chim nhỏ gọi thiên đường
Cớ sao hót giữa vô thường sớm mai
Tình nào xưa nặng hai vai
Chiêm bao một giấc ngủ dài dưới trăng

Từ ta gỡ hết buộc ràng
Mười lăm năm cũ hai hàng lệ rơi
Hoa dương rực rỡ vầng trời
Gót son chạm đất cát lời hát ca

Tiếng em vọng giữa giang hà
Thiệt tha dưới hạ bóng tà dương huy
Dịu dàng dáng đáp từ bi
Tâm thường tịch tịnh có gì ngại đâu

Huyệt là bát ngát thâm sâu
Nửa đêm đốt đuốc qua cầu tử-sinh
Thì thâm tiếng tụng tâm kinh
Vượt qua ắt đến nơi mình phi phong

Bỏ công lặn lội ngược dòng
Cội nguồn phía trước bụi hồng sau lưng
Ca-lăng cát tiếng vang lừng
Ô hay Tịnh Độ đâu chừng quanh đây



Một màu nước biếc trời mây
Giữa làn hơi thở phút này đẹp sao
Không môn tịnh tấn dần vào
Mở ra vô tận nhiệm màu hỷ hoan

Công sài ngô trúc thênh thang
Mà trong pháp bảo vô vàn thanh tân
Sáu căn chẳng mắc sáu trần
Nụ hoa hóa hiện pháp thân Phật Đà

Mời hay nguồn cội đâu xa
Rằng mười pháp giới cũng là từ đây
Chung quy ở một niệm này
Trùng trùng vô tận đủ đầy hư không

Em về tháng hạ mây hồng
Mức bình nước suối vun trồng khóm hoa
Một đêm nguyệt tận sơn hà
Nở ra thanh tịnh một tòa Như Lai

Rợp trời bạch hạc bay qua
Vô thanh pháp âm ba hải triều
Ba ngàn thế giới phiêu diêu
Trong ngoài châu quận kết điều phi phong

Em về hoa hạ vàng đồng
Tâm kinh đặc-thất lòng không ngại gì
Sáng ngày thấy vết chim đi
In trên sương sớm xanh rì cỏ non.

thơ HIỀN NGUYỄN
Georgia, mùa hạ

Lão Hát Rong Trên Bờ Biển Cảnh Đặc Khu

ĐẠT GIẢ DƯƠNG THANH LƯƠNG

Nghe giọng ngâm thơ văng vẳng của người hát rong từ đầu kia khu phố bay trong gió biển đưa tới, ông Già Móm lộ nét vui ra mặt. Đưa tay vệt nhẹ nhẹ vài bà người chàng ràng ở chỗ đất trống thường khi, ông nói giọng hăm hở:

"Lão Hát Rong đương tới kia. Sửa soạn chỗ thoải mái cho lão ta nha bà con!"

Một đoàn du khách Tàu ồn ào xuống xe-đò-bay-kéo-theo-rờ-một đường xí xô xí xào, chỉ chỗ. Một tên coi bộ vạm vỡ, nghinh ngang phun một bãi nước miếng xuống đất, chỗ ông định dọn cho Lão Hát Rong, ông chạy tới trước mặt hăn găm gừ:

"Tụi mày làm Trời bên Đặc Khu thì được, làm Trời bên này tao đánh chết mẹ à nhe! Đừng tưởng là du khách thì muốn làm gì làm. Bây giờ chứ không phải năm năm trước đâu! Chết nha con!"

Không đợi nghe trả lời, Già Móm, với đôi cánh tay rắn chắc, day qua thúc hồi những người đứng gần dang ra chút xíu nữa. Bằng đôi mắt dụi dàng ông năn nỉ những bạn hàng ngồi chồm hổm bán trái cây lẻ tẻ, cứ chỉ thiệt là thần thiện. Họ, không ai biểu ai, cùng nhích nhích ra nhường chỗ. Cuối cùng cũng có một khoảnh đất rộng đầu chừng bằng hai chiếc xe-đò-bay. Người Hát Rong khoan thai ngồi xuống ở tâm điểm, thông thả lấy đồ nghề trong bị ra, đờn giãn chỉ có cái thau nhôm hơi bụi và dàn máy âm thanh nhỏ xíu chỉ bằng hộp sữa bột trẻ con.

Có tiếng xì xầm:

"Ông ngâm thơ thắm thía lắm mà mỗi tuần chỉ tới đây có hai lần nên bạn hàng và dân chúng ai nấy đều trông đợi."

Già Móm xía vô ngang:

"Nói *trông như trông mẹ về chợ* thì quá đáng chỗ tui từng tuổi này mà còn chờ đợi tới ngày Thứ Ba và Thứ Bảy để nghe ông ngâm thơ hay ca hát. Tiếng hát, giọng ngâm của ổng làm tui nhớ lại *ba chục năm* trước (2018) khi chúng tui biểu tình để phản đối Luật Đặc Khu và Luật An Ninh Mạng. Trời đất ơi, tụi nó khiêng tụi tui như khiêng heo về công viên Tao Đàn dợt cho phù mỏ cá đám, máu me đầy mặt đầy mày vợ con nhìn không ra." Nói tới đây ông đưa tay lên quẹt quẹt chỗ nhân trung, trầm ngâm hèn lâu. "Báo hại phải năm bẹp cả tuần, ăn toàn cháo lòng, nhúc nhích cục cựa thì rêm mình như lục phủ ngũ tạng cãi cọ đòi nhà, đòi đổi chỗ."

Vài tiếng cười rộ lên đây đó. Thấy nhiều người ngóng chuyện coi bộ muốn nghe, Già Móm tám thêm:

"Lúc đó tui đã hơn bốn chục, vợ con, nhà cửa, công ăn việc làm cũng đang hoàng nhưng đất nước là tài sản của ông bà để lại mà tui nó đã ký ngấm bán đứng đầu từ hồi tám hoành rồi bây giờ đòi Quốc Hội ký hợp thức hóa để bên mua chắc ăn nên dân ngu tui tức giận đi biểu tình phản đối. Rồi bị đánh gãy hết mấy cái răng cửa. Người khác thì lớp chết, lớp bị thương, lớp bị kêu án tù..." Ông lại nhe môi phờ phơ chiến tích khiến có tiếng cười vui chen lộn với tiếng hít hà. "Răng cỏ thì kệ cha nó, không thềm trông lại. Móm sẵn rồi, móm thêm chút nữa cũng chẳng chết thẳng Tây mặt gạch nào."

Ngừng một phút lấy hơi, ông tiếp: "Lúc đó thì coi như

thí cô hồn cái mạng nghèo của mình. Chết sống cóc cần, vợ con gia đình gì cũng bất kể. Chỉ có lòng yêu nước tràn ngất trời cao."

Một cô gái chừng mười một, mười hai hỏi lớn:

"Biểu tình là gì mà bị đánh đập tàn nhẫn vậy ông ngoại?"

"Là tụ tập ngoài đường phố đó con!" Già Móm ngó thẳng mặt con bé không quen, nói giọng hiền từ. "Con thường nghe tiếng *tụ tập làm mất trật tự công cộng* chứ không nghe tiếng biểu tình phải không? Hồi đó, tui nó dùng chữ thiệt xảo quyết, kêu là *đánh tráo khái niệm*, để làm mất ý nghĩa việc làm của người dân khi phản ứng trước sự kiện bán nước của bọn gia nô Quốc Hội. Biểu tình là đi ra đường để cùng nhau bày tỏ quan điểm về vấn đề quan trọng gì đó của đất nước, của một chánh sách, còn tụ tập là tụm năm tụm ba vui chơi làm mất trật tự lưu thông. Hai thứ khác nhau xa. Họ sợ biểu tình sẽ tạo nên phản ứng dây chuyền nên xài chữ khác để đánh trống lảng vậy mà. Họ mang tiếng thiếu năng não nhưng tật đổ thừa và bịnh nói xấu người khác thiệt là tài tình. Biểu tình là nói lên ý của dân, khác với ý của họ nên bị đánh đập, bỏ tù..."

Con bé coi bộ không hiểu nhiều, giương mắt tròn ngáy thơ ngó. Già Móm nhún vai tỏ vẻ thất vọng, hai tay xòe ra trước, ngược mặt lên trời cười nhẹ.

Lão Hát Rong góp thêm:

"Về đánh tráo khái niệm họ thiệt tài tình: Bắt dân về phường điều tra thì nói mời về phường làm việc. Đánh người dân thì nói là xô xát, là đưa mặt vô khi họ vung tay. Nước ngập đầy đường phố thì nói

đường ứ nước, bóc lột dân thì nói dân tự nguyện... Cả ngàn kiểu như vậy. Mà thôi, chuyện xưa rồi! Bây giờ thì mình bạch hơn. Có gì nói nấy."

Trên không một đàn hạc trắng từ hướng Tây bay vô đất liền, che kín một mảng không trung. Những con hạc bay theo đội hình quạ trám, vươn cổ dài, chun duỗi thẳng, cánh xò rộng lướt gió. Không một tiếng kêu, dường như chúng dành cả năng lực cho việc tới được vùng đất an lành của mùa nên bảo vệ từng chút năng lượng trong phi trình.

Lão Hát Rong ngược mặt lên trời, nheo mắt:

"Hạc trắng bay về đất liền vì năm năm nay chánh quyền mới không cho giết hại chim chóc và cấm không được làm kinh động những đầm chim, đầm cò. Ngày xưa hề thấy con nào thì giết ăn thịt con nấy với tin tưởng rằng được cường dương bổ thận nên hạc, dơi, cò, chàng bè, tu hú, chí tới chim chóc nhỏ đều thiên di về Thái Lan, về Cẩm Bốt hết. Bây giờ đất lành thì chim đậu, hạc về. Chúng về tụ tập đầy đàn ở Đầm Dơi, Xẻo Rô, Hòn Đất, Kinh Thứ coi vui lắm."

Già Móm chỉ một nhóm thanh thiếu niên vui vẻ cười nói đương đứng ở trước cửa một chòm siêu thị mỗi cái cao cả mấy chục tầng, nói với người chung quanh mà như nói với mình:

"Kiều bào khắp nơi trở về như dân Do Thái tròn một thế kỷ trước rời bỏ nước tạm cư về xây dựng quốc gia của chính mình. Họ hồi hương lác đác, hăm hở, vui vẻ bắt đầu một cuộc đời mới đầu phần lớn nói tiếng Việt ngọng ngịu, không rành. Trước đây chỉ có người đi, người trốn, nay biết bao người xin được làm công dân Việt. Là thiệt! Tác dụng của lòng yêu nước không ai đoán trước được. Đời đời có khác!"

Một người đàn bà lái chiếc xe-van-hai-tầng, bán thức ăn dọc theo bờ biển ngừng trước đám đông tụ quanh Lão Hát Rong, vừa xuống xe đã góp chuyện liền sau khi thân thiện tặng mấy hộp thức ăn cho

người bà hăng ngưỡng mộ:

"Họ về coi vậy chớ cũng nhờ gà chiên, cũng thêm hamburger, pizza, sushi nên vài năm lại đây tôi cũng đỡ khổ với cái nghề này. Người về từ xa sao mà dễ thương lạ! Lẽ phép lắm chứ không như các thần ôn ngày xưa nói năng như du côn nào là rành háng, (duyet bỏ 2 chữ - CP) địt tới địt lui, chứi ông chứi cha người khác. Còn mấy ông Trời chóp bu thì phát ngôn như tụi mê sảng hay ngáo đá."

Một người nào đó trong đám khán giả lớn tiếng chọc "Đồ ăn có tẩm hóa chất không mà cho vậy chị, đừng có hại người nghệ sĩ già của tụi tui nha bà," rồi cất giọng ồ ề ngâm:

*Mai con lớn đồ ăn toàn
bẩn độc,*

*Của ngon đều bị tước hết
con ơi.*

*Mai con lớn biển sông hồ
nhiễm độc,"*

*Nước thải phương xa
không ngớt đổ về.*

Tiếng phản đối vui vẻ đồng loạt trong đám đông:

"Xưa rồi, đâu như năm thế kỷ trước lận." Những tiếng cười khúc khích nổi lên đây đó. "Bây giờ thì nhắm mắt cũng có thực phẩm sạch, organic hay phân bón không độc mới phát minh gần đây. Xưa rồi Diêm, ác mộng đã qua đừng nhắc nữa làm buồn

lòng người hàng xóm."

Để thay đổi không khí và tránh khơi ngòi một cuộc cãi lầy vô ích, già Móm hồi thúc Lão Hát Rong:

"Bác giáo đầu đi chớ, bà con thềm nghe quá rồi kia."

Nụ cười hiền của người nghệ sĩ đường phố nở ra. Ông bấm máy điện thoại di động đeo trên cườm tay như đồng hồ, một màn hình lớn mờ mờ hiện ra trong không gian trước mặt, trên đó chạy bài thơ "Nếu ngày đó." Ông bấm một nút nhỏ trên kiếng mắt, điều chỉnh một nút đồ trên hộp âm thanh, tăng hăng, sửa lại thể ngòi rồi cất tiếng:

*Nếu ngày ấy bến Nhà
Rồng đóng cửa,*

*Người lang thang quay lại
Nghệ An.*

*Làm giáo làng hay một
chân thư lại,*

*Thì ngày nay dân đã thoát
lầm than.*

*Nếu ngày ấy sông Sài-gòn
nổi sóng,*

*Người đang leo bồng rớt
mẹ xuống sông.*

*Bầy sấu đói đã reo mừng
rước bác,*

*Thì ngày sau đầu xương
trắng đồng!*

Dân thường thức cười rộ đồng loạt vỗ tay vang dội. Già Móm hăng hái đập hai tay mình vô đùi tạo tiếng vang bộp bộp thiệt lớn. Khách du Tàu vài ba người cũng ghé vô nhìn chỉ chò, xí xô.



Uống một ngụm nước thấm hơi, Lão Du Ngâm cất giọng tiếp:

Nếu ngày ấy trên bong tàu đêm tối,

"Người lao công đang quét dọn hành lang."

Cơn sóng dữ tiễn đưa về đáy biển,

Thì ngày nay quê mẹ đã bình an.

Chị bán hàng giơ tay lên khỏi đầu, lắc lắc chùm chìa khoá nói lớn như sợ thiên hạ không nghe mình:

"Phải đó! Sao Long vương không cho sóng kéo chả đi lúc ấy, để làm chi cho cả dân tộc khổ hơn nửa thế kỷ vừa rồi! Long vương không có mắt thiệt tình! Hèn chi Thái Tử con ông bị Ngụy Trưng chặt đầu."

Không ai cười trước dẫn chứng trật chìa của chị chàng. Già Móm tới ngồi kế bên người nghệ sĩ, tay gõ vô vành thau tiền, lúc này coi bộ hơi nhiều, toàn tiền mới, loại giấy năm đồng, hai đồng, mười đồng vừa phát hành hai ba năm trước, nói nhỏ nhẹ:

"Thôi anh chớ qua bài đó đi. Nghe chuyện lão sao tôi oải quá. Hồi xưa chùa nào bọn điệu đóm xu nịnh cũng cho tạc tượng lão chêm chệ kế bên Phật Di Đà, tôi đốt nhang lạy Phật thành ra lạy lão, tới bây giờ còn ầm ỨC. Nhưng mà thôi, ta qua đề tài khác phê hơn. Những bài về Đặc Khu cho tụi Tàu khựa nghe luôn."

Và Lão Hát Rong ngâm từ bài này sang bài khác, những bài thơ làm nức lòng nức chí mọi người ngày xưa. Có cả những bài ca đặc trưng của giai đoạn rên xiết về tổ quốc sắp mất hay vấn nạn về sự vô tâm tàn nhẫn của những tên làm chó săn cho chế độ. Người nghe im lặng tuyệt cùng. Họ uốn từng chữ, thấm từng lời thì tiếng nhạc. Họ hòa đồng con người mình trong thông cảm nỗi niềm của tác giả những ngày xa xưa khi cất tiếng than vô vọng trước nguy cơ mất nước.

Thanh thiếu niên kiêu bào lũ lượt nhập bọn đứng chung quanh. Họ nắm tay nhau thành hai vòng, xoay tròn theo



điệu nhạc lời thơ.

...Mặt trời lên trên đỉnh đầu. Gió mang hơi nước mặn từ biển thổi vô liên tục. Người Du Ngâm xếp đồ nghề lại. Vài khách hào phóng giờ chót còn dầm dúi thêm chút tiền nhét vô cái túi áo thùng thình của lão.

Tiếng lộn xộn ồn ào bỗng phát lên. Cả chợ đổ xô ra biển đón chiếc tàu đi vớt người vượt biển từ Đặc Khu Phú Quốc về. Lỡ nhỏ trên tàu mấy chục gương mặt xác xơ đàn ông lẫn đàn bà. Đặc biệt là con nít rất ít, chỉ thấy một, hai.

Thiên hạ bu lại đưa trao bất cứ thứ gì họ nghĩ rằng những người vượt Đặc Khu có thể dùng được: tiền bạc, bánh trái, thức ăn kể cả áo quần một vài người mới chộp miệng lột ra. Đoàn người sắp hàng một bước xuống bãi lên xe-đò-bay về khu tạm cư. Có những tiếng khóc tức tưởi, có những ánh mắt chịu đựng. Mặt trời chiếu những sợi tơ nắng vàng lên mấy khuôn mặt tiều tụy của các cô dâu bị đuổi về luôn chộp miệng *nhớ con quá, nhớ con quá, chúng bắt lại hết...*

Già Móm triết lý sau cái lắc đầu chán nản:

"Cái giá phải trả hơi cao của những cô gái nhẹ dạ nghe lời dụ dỗ của mấy mục môi buôn người."

Người Hát Rong đã đứng

lên nhưng ông cũng cất tiếng ngâm vang rày rút lòng:

Mai con lớn lấy chồng sao tránh khỏi,

Bọn Hán kia tìm mọi cách "gieo nòi."

Còn trai Việt thoát sao đời nô lệ,

Biết lúc nào mất nội tạng con ơi!

Ai đó trong đám đông nói như than dài sau cái chép miệng:

"Không biết thảm cảnh mẹ lìa con này bao giờ mới chấm dứt. Họ coi như đàn bà người mình để con giùm vì họ bị cảnh gái thiếu trai dư."

Một bà xồn xồn phân bua:

"Hai mươi năm trước mấy mẹ mìn cũng dụ tôi qua bến làm việc trong sòng bài, tiền lương cao, *boa* hậu hỷ, nhưng may quá tôi đã từ chối vì thương cha mẹ già sẽ bơ vơ."

Già Móm cười hóm hỉnh:

"Nhờ đó bây giờ tôi mới được đứng trước mặt chị đây!"

Chị đàn bà cũng không kém, đốp chát liền:

"Phải chi bác không móm thì tui xách quần áo theo không cần cưới hỏi."

Không khí trở nên vui vẻ hẳn với thiệt nhiều tiếng cười và những tiếng hô khuyến khích: "Tối luôn, tối luôn đi chị!"

Gió thổi những chiếc khinh khí cầu bay trên bầu trời kéo trên nền trời những những

khẩu hiệu vẽ hồng tô biển về Đặc Khu và tuyên truyền về cuộc Trưng Cầu Dân Ý để quyết định coi trả Đặc Khu về VN hay trở thành vùng đất hải ngoại của Trung quốc.

Những du khách Tàu xúm lại chụp hình người Hát Rong mặc dầu ông này đã hết "tác nghiệp." Vài ba người phách lối liệng mấy tờ nhân dân tệ nhàu nát bên ngoài cái thau. Tiếp theo đó là đám đàn bà thầy theo vỏ chuối và các thức ăn dư thừa. Mọi người chưa kịp có phản ứng thì cô gái nhỏ đã lượm hết những thứ đó, kể cả tiền, tới trả lại cho đoàn du khách với câu nói rõ ràng bằng tiếng Anh: "Chúng tôi không cần những thứ này. Xin trả lại các ông các bà." Mọi người vỗ tay lớn và sảng sảng ứng chiến như chuyện đưng độ sắp xảy ra...

Từ tháng Chín năm đó, khu bờ biển Rạch Giá ngó qua Đặc Khu không ai còn thấy Lão Hát Rong đâu nữa. Dân ghiền giọng ngâm của lão ngơ ngác, bâng khuâng. Ông Già Móm thần thờ như người mất hồn tiêu vĩa. Những ngày Thứ Ba và Thứ Bảy ông thường đi lên đi xuống khu chợ như để tìm lại cái thời gian đã mất. Có kẻ ác miệng đưa tin đồn rằng đặc công Trung cộng bên kia đã lén ra tay... Trên hải phận Đặc Khu thuyền bè quân sự của họ vẫn tấp nập. Mấy chiếc hàng không mẫu hạm, soái hạm về vườn của Nga Sô cũ và mấy nước vùng Baltique được tân trang lại ngẫu nhiên lướt nước, lính trên đó ghim súng lớn súng nhỏ đặng đặng sát khí tựa tình trạng chiến tranh. Trên không phận vùng biển sát với Rạch Giá Phú Quốc những chiếc drones (máy bay không người lái) của họ vẫn bay lượn chụp hình lấy tin tức. Và, trời ơi, thỉnh thoảng vài ba ngày tàu vớt người vượt biên lại đem thêm vô bờ những gương mặt thất thần xác xơ, phiến muộn.

Cư dân xóm biển thường ngày đứng bên này bên nước

nhìn qua bên kia buông tiếng thở dài như dân Lào nghèo khổ sống bao nhiêu đời ở đất Đặc Khu Boten mà không được phép héo lánh đến những cơ sở của vùng này.

Chú Năm Móm tỉnh dậy, mắt ngơ ngác đảo chung quanh. Lổn ngổn độ trăm người ngồi tay bó gối, nằm kiểu tôm khô, ai nấy đều dầu dầu. Cỡ chừng ba chục người mặt mày máu me hoặc ho sặc sụa hoặc rên nho nhỏ thần thờ. Chú chưa tỉnh hẳn, giắc chiêm bao vừa rồi lẫn quẩn mơ hồ trong trí. Chú nhắm mắt lại cố nhớ những chi tiết, ngại để chút nữa thì quên. Cái chiêm bao hơi lạ. Như là báo trước chuyện tương lai.

Bên kia vách che sơ sài bằng thứ vật liệu tiền chế, phát ra những tiếng huỵch huỵch, hự hự nghe như có người bị tra tấn. Cả bọn đưa mắt nhìn nhau lo sợ. Những câu hỏi, câu trả lời để an ủi mình và làm cho người đồng cảnh bớt lo được đưa ra nhỏ nhỏ xầm xì.

Hai người mặc thường phục đi kèm một thanh niên như bình nặng từ nhà thương được trả về, bước ra.

Một người nói:

"Giờ sướng nhá, được về nhà. Thế chứ có quái gì đâu. Đừng có mà đại biểu tình nữa. Găng lắm đấy!"

Người kia cười cười pha trò:

"Bố bảo cũng chả dám, ăn giải gì mà lại khổ thân."

Người bệnh ngó quanh quất kiếm một chỗ hơi trống phun toẹt một búng máu xuống. Một bà hơi lớn tuổi thốt lên:

"Mấy chú tra tấn người ta chi mà dữ vậy, tội chết?"

"Ai mà tra tấn ai đâu? Bà con có ai bị tra tấn không nào? Tiếng động là do tụi tụi tập võ đấy thôi." Một tên bậm trợn trả lời trong cái nhướng mắt đe dọa. Mụ ruồi trên chun mành anh ta dẫn ra lớn hơn. Ai nấy đều im lặng. Người bệnh cúi xuống gom hai

chiếc dép lại xách tay, thất thểu đi ra khung cửa hẹp.

Chú Năm Móm thắc mắc, không biết hồi tối mình nằm chiêm bao hay là mình lạc bước vào tương lai mới trở về. "Có thể lắm, cảnh mình thấy, cảnh Lão Hát Rong ngâm thơ, hát hò là cảnh trong tương lai." Chú lẩm bẩm và nheo mắt lại ngó lần nữa cái thẳng đã dẫn chú về hôm qua, bây giờ lại trùng mắt với mọi người. Thiệt tình nó giống Lão Hát Rong như hệt, chỉ có điều là già hơn mà thôi. Cái mụ ruồi trâu cuối chun mành kia làm sao người thứ hai trên đời có được?

Mà sao trong tương lai nó dễ thương vậy chớ? Phải chăng nó quay đầu về bị nạn để phát huy chút thiện tâm nhỏ nhoi còn sót lại trong người. Chú mỉm cười sau cơn ho xé lồng ngực mà cố nén.

Bầu trời bỗng rậm vũ, những tiếng gầm gừ rợn rợn kéo dài từ góc trời đông sang góc trời tây. Gió thổi mạnh. Lá tả lá vàng bay. Mấy giọt mưa đầu mùa đánh rất mật chú, chú để yên không buồn vượt. Chú ngồi thẳng lại, ngó đăm đăm vô những người đồng cảnh, nghĩ tới cái tương lai trong giấc mộng mà mỉm cười.

Canada, Tháng Bảy, 2018.



Lần Đầu Họp Mặt Giới Trẻ Phật Giáo 2018 Tại Quận Cam

VIỆT BÁO



Westminster (Bình Sa)- - Tại hội trường Việt Báo, Westminster, vào lúc 2 giờ chiều Chủ Nhật ngày 29 tháng 7 năm 2018, Tổng Vụ Cư Sĩ và Tổng Vụ Pháp Chế GHPGVNTNHK đã tổ chức buổi họp mặt giới trẻ Phật Giáo 2018 nhằm mục đích tạo thuận duyên cho giới trẻ Tăng Ni và Phật tử trên bước đường hoằng pháp và kế thừa Phật sự trên đất nước Hoa Kỳ. Đây cũng là dịp để tạo cơ hội cho Giới Trẻ Phật Giáo được trao đổi kinh nghiệm tu học và hộ trì chánh Pháp, đồng thời cũng là dịp để cùng thảo luận về định hướng và phát triển tổ chức Giới Trẻ Phật Giáo tại hải ngoại.

Chứng minh tham dự có: Hòa Thượng Thích Nguyên Trí, Phó Chủ Tịch Nội Vụ Hội Đồng Điều Hành (HĐĐH) GHPGVNTNHK, HT. Thích Nhật Quang, Đệ Nhị Phó Chủ Tịch HĐĐH/ GHPGVNTNHK, HT. Thích Minh Mẫn, Viện Chủ Tổ Đình Huệ Quang, HT. Thích Minh Giác, HT. Thích Nhật Huệ, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ

Thanh Niên GHPGVNTNHK, HT. Thích Định Quang, Tổng Vụ Phó Tổng Vụ Nghi Lễ GHPGVNTNHK, HT. Thích Tuệ Uy, Tổng Vụ Phó Tổng Vụ Kế Hoạch GHPGVNTNHK, Thượng Tọa Thích Thánh Minh, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Cư Sĩ GHPGVNTNHK, TT. Thích Thiện Long, Tổng Vụ Phó Tổng Vụ Văn Hóa GHPGVNTNHK, TT. Thích Pháp Tánh, nguyên Trưởng Ban Tổ Chức Đại Lễ Phật Đản Phật Lịch 2562, Ni Trưởng Thích Nữ Giới Châu, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Ni Bộ GHPGVNTNHK, Cư Sĩ Quảng Phước Huỳnh Tấn Lê, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Pháp Chế GHPGVNTNHK, Cư Sĩ Tâm Huy Huỳnh Kim Quang, Phó Tổng Thư Ký GHPGVNTNHK, Cư Sĩ Nguyễn Giác Phan Tấn Hải, Thành viên Ban Tư Vấn GHPGVNTNHK, Huỳnh Trưởng Tâm Hòa Lê Quang Dật, Cư Sĩ Hoàng Tấn Kỳ, Cư Sĩ Đoàn Ngọc Đa, Đạo hữu Hoàng Văn Chương, Thành viên Tổng Vụ Pháp Chế GHPGVNTNHK...





Hiện diện trong buổi họp mặt ngoài số đông chư Tôn Đức Tăng Ni trẻ còn có một số đại diện các hội đoàn, đoàn thể, Gia Đình Phật Tử, các cơ quan truyền thông.

Điều hợp chương trình buổi họp mặt do Đại Đức Thích Đồng Minh và Đạo hữu Hoàng Văn Chương.

Mở đầu là nghi thức chào quốc kỳ Việt Nam Cộng Hòa, Hoa Kỳ, Phật Giáo Kỳ và phật nhập Tử Bi Quán.

Sau đó Ban hợp ca Tăng Ni trẻ lên hợp ca bản "Việt Nam Việt Nam."

Tiếp theo Thượng Tọa Thích Thánh Minh, Đạo Hữu Huỳnh Tấn Lê thay mặt Ban tổ chức lên ngỏ lời chào mừng và cảm ơn chư tôn đức Tăng, Ni các cơ quan truyền thông và Phật tử tham dự và sau đó thông qua chương trình họp mặt.

HT. Thích Nguyên Trí ban Đạo Từ, trong đó HT. đã tán thán công đức của Tổng Vụ Cư Sĩ và Tổng Vụ Pháp Chế đã cố gắng tổ chức buổi họp mặt hôm nay, bước đầu chuẩn bị cho Đại Hội Giới Trẻ Phật Giáo trong những ngày tháng tới...

Cư Sĩ Đoàn Ngọc Đa, trong lời phát biểu, ông cho biết: "Rất vui mừng khi nhìn thấy những vị Tăng Ni trẻ cũng như những người Phật tử trẻ cùng ngồi lại với nhau, trong dịp này ông cũng đã nhắc lại những gương hy sinh của tiền nhân trong công cuộc bảo vệ đạo pháp và dân tộc."

Trước phần thuyết trình, Ban tổ chức cung thỉnh HT. Thích Nguyên Trí, HT. Thích Minh Mẫn và HT. Thích Nhật Huệ lên bàn chứng minh, và cung thỉnh Hòa Thượng Tuệ Uy, Thượng Tọa Thích Quảng Hiếu và mời cư sĩ Đoàn Ngọc Đa lên bàn chủ tọa. Ni Sư Giới Định và Ni Sư Đức Huy lên bàn thư ký đoàn.

HT. Thích Nhật Huệ thuyết trình với chủ đề "Chư Tăng Ni Trẻ và Sự Tiếp Nối Sinh Hoạt Phật Giáo." Trong đó có đoạn nói rằng, "Tăng Ni và Tuổi trẻ VN, là lứa tuổi được học hành, được trang bị kiến thức và huân tu đạo đức, chuẩn bị cho việc tiếp nối và làm những vị mô phạm cho PG. Tuổi trẻ là những người Điều Hành Phật sự tương lai của PGVN, và Cộng đồng PG thế giới được phát triển. Chính vì vậy

mà Tuổi trẻ (Tăng, Ni, Thanh Thiếu Niên Phật tử) cần phải sống có lý tưởng cao đẹp. Hãy Tâm Niệm rằng: "Phật Giáo Việt Nam có được phát triển bền vững sáng chói hay không, Phật Giáo Việt Nam có hội nhập được với các cộng đồng PG thế Giới hay không đó là nhờ vào sự gia nhập dẫn thân, hội nhập vào các sinh hoạt phật sự của PG" với Tâm nguyện thiêng liêng..."

TT. Thích Thánh Minh, trong phần thuyết trình chủ đề "Định hướng tương lai," nói rằng, "Hôm nay, chúng ta có duyên họp mặt cùng nhau tại hội trường Việt Báo. Chúng ta đã hội đủ duyên lành được sinh hoạt tu học và hoằng pháp tại Hoa Kỳ. Điều mà chúng ta rất cần trao đổi và cùng nhau thảo luận là những bài học về lịch sử truyền thừa, sự hình thành và phát triển Phật Giáo Hoa Kỳ để từ đó chúng ta tri ân và học theo gương sáng hoằng pháp, phụng sự đạo pháp của những bậc tiền nhân đã có công đem đạo vào đời, đã có công làm cho Phật Giáo được phát triển trên lãnh thổ đất nước Hoa Kỳ..."

Thượng Tọa nhắc lại nhiều gương sáng của chư Tôn Đức Tăng Già đã có công xây dựng nền móng vững chắc cho sự phát triển của Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ như hiện nay. Thượng Tọa cũng nhắc nhủ chư Tăng, Ni trẻ tri ân và báo ân đối với những bậc Thầy Tổ đã dày công đóng góp cho nền Phật Giáo Việt Nam.

Ni Trưởng Giới Châu thuyết trình về "Vai trò Ni Giới Đối với Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất." Trong bài thuyết trình có đoạn: "Chư Ni chúng ta cần ý thức sứ mạng cao cả của người xuất gia. Đó là chí nguyện, "trên cầu Phật đạo, dưới cứu độ chúng sanh." Tổ Quy Sơn dạy, 'Người xuất gia phải nối tiếp và làm rạng rỡ cho được giòng giống của thánh tăng, nhiếp phục được quần ma, báo đền được bốn ân và cứu độ cho ba cõi' (Thích Nhất Hạnh dịch). Muốn làm được như thế, chư Ni chúng ta hãy ngồi lại với nhau trong tinh thần hoà hợp thanh tịnh, cùng nhau tu tập Giới Định Tuệ. Cố gắng dụng công tu tập miên mật, mới tạo được năng lực mạnh mẽ của tâm linh, từ đó, chúng ta mới có khả năng hộ trì chánh pháp, và làm nơi nương tựa cho thế gian còn nhiều đau khổ."

“Mỗi cá nhân của chư Ni tự phát khởi tâm lòng phụng sự Đạo Pháp. Nếu chúng ta không có sự hoà hợp đoàn kết trên tinh thần cộng đồng Tăng già Phật Giáo, không phát tâm chung lo Phật sự, không quan tâm những việc chung trong Phật Giáo, thì chúng ta đã tự tách rời chúng ta, tự sống biệt lập và nghĩ rằng mình có tự do. Đó là điều sai lầm! Điều gì đã làm chúng ta tách rời cộng đồng Tăng già? Có phải Ngã và Ngã sở chăng? Do đó, chúng ta nên quán chiếu sâu sắc một chút nữa, để nhìn rõ tương lai Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ như thế nào nếu chúng ta không có tinh thần phụng sự Phật Pháp?”

Ni Trưởng cũng nhấn mạnh đến sự quan trọng của ngôn ngữ trong việc hoằng pháp tại Hoa Kỳ, “Thứ nhất, Chúng ta đang sinh sống tại Hoa Kỳ, ngôn ngữ khác biệt là một chướng ngại to lớn. Nếu chúng ta không có khả năng đọc, nghe và nói chuyện bằng tiếng Anh, chúng ta không thể truyền trao Phật pháp cho con em chúng ta sinh ra và lớn lên tại Hoa Kỳ, và không thể kết thiện duyên với người dân bản xứ qua giáo lý Từ Bi Trí Tuệ của Đạo Phật. Do đó, điều tiên quyết là chúng ta phải học Anh Văn, tối thiểu chúng ta có thể đọc và hiểu để trao đổi những điều cần thiết trong đời sống hàng ngày.”

Tiếp theo phần thuyết trình của TT. Thích Thiện Long, với đề tài “Tăng Ni Trẻ với sự Hội Nhập và phát triển tại Hoa Kỳ.”

Đạo hữu Quảng Phước Huỳnh Tấn Lê và Đạo hữu Hoàng Văn Chương với đề tài: “Tăng Ni Trẻ và Luật Pháp Hoa Kỳ.”

Sau phần thuyết trình là phần bầu Trưởng Ban Tổ Chức Đại Lễ Phật Đản Phật Lịch 2563 dương lịch năm 2019 do chư Tăng Ni trẻ đảm nhiệm.

Kết quả cuộc bầu cử quý Tăng Ni trẻ đã bầu Đại Đức Thích Quảng Hiếu, trú xứ Chùa Bát Nhã, làm Trưởng Ban.

Kết thúc buổi họp mặt với bữa cơm chay thân mật và sau đó chụp hình lưu niệm.

Mọi chi tiết xin liên lạc :

- TT Thích Thánh Minh: (714)675-8226

- Đạo Hữu Quảng Phước-Huỳnh Tấn Lê: (714)878-3739.



QUỐC TÔ HÙNG VƯƠNG

*Hùng Vương Quốc Tổ nước Nam ta
Mười tám triều vua dựng nghiệp nhà
Gia công bồi đắp gầy bờ cõi
Biết bao xương máu của ông cha.
Quạt khởi từng phen xua giặc Hán
Hùng hãn siêu cường hết lân la
Mở trang lịch sử đầy hoa gấm
Trung Vương đánh đuổi bọn quân Tàu.
Trần Bình Trọng, Lý Thường Kiệt, v.v...
Đều là các bậc tướng tài danh
Khiến lũ giặc hoảng hồn, khiếp vía
Anh hùng, nữ kiệt ta đâu thiếu
Hậu sinh nhìn đấy quyết noi gương
Sơn hà, xã tắc của Tô Tiên
Quyết không để ngoại bang xâm chiếm
Bắc, Trung, Nam cùng một cha ông
Vùng lên đuổi giặc Tàu về nước!*

*Có nghe không? Tiếng vọng từ ngàn xưa!
Con cháu ơi! Hãy giữ lấy cơ đồ
Đừng để mất vào tay người khác!*

*Nguyện cầu dân Việt chúng ta
Tự do, dân chủ, nhà nhà bình yên
Qua ngày giông tố tối đen
Việt Nam ta lại êm đềm như xưa.*

thơ **DIỆU VIÊN**
San Jose, tháng 7.2018

Bụi đường

(tức Phương Trời Cao Rộng 2)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

Chương Tám

Từ mấy tháng trước, khi được biết là tôi đã bình phục hoàn toàn, thầy quản chúng cất đặt công tác cho tôi làm hàng ngày. Công tác của mỗi tăng sĩ ở viện bây giờ không giống như hồi trước năm bảy tám nữa. Trước kia, tăng sĩ khắp các tỉnh đều phải lo tham dự các lớp học của nội điển và ngoại điển nên có làm công tác thì mỗi người cũng chỉ nhận một công tác nhỏ tốn từ mười lăm đến ba mươi phút là cao. Nay viện Hải Đức cũng như các Phật học viện khác trên toàn quốc phải bị giải tán, chúng tôi làm việc nhiều hơn. Chẳng phải đây là dấu hiệu hưởng ứng gì cái cụm từ “lao động tốt” của chế độ xã hội chủ nghĩa mà chỉ có nghĩa đơn giản là tùy theo thời thế để ứng xử. Khi chúng tôi tập trung thời giờ để lo tu học thì có những bậc thầy, những bậc đàn anh của chúng tôi gánh vác hoàn toàn vấn đề kinh tế. Nay chúng tôi không đi học nữa thì phải đưa vai ra, chia sẻ gánh nặng kinh tế ấy với các bậc thầy và đàn anh kia. Vậy thôi.

Nguồn tài chánh căn bản của viện Hải Đức là từ xưởng vị trai Lá Bồ Đề do Thượng Tọa Thích Đồng Minh làm giám

đốc. Xưởng là tài sản của giáo hội, đặc biệt là được gầy dựng nên để hỗ trợ kinh tế cho các sinh hoạt đòi hỏi nhiều vốn kém của viện Hải Đức. Ngoài các sản phẩm vị trai được đồng bào khắp Nha Trang và các tỉnh miền Trung ủng hộ, xưởng còn sản xuất Hương Giải thoát, Đèn cầy Giác ngộ, Trà Đạo hạnh, Dấm Bình minh, Thuốc tẩy Phiền não... Nhưng chủ yếu vẫn là vị trai, tức là xì dầu (sau năm bảy tám, người ta cứ gọi chung là nước tương hay nước chấm, chẳng có gì phân biệt giữa loại xì dầu nấu bành (bã) đậu phộng qua công thức chưng nấu và trung hòa bằng hóa chất cùng thứ nước tương đậu nành với công thức thủ công cổ truyền). Ngoài xưởng vị trai, viện Hải Đức còn có nhà in và nhà sách Hoa Sen do thầy Đức Chơn trông coi. Nhà in gần như ngưng hoạt động dưới chế độ mới (chỉ có thể in những thứ vật vĩnh cửu không in được kinh sách như xưa) nhưng hiệu sách vẫn còn phát hành các loại kinh, tượng, pháp khí... Sau năm bảy tám, xưởng vị trai còn mở thêm các ngành sản xuất muối, đậu hủ (khuôn đậu), chao, đậu nhện, tương đậu nành, xà phòng bột, xà phòng thỏi, dẹt chiếu, đan giỏ, chằm nón lá, cấy nấm rơm và nấm

mèo, làm meo nấm, sản xuất rau tươi... Để tránh việc bị nhà nước nại lý do này lý do nọ mà trưng thầu xưởng này, Thượng tọa giám đốc khôn khéo thống kê toàn bộ trị giá tài sản của xưởng rồi chia tài sản này thành mấy trăm cổ phần, toàn bộ tăng ni Nha Trang và các công nhân Phật tử kỳ cựu của xưởng mỗi người đều được hưởng một cổ phần ấy. Và cũng từ đó, những tăng ni và Phật tử nào có cổ phần đều trở thành công nhân của xưởng vị trai Lá Bồ Đề. Công nhân ở đây cũng được chia thành nhiều hạng: có hạng làm năm ngày, có hạng làm ba ngày, hay chỉ một ngày rưỡi trong tuần. Tùy theo số giờ làm việc mà được hưởng lương. Đó là khoảng thời gian đầu tiên trong đời tôi làm việc có lương. Lương ít thôi, chừng vài trăm bạc một tháng, nhưng số lương đó hoàn toàn để tiêu riêng chứ không bị ảnh hưởng gì bởi vấn đề gạo cơm, điện nước nên kể ra cũng khá nhiều đối với tôi.

Thời gian đầu, chưa làm việc trực tiếp ở xưởng, tôi được cắt làm vườn và làm rẫy với thầy Minh Chiếu trong khuôn viên viện Hải Đức. Hàng ngày, chúng tôi dọn cỏ, trồng cây, phát hoang những khoảnh đất ở triền núi để trồng bắp đậu, cũng như

trồng rau cải ở một khoảnh đất màu mỡ dưới chân núi, gần chùa Phước Điền. Có khi chúng tôi phụ thầy Huệ An, vác củi từ dưới núi lên nhà bếp. Tóm lại, thầy Minh Chiêu và tôi được cắt cử như là hai người thường trực làm việc trong viện, bất cứ việc gì ở viện cần đến. Có lúc chúng tôi phải làm việc từ sáng đến chiều tối, liên tục trong nhiều ngày, nhưng cũng có khi chúng tôi được rảnh tay, nghỉ ngơi luôn ba bốn ngày, hoặc chỉ làm rất ít giờ. Đầu được vài tháng thì bên xưởng vị trai cần thêm người, gọi tôi qua làm. Làm ở xưởng thì mất công mỗi ngày phải có mặt đúng giờ để nhận công tác, nhưng được cái là tăng ni thay phiên nhau nên mỗi người chỉ làm ba ngày trong tuần, những ngày còn lại được nghỉ hoàn toàn. Ở xưởng, tôi và các chú sa - di trẻ được cắt làm những việc linh tinh, tức là ngành nào cần thì chúng tôi đến phụ giúp. Có khi chúng tôi làm xà - phòng, có khi rang muối bột, có khi làm đậu hủ, có khi chỉ làm có công việc bổ củi mà thôi. Với sự điều hành có phương pháp khoa học của Thượng tọa giám đốc, công nhân ở xưởng thay phiên nhau tham gia đủ các ngành sản xuất trước khi được vào chuyên môn. Thành thử, công việc nào chúng tôi cũng có thể làm được, hoặc ít nhất cũng hiểu được việc để làm khi cần thiết. Một vài tháng làm việc linh tinh không cố định, tôi được Thượng tọa giám đốc gọi vào văn phòng, cắt cho việc làm sổ sách cùng với ban thư ký tại đây. Ban thư ký lúc đó có cả thầy Thông Chánh. Công việc của tôi là công việc nhàn nhất trong những việc của hãng, kể cả những việc của toàn ban thư ký văn phòng. Tất cả tiền chi thu hàng ngày được hai đến bốn sư cô thay phiên nhau đảm trách. Cuối ngày các sư cô tính lại toàn bộ rồi đưa qua cho tôi kiểm tra lại để ghi báo cáo tổng kết vào sổ của tôi. Cuối tháng cộng sổ bốn tuần lại, báo cáo tổng kết thu chi cho ban giám đốc (cũng không

cần tôi phải báo cáo nữa: tôi chỉ việc đưa cuốn sổ đó cho thầy Thông Chánh rồi thầy ấy lo chuyện hợp hành, báo cáo).

Hãng vị trai dưới sự điều hành của Thượng tọa giám đốc, càng lúc càng phát triển lớn mạnh, trong khi đó, một cơ sở kinh tài khác của viện thì lại bị mất luôn cả quyền sở hữu chủ: đó là nhà in và nhà sách Hoa Sen. Quý thầy bị người ta chiếm đoạt luôn nhà in mà chẳng biết làm gì. Vì hiền lành, vì tử bị, nên cứ lặng thinh chịu để cho qua chuyện.

Nhà in Hoa Sen tọa lạc trên đường phố Độc Lập, được thành lập từ những năm đầu thập niên sáu mươi để hỗ trợ tài chánh và các công tác ấn hành kinh sách cho viện Hải Đức. Trước năm bảy lăm nhà in được giao cho thầy Đức Chơn quản lý. Sau bảy lăm, thầy Đức Chơn hãy còn đảm trách một thời gian rồi giao lại cho viện để vào Sài Gòn. Viện cử thầy Thanh Hương thay thế. Thầy Thanh Hương đang quản lý nhà in thì gặp nghịch cảnh, phải hoàn tục, bỏ nhà in lại cho cô Phật tử tên Thu coi sóc tạm. Cô Thu chỉ là một người được nhà in thuê đứng bán cho tiệm. Cô có phải Phật tử hay không và do ai giới thiệu đến làm cho nhà in thì tôi không rõ. Chỉ thấy lúc cô ngang nhiên trở thành bà chủ nhà in và tiệm sách Hoa Sen rồi thì hình như cô không muốn có bóng dáng tu sĩ lại vắng đến tiệm nữa, dù là để mua thỉnh kinh sách. Cô tiếp tăng ni một cách không vui vẻ và bán với giá cắt cổ, cao hơn cả các hiệu sách bên ngoài. Có lẽ viện cũng có tìm cách bảo trì nhà in Hoa Sen nhưng vẫn để quản lý nhà in vốn đã bị lỏng lẻo hành chánh và tài chánh từ thời trước năm một chín bảy lăm, nên chi với sự cố tình chiếm đoạt của cô Thu, viện đành lặng thinh mà chịu mất luôn nhà in này. Nhà in Hoa Sen mấy chục năm của viện nay trở thành nhà in của cô Thu.

Sở dĩ tôi phải nhắc những chuyện chẳng mấy đẹp đó nơi đây là để mô tả cận kề cái bối cảnh vô cùng điên đảo của xã hội mới đã phát sinh bao nhiêu chuyện lộng hành, khó tin, ảnh hưởng đến đời sống của những nhà tu trên núi như chúng tôi. Tại sao những chuyện ấy chỉ dồn dập xảy ra trong vòng những năm đầu của chính quyền mới? Tịnh nghiệp đường trở thành nhà ông Diệp, nhà in Hoa Sen trở thành nhà in cô Thu... rồi dãy "nhà mới" của chư tăng trở thành đồn công an hay đồn lính! Rõ ràng là chỉ ở trong thời đại mà các vấn đề đạo đức căn bản của con người không còn được tôn trọng nữa thì sự cướp đoạt trắng trợn có thể xảy ra như chuyện thường tình.

Tôi còn được biết bao nhiêu người dân ở dưới ngọn đồi này, trên khắp đất nước này, cũng đã chịu, đang chịu những thiệt thòi vật chất còn to lớn hơn những mất mát của viện rất nhiều. Nhưng dù thế nào thì trong tôi cũng dậy lên một nỗi buồn. Nỗi buồn đó không giống như nỗi đau của những người dân bản tục - có lẽ một phần vì bản thân tôi không có tài sản vật chất để bị mất cũng như tôi đã được nhà chùa trang bị trước tinh thần vô chấp để đón nhận một cách bình thản về những còn mất, được thua, thịnh suy của cuộc đời. Đó không phải là nỗi đau buồn về sự mất mát tài sản. Đó không phải là niềm nuối tiếc muốn níu kéo hay hồi phục lại những gì đã bị chiếm đoạt. Đó là nỗi băn khoăn, âu lo về một viễn ảnh đen tối đang trùm phủ lên toàn đất nước quê hương...

Sáng chủ nhật không đi làm, tôi ngồi bên cửa sổ nhìn xuống núi tự dưng thấy vừa buồn vừa băn khoăn chi lạ. Có lẽ chuyện thầy Tuệ Sỹ bỏ viện mà đi từ hai ngày trước hãy còn làm tôi xúc động đồng thời khơi dậy trong tôi một ý tưởng, một hình ảnh đẹp của một trang sử xa xưa nào đó.

Khi thực tế xã hội đã tự chứng minh một cách không thể chối cãi rằng nó đang ở trong một tình trạng hoàn toàn rối loạn, dẫn đến bao khổ đau và bế tắc cho con người, thì đó chính là lúc kẻ sĩ phải lên đường. Lịch sử cho thấy trong những lúc vận nước lâm nguy, bao thiền sư đã tạm rời áo ca - sa khoác chiến bào để dẫn thân ra trận cứu đời; khi đất nước yên bình, các thiền sư mới cởi bỏ chiến bào, trở về với thiền môn để tiếp tục cuộc sống an bình giải thoát. Điển hình nhất là Tuệ Trung Thượng Sĩ đời nhà Trần. Trong thiền môn, ông thấp sáng ngọn đèn giác ngộ, xông ướp hương thơm đạo hạnh, làm thiền tăng bình dị thảng ngày thông dong tiêu sái; khi giặc Nguyên đem quân xâm lấn, ông rời cửa thiền thân chinh ra trận, thể hiện cái thao lược uy dũng của một danh tướng Đại Việt, khiến cho quân Nguyên phải kinh hồn bạt vía. Phải chăng trong vận hành tình cờ nào đó của lịch sử, sự ra đi của thầy Tuệ Sĩ đã vẽ lại hình ảnh cao đẹp truyền thống ấy?

Không ai biết thầy ấy đi đâu. Thầy cũng thường đóng cửa nhập thất, không tiếp xúc ai nên khi thầy bỏ đi, cũng khó mà biết được thầy đi vào lúc nào. Cả viện xôn xao, rồi thành phố Nha Trang xôn xao. Nhưng quay quắt nhất vẫn là các anh công an có bốn phen kiểm soát mọi sinh hoạt giao tiếp và đi lại hàng ngày của thành phần tu sĩ trên viện Hải Đức - đặc biệt là đối với thầy Tuệ Sĩ, một thiên tài lỗi lạc và uy tín của Phật giáo cả nước. Công an cho gọi thầy quản chúng và cả thầy bốn sư của tôi (đang là chủ hộ của viện) xuống đồn công an thành phố để hỏi cung, tự kiểm, khai báo, liên tục mấy ngày. Họ cũng thường xuyên lên viện, lục xét, thăm dò, kiểm soát, bắt kể giờ giấc. Cho đến gần nửa tháng sau, khi viện nhận được một lá thư của thầy Tuệ Sĩ từ Thái Lan gửi về, mới biết là thầy đã ra khỏi nước, và từ đó, công an mới thôi không bắt thầy chủ hộ xuống đồn

vấn cung nữa. Họ luôn giữ lá thư của thầy Tuệ Sĩ làm tư liệu, kết tội thầy "phản quốc, trốn ra nước ngoài".

Tưởng rằng xong chuyện thầy Tuệ Sĩ là yên, nào ngờ lại có tin của một đạo hữu thân tín của viện cho biết nhà nước sắp mở chiến dịch "bài trừ văn hóa đồi trụy" hay "bài trừ văn hóa Mỹ - Ngụy"... Chiến dịch này, lúc ở Hội An, tôi có nghe chú Nguyễn nói đến nhưng bây giờ mới thực sự biết là nó sắp xảy ra tại Nha Trang. Trong một bữa cơm, thầy tôi nhắc cho toàn thể viện biết rằng mọi sách vở nào xét thấy không thích hợp với chủ trương của nhà nước thì mỗi người tự động đem xé, đốt. Sách của thư viện trước đây do thầy Tuệ Sĩ trông coi thì bây giờ các thầy Minh Thông, Chơn Trí chịu trách nhiệm. Nghe đâu rằng ban văn hóa của thành phố cùng với công an khu vực sẽ lên viện lục xét tất cả các sách vở báo chí hiện có trong viện, không phải chỉ trong thư viện mà trong từng phòng riêng của mỗi người.

Nghe chuyện, một vài thầy có nêu ý kiến với thầy quản chúng rằng:

"Mình đâu cần phải đốt xé sách báo trước. Cứ để họ lên đây kiểm soát, thấy sách nào muốn tịch thu thì cứ tịch thu, sách nào thông qua thì để lại. Tội gì phải đốt xé khi mình chưa biết chắc là họ muốn loại bỏ thứ sách nào. Biết cái nào là đồi trụy theo mắt nhìn của họ?"

Nhưng lệnh của viện vẫn đưa ra là chỉ giữ lại kinh điển và sách biên khảo về Phật học, hoặc sách do nhà nước xã hội chủ nghĩa xuất bản nếu có, còn ngoài ra, tất cả sách báo thể tục được in từ thời chế độ cũ đều đem đốt hết và phải đốt trước khi họ đến chứ không phải đợi họ chỉ cho thứ nào là đồi trụy rồi mới đốt. Bởi vì, theo lời thầy quản chúng nhấn mạnh, "lệnh cấm cất giữ sách báo văn hóa đồi trụy đã có từ lâu chứ không phải bây giờ mới đặt ra, cho nên, ai còn chất chứa

thì coi như có tội, bị bắt ngay, chứ không phải chỉ đơn giản là tịch thu sách".

Chưa có cái tin nào khiến tôi thấy nổi gai ốc như vậy. Tôi mừng tượng cảnh một đoàn thanh niên cộng sản hàng hái đi hết nhà này đến nhà khác, hốt sách báo đem ra đầu đường, chất đống lên mà đốt, hoặc lên mặt răn dạy, chất vấn, hạch tội những người vì yêu sách mà còn cất giấu sách trong nhà... Chưa có cảnh tượng nào man rợ và phản giáo dục bằng cảnh tượng đó. Phải chăng vết cũ của bạo chúa Tần Thi Hoàng hơn hai nghìn năm xưa bây giờ lại được tái diễn bởi những con người thời đại vốn thường tự xưng là minh tiến bộ?

Cho nên khi Thượng tọa Thiện Siêu, vị viện trưởng Viện Cao Đẳng Phật Học Hải Đức, cùng hai thầy thị giả thực hiện việc lựa chọn sách để đem đốt, tôi không đủ can đảm đến thư viện để phụ giúp một tay dù có lời yêu cầu. Tôi né tránh, bỏ qua chùa Tịnh hội ngồi chơi với mấy chú bên đó. Thượng tọa viện trưởng gọi chú Phùng và chú tiểu tên Đăng lên thư viện, vác mấy bao bố sách, đem xuống nhà bếp, thầy từng cuốn vào cái lò to lớn vốn có khả năng nuốt trứng một lượt nhiều khúc củi to bự như bắp vế. hết đợt này, lại đến đợt khác, mỗi đợt hai bao. Bao nhiêu công trình tim óc của các triết gia, tư tưởng gia, sử gia, học giả, văn thi hào... trên thế giới từ ngàn năm xưa đổ lại, đã thành tro bụi trong vòng một giờ đồng hồ. Chú Phùng kể lại tôi nghe như vậy và khi nghe kể, lòng tôi bỗng thấy rưng rưng thế nào đó. Sở sách của tôi bỏ lại ở Fhooij An cho chú Tửu, tôi đâu có tiếc, vì chú Tửu cũng yêu quý sách, tung tiu sách, mê đọc sách như tôi vậy. Đàng này, sách không phải của tôi, nhưng tôi lại đau xót vô cùng. Suốt mấy ngày kể tiếp, hình ảnh những cuốn sách bốc lửa cứ lảng vảng trong đầu óc tôi. Những ngọn lửa ấy cũng đốt cháy luôn cả tâm tư tôi, và hình như còn làm bùng lên trong tôi một

thứ lửa nào đó khiến cho dòng máu nóng trong cơ thể tôi sôi lên sùng sục. Đã có lúc trong phòng riêng, đang ngồi im nơi bàn viết, tôi bỗng thấy hai bàn tay mình nắm chặt lại như muốn bóp nát một cái gì. Và chỉ ngay sau đó, tôi giật mình như tỉnh một giấc mộng. Tôi biết từ ngày về Nha Trang, hay có thể nói rằng, từ ngày đất nước thay đổi chế độ, tâm tính tôi cũng đã thay đổi khá nhiều. Cái tính mềm mỏng, nhẹ dạ như con gái mà đã nhiều lần tôi bị rầy la, bây giờ hình như đã chuyển dần thành một cái vực lửa, hừng hực bên trong, dễ sinh bực bội, bất mãn... Tôi lấy tay vuốt lấy mặt mình, rót một ly nước lạnh, vừa niệm Phật, vừa uống vào một hớp thật đầy.

Kể cũng buồn thật. Không ai lại muốn thay đổi tánh tình như vậy, nhất là thay đổi từ chỗ ngoan ngoãn, hiền lành sang cứng đầu, hung dữ... Một ông thầy tu mà dữ dằn, sân hận nhiều thì dù có độ lượng cách mấy cũng không ai có thể tha thứ, chấp nhận được. Có thể trong mắt người khác tôi vẫn còn hiền, chưa hại gì ai, chưa làm ai bực mình khó chịu, nhưng chính tôi mới thấy trong tôi một tiềm lực kinh khiếp, cơ hồ nếu nó được tự do bùng vỡ thì sẽ không ai chịu nổi. Cũng may, tôi có thể niệm một câu danh hiệu Phật là đã trấn áp được tiềm lực dữ dội đó.

Chưa đầy tuần lễ sau, đúng vào ngày chủ nhật, công an phối hợp với ban văn hóa thành phố liên tục lên viện lục xét, kiểm kê sách báo... Tôi vắng mặt lúc đó. Khi về, nghe kể lại là họ đã lục xét khắp các phòng, tịch thu một số sách của thư viện (các sách biên khảo văn học mà quý thầy tưởng là sẽ vô hại!), một số sách từ các phòng cá nhân. Phòng tôi đã không bị lục xét, có lẽ vì không ai nghĩ đó là một căn phòng. Nhưng nếu họ có vào phòng tôi chẳng nữa thì cũng không tìm thấy được gì ngoài mấy cuốn tự điển – tôi đã bắt chước chú Hải, một sư huynh của tôi, tẩu tán hết

sách của mình bằng cách bao sách trong bịch ni – lông, giấu trên hàng máng xối dọc theo hông chánh điện.

Tôi tự hỏi, khi việc đọc và cất giữ sách vở bị xem như tội lỗi thì phải chăng những việc đời bại phi luân nhất sẽ trở thành những điều cần khích lệ? Rồi đây, trên đất nước này, trong cuộc sống này, đâu sẽ là ranh giới giữa chân và giả, giữa thiện và ác, giữa đẹp và xấu?

Trước khi xuất gia tôi có vài người bạn học chung lớp nhưng cũng chẳng thân mấy nên từ khi về lại Nha Trang, tôi đã không hề gặp lại bất cứ người nào; mà cũng chẳng người bạn nào của tôi biết tôi đã về lại Nha Trang để đến thăm. Như vậy, có thể nói là khi xuất gia, không những tôi đã hầu như cắt đứt mọi liên hệ thân thuộc với gia đình mà còn cắt đứt luôn tình bằng hữu với những người bạn thế tục cũ.

Cúi đầu sống theo qui tắc của viện, tôi đã quên luôn rằng mình hãy còn những người bạn ở ngoài đời, phía dưới chân núi. Khi chúng tôi còn học chung lớp với nhau, chúng tôi là những con chim non chỉ biết ca hát, và học theo những gì người lớn chỉ dạy, hướng dẫn. Bây giờ, chúng tôi bắt đầu trưởng thành, muốn góp công sức mình cho đời thì đất nước đang ở trong một hoàn cảnh mới. Hoàn cảnh đó không cần đến sự góp sức của chúng tôi, nếu có chẳng thì chỉ cần sự ngoan ngoãn tuân phục của chúng tôi mà thôi. Nhiều năm xa cách Nha Trang, tôi nào biết các bạn cũ của tôi bây giờ thế nào. Họ đang tiếp tục học ở một trường đại học nào đó hay đã lặn vào cuộc sống lao động – vốn là điều vinh quang chói lọi một cách giả trá, mai mỉa của chế độ – để



kiếm sống, để tồn tại? Họ đang là những anh cán bộ, công an, bộ đội như thầy Thiện Phước, chú Sáng, chú Tân hay đang là những người thuộc con em thành phần bị chính quyền loại trừ ra khỏi cuốn sổ đỏ chói của đời sống?

Thắc mắc của tôi được giải đáp phần nào vào một buổi trưa, khi chú Đăng cho biết là có một anh thanh niên vào hỏi tìm tôi. Không gặp tôi, anh thanh niên đó đã đi vòng vòng quanh viện rồi ngồi chơi ở bậc tam cấp gần nhà bếp. Theo lời chú Đăng, tôi đến gặp anh thì biết đó là Đức. Hồi nhỏ Đức có cái tật là cứ vài phút lại tự lắc cái cổ qua bên trái một cái, rồi qua bên phải một cái, xương kêu răng rắc, (giống như cách người lớn tập thể dục trong động tác vận xương cổ), nên có đứa gọi nghịch là *Đức cổ*; sau này cái tật đó không biết do đâu mà hết, nhưng rồi Đức lại được mang biệt danh là *Đức trọc*, vì thường hay nổi húng cạo trọc mà sự cạo trọc của anh ta hoàn toàn không có ý nghĩa gì dính dáng với sự cạo trọc của mấy sư tăng ở chùa. Đức là một người bạn học cũ của tôi ở trường trung học Võ Tánh. Tôi không bao giờ gọi Đức bằng bí danh *Đức trọc* cả, nhưng chính Đức lại thích được bạn bè gọi như thế (có lẽ vì cái biệt danh đó cũng thay Đức nói lên được phần nào thái độ ngạo nghễ, bất cần của anh đối với cuộc đời).

Đức ăn mặc xốc xếch, áo sơ mi đứt gần hết nút, dơ bẩn; quần ka ki xanh đã chuyển

sang một màu không thể gọi tên, còn hai lai quần thì rách tươm để lộ đôi bàn chân dơ đầy bám đầy bụi đất. Mặt mày anh lem luốc, bơ phờ, mệt mỏi. Đầu tóc anh thì rối bù và trông dơ đến nỗi tôi có cảm tưởng là phải có chỉ bò lúc nhúc trên ấy. Người nào từng quen biết anh chắc đều có cảm nghĩ rằng đây là lúc tốt nhất để anh cáo trọc, vậy mà lúc này anh không cáo. Đứng trước mặt tôi là một Đức có tóc ố quạ chứ không phải là Đức trọc. Dù sao, tôi cũng nhận ra anh dễ dàng là do khuôn mặt xương xương với cái mũi cao và đầy đặn như một dãy núi hùng vĩ nổi bật giữa hai hồ mắt lớn nép dưới hai gò xương mày cao với đôi hàng lông mày dày rậm. Tôi đã nhận ra Đức dễ dàng hơn là Đức nhận ra tôi, điều này không thể trách Đức được, vì đã hơn sáu năm trước, hai đứa chúng tôi gặp lại nhau có một lần lúc tôi còn là chú tiểu có để cái chòm trên đầu. Bây giờ cái chòm của tôi đã mất trong khi Đức thì vẫn vậy.

“Đức phải không?”

“A, Khang, Đức đây,” Đức vui mừng đứng dậy bắt tay tôi.

Tôi rủ Đức đến phòng tôi ngồi trò chuyện. Đức không nói gì nhiều về bản thân của anh ta từ khi chúng tôi chia tay nhau năm 1972, khi Đức đến viện Hải Đức thăm tôi và sau đó tôi đi Hội An. Nhưng từ Đức, tôi cũng biết thêm chút ít về tình trạng của một số các bạn học cũ của mình. Trả lời đăm ba câu hỏi của tôi xong, Đức mệt mỏi nằm xuống cái đi-văng của tôi rồi ngủ. Hình như Đức vừa bị một cú sốc nào đó chưa hoàn hồn. Anh tìm đến tôi không phải để giải bày mà để được yên tĩnh. Tôi tôn trọng Đức, để anh nằm đó một mình, khép cửa nhẹ nhàng rồi đi ăn trưa. Ăn xong, tôi bưng một mâm cơm vào phòng cho Đức. Thức dậy, Đức ăn, xong lại ngủ. Đến chiều thì Đức từ giã. Vài ngày sau, Đức lại trở lên viện tìm gặp tôi. Cũng như lần trước, Đức chẳng có gì để nói với tôi, chỉ đến rồi mệt mỏi nằm

xuống ngủ. Khi thức dậy, Đức kể tôi nghe là Đức có tham gia một nhóm hoạt động chính trị, đa phần là giáo sư với sự hưởng ứng của sinh viên và học sinh lớp 12. Tổ chức bị tan vỡ, hầu như các thành viên đều bị bắt. Đức không cho biết là do đâu mà Đức thoát. Tôi nghe chuyện đó thì bỗng dưng niềm hào khí trong lòng cất lên. Tự dưng ngay lúc ấy, tôi bỗng có niềm tin rằng công việc mà Đức và những người trong nhóm anh đã làm chính là công việc lâu nay tôi băn khoăn, có nghĩ, có tìm kiếm mà vẫn mơ hồ chưa nhận ra được nó là cái gì. Với bầu nhiệt huyết tuổi trẻ, tôi thực tình hỏi Đức:

“Vậy bây giờ còn nhóm nào khác đang hoạt động nữa không?”

Câu hỏi của tôi có lẽ là quá ngây thơ đối với Đức. Trong chế độ mới, hai người thanh niên không nên hỏi nhau một câu như thế, cho dù đó là bạn bè, huống chi tôi và Đức là bạn bè không được thân lắm, lại xa cách nhau nhiều năm. Dù sao, Đức cũng tin tôi là thực lòng chứ không phải hỏi Đức để rồi đi báo cáo công an bớ rập. Đức nói:

“Dĩ nhiên là còn, nhưng Khang à, Khang đừng dính vào mấy vụ đó làm chi. Ý tôi nói... mấy tổ chức đó chẳng có gì đáng kể lắm đâu.”

Dù nói vậy, lúc ra về, Đức lại tặng tôi cuốn *Quân Vương* (The Prince) của Machiavelli. Đức không nói là tặng tôi, chỉ lặng lẽ bỏ lại trên bàn tôi. Ban đầu tôi tưởng là Đức bỏ quên, nhưng sau đó, thấy Đức không bao giờ trở lại nữa, tôi đoán là Đức tặng tôi.

Tôi không rõ Đức có muốn nói gì hay nhắn nhủ gì với tôi qua cuốn sách gối đầu giường của các chính trị gia Tây phương này không. Buổi tối cùng ngày, tôi có đọc *Lời Giới Thiệu* của Raymond Aron trong cuốn *Quân Vương* mà Đức tặng (sau này tìm đọc lại tôi mới nhớ đó là bản dịch của Phan Huy Chiêm, chuyển ngữ từ bản tiếng Pháp *Le Prince*).

Cuốn sách quả thật là khô khan, khó nuốt đối với tôi. Đọc xong lời giới thiệu rồi là tôi cất nó vào kệ sách, hầu như không bao giờ đụng tới nữa. Khoan bàn đến vấn đề nội dung cuốn sách (vì tôi có đọc đâu mà bàn!), chỉ nói đến cái tựa sách và thể loại của nó cũng đủ thấy rằng tâm hồn đơn sơ của tôi lúc ấy đã không có một chút cảm hứng nào để đọc. Nếu lúc ấy, Đức mang cho tôi một cuốn thơ thì hẳn là tôi đọc say mê hơn. Dù tôi có nhiệt huyết muốn làm một cái gì đó, hay tham gia một tổ chức nào đó để đóng góp cho quê hương, tâm tư tôi vẫn chưa sẵn sàng để đọc loại sách chính trị khô khan đó. Cũng có thể là tôi chưa liên kết được sự quan hệ giữa cuốn sách *Quân Vương* với thái độ và hành động chính trị của những người chí sĩ muốn làm cách mạng. Trong ý thức, hay trong cảm xúc mơ hồ của mình, tôi chỉ thấy rằng nếu có tổ chức nào vì thương yêu dân tộc đứng lên chống lại chính quyền, tôi sẽ sẵn sàng đi theo họ cho dù tôi chưa trang bị cho mình bất cứ tư tưởng, hay ý niệm, hay kiến thức gì về chính trị.

Và do vì Đức không bao giờ trở lại, ý niệm sơ khai về một cuộc đấu tranh cũng như nhiệt huyết *cách mạng* của tôi dần dần lắng dịu. Tuy thế, tôi cũng loáng thoáng thấy rằng, trong tôi đã có những đổi thay lớn từ khi đất nước thay đổi chế độ. Từ đời sống êm đềm của một chú tiểu, một học sinh, chỉ biết tu học và suốt ngày tôi luyện tâm chí mình bằng những tiếng kệ câu kinh và sự thiền định, bây giờ tôi đã có thể nghĩ đến chuyện dẫn thân vào một tổ chức chính trị nào đó để mưu cầu hạnh phúc cho dân tộc. Việc dẫn thân như thế, tôi xem như là nghĩa vụ dẹp trừ những điều xấu ác, cũng như xưa nay, tôi cũng đã từng học theo các nhà sư đi trước, cầm chổi quét sạch lá vàng và rác rưởi rơi rụng đầy ở sân chùa mỗi sáng.

(còn tiếp)